

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**NGUYỄN ANH ĐỨC**

**BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRƯỚC NHỮNG XÂM PHẠM  
TỪ INTERNET TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM:  
PHÂN TÍCH DƯỚI GÓC ĐỘ QUYỀN CON NGƯỜI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI – 2014**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**NGUYỄN ANH ĐỨC**

**BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRƯỚC NHỮNG XÂM PHẠM  
TỪ INTERNET TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM:  
PHÂN TÍCH DƯỚI GÓC ĐỘ QUYỀN CON NGƯỜI**

*Chuyên ngành: Pháp luật về quyền con người  
Mã số: Chuyên ngành đào tạo thí điểm*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

*Cán bộ hướng dẫn khoa học: GS.TS Nguyễn Đăng Dung*

**HÀ NỘI – 2014**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.*

*Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn!*

**NGƯỜI CAM ĐOAN**

**Nguyễn Anh Đức**

## MỤC LỤC

Trang phụ bìa	<i>Trang</i>
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục từ viết tắt	
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>Chương 1. QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN TRONG LÝ THUYẾT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI</b> .....	<b>7</b>
<b>1.1. Tư tưởng về quyền tác giả, quyền liên quan với tư cách một quyền tự nhiên của con người</b> .....	<b>8</b>
1.1.1. Tư tưởng về quyền đối với tài sản trí tuệ thời cổ - trung đại ở phương Tây và phương Đông .....	8
1.1.2. Tư tưởng về quyền đối với tài sản trí tuệ thời hiện đại trong hệ tư tưởng về các quyền con người.....	16
<b>1.2. Khái niệm quyền tác giả, quyền liên quan trong các văn kiện quốc tế về quyền con người</b> .....	<b>21</b>
1.2.1. Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền (UDHR) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) .....	22
1.2.2. Những khái niệm cơ bản theo luật nhân quyền quốc tế .....	25
1.2.3. Sự khác nhau giữa khái niệm “quyền” và “bảo hộ quyền” .....	28
<b>1.3. Nội dung bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trước những xâm phạm trên internet</b> .....	<b>29</b>
1.3.1. Nội dung bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật trên internet.....	30
1.3.2. Nội dung bảo hộ quyền liên quan trên internet .....	30
<b>1.4. Giới hạn quyền tác giả vì lợi ích phát triển cộng đồng</b> .....	<b>33</b>
1.4.1. Giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan dưới góc độ luật nhân quyền quốc tế.....	33

1.4.2.	Bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet và sự cân bằng cần thiết với các quyền con người khác .....	35
<b>1.5.</b>	<b>Quan điểm bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan trên internet nhìn từ pháp luật một số quốc gia tiêu biểu ....</b>	<b>38</b>
1.5.1.	Hoa Kỳ.....	39
1.5.2.	Khối Cộng đồng chung châu Âu (EU) .....	41
1.5.3.	Nhật Bản .....	42
1.5.4.	Anh quốc.....	43
	<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....</b>	<b>44</b>
	<b>Chương 2. THỰC TRẠNG BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN TRƯỚC NHỮNG XÂM PHẠM TRÊN INTERNET Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>45</b>
<b>2.1.</b>	<b>Các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và quyền liên quan trên internet.....</b>	<b>45</b>
2.1.1.	Khái quát về hệ thống pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet .....	45
2.1.2.	Nội dung bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet.....	56
2.1.3.	Giới hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet.....	63
<b>2.2.</b>	<b>Thực trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên internet tại Việt Nam. ....</b>	<b>66</b>
<b>2.3.</b>	<b>Nguyên nhân dẫn tới các xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên internet tại Việt Nam .....</b>	<b>70</b>
2.3.1.	Nguyên nhân từ chính sách pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan.....	70
2.3.2.	Nguyên nhân từ cơ chế thực thi bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan .	72
2.3.3.	Nguyên nhân về văn hóa – xã hội Việt Nam.....	73
	<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>78</b>

<b>Chương 3. KINH NGHIỆM XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN TRÊN INTERNET TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY BẢO VỆ QUYỀN Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>79</b>
<b>3.1. Kinh nghiệm xử lý xâm phạm bản quyền trên internet của Hoa Kỳ ...</b>	<b>79</b>
3.1.1. Tính đa dạng của các biện pháp tự bảo vệ.....	80
3.1.2. Các chế tài có tính răn đe cao .....	81
3.1.3. Biện pháp giáo dục về nhận thức.....	82
3.1.4. Bài học cho Việt Nam.....	84
<b>3.2. Kinh nghiệm xử lý xâm phạm bản quyền qua internet tại Pháp.....</b>	<b>84</b>
3.2.1. Biện pháp dân sự.....	85
3.2.2. Biện pháp khuyến khích người dùng.....	86
3.2.3. Bài học cho Việt Nam.....	87
<b>3.3. Kinh nghiệm xử lý xâm phạm bản quyền qua Internet tại Anh.....</b>	<b>87</b>
3.3.1. Biện pháp dân sự.....	87
3.3.2. Biện pháp giáo dục về nhận thức.....	88
3.3.3. Biện pháp khuyến khích hợp lý.....	89
3.3.4. Bài học cho Việt Nam.....	90
<b>3.4. Kinh nghiệm xử lý xâm phạm bản quyền qua Internet tại Úc.....</b>	<b>90</b>
3.4.1. Kinh nghiệm hợp tác quốc tế.....	90
3.4.2. Bài học cho Việt Nam.....	91
<b>3.5. Những giải pháp thúc đẩy bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet ở Việt Nam .....</b>	<b>92</b>
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....</b>	<b>95</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>96</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>97</b>

## TỪ VIẾT TẮT

UDHR – Universal Declaration on Human Right 1948

ICESCR – International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights 1966

WIPO – World Intellectual Property Organization (Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới)

WCT – WIPO Copyright Treaty 1996

WPPT – WIPO Performances and Phonograms Treaty 1996

HRC – Human Right Coucil (Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc)

SCCR – Standing Committee on Copyright and Related Rights (Ủy ban thường trực về quyền tác giả, quyền liên quan)

CHXHCN – Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

DMCA – Digital Millennium Copyrights Act.

TPMs – Technical Protection Measurements.

RMI – Right Management Information

ISP – Internet Supply Provider.

EU – European Union

CDPA – Copyright, Designs and Patents Act

MPAA – Motion Picture Association of America (Hiệp hội điện ảnh Hoa Kỳ).

VTV – Đài truyền hình Việt Nam

RIAA – Recording Industry Association of America (Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Hoa Kỳ)

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Điều 27 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền đã ghi nhận: “*Mọi người đều có quyền được bảo vệ các lợi ích về vật chất và tinh thần là kết quả của bất kỳ sáng tạo khoa học, văn học và nghệ thuật mà người đó là chủ sở hữu*” [59, Điều 27]. Điều này cũng được tái khẳng định tại điều 15 (1) (c) Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966. Ngoài ra, còn rất nhiều công ước quốc tế khác cũng đã nhấn mạnh việc bảo hộ quyền tác giả chính là nhằm bảo vệ các quyền cơ bản của con người về kinh tế và văn hóa. Theo pháp luật Việt Nam, “nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó” được ghi nhận và nghĩa vụ của Nhà nước về bảo hộ quyền tác giả cũng được Hiến pháp 2013 quy định tại Điều 40.

Năm 2009, Hội đồng châu Âu đã công bố bản báo cáo về “Mối quan hệ giữa quyền tác giả và quyền con người”, trong đó khẳng định việc bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan là yếu tố quan trọng giúp đẩy mạnh các sáng tạo văn học, âm nhạc và nghệ thuật, làm phong phú thêm di sản văn hóa quốc gia cũng như phổ biến các sản phẩm của văn hóa và thông tin đến với công chúng. Qua đó có thể thấy rằng việc bảo hộ quyền tác giả, theo quan điểm của Hội đồng châu Âu, không chỉ nhằm bảo vệ những quyền con người cơ bản cho chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả mà còn là biện pháp giúp nâng cao khả năng tiếp cận của công chúng tới các sản phẩm trí tuệ.

Xem xét từ khía cạnh pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hầu hết các quan điểm đều cho rằng các phát minh – sáng tạo của con người là những tài sản vô hình. Trong khi đó quyền đối với tài sản là một trong những quyền con người cơ bản đã được ghi nhận trong các công ước quốc tế về quyền con người.

Thực tiễn bảo hộ quyền tác giả tại Việt Nam cho thấy còn một khoảng trống lớn trên thực tế khiến các hành vi xâm phạm quyền tác giả ngày càng phức



tạp hơn, đặc biệt là các xâm phạm từ môi trường internet. Tính đến hết quý III năm 2012, Việt Nam đứng thứ 18 trong số 20 quốc gia sử dụng internet nhiều nhất thế giới và xếp thứ 7 trong khu vực châu Á. Với bối cảnh một quốc gia nghèo, nhu cầu rất cao về thông tin và tri thức mới đã khiến cho internet càng có tác động mạnh hơn ở Việt Nam. Trong khi đó, nhận thức về bản quyền tác giả của đại đa số người sử dụng cũng như các nhà cung cấp dịch vụ thông tin còn rất hạn chế. Thậm chí có nhiều nhà cung cấp còn cố ý không chấp hành các quy định của pháp luật về nghĩa vụ đối với quyền tác giả để thu lợi bất hợp pháp. Điều đó khiến cho các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường internet ngày càng trầm trọng và phức tạp hơn. Xét về hậu quả lâu dài, chính công chúng là chủ thể phải chịu thiệt thòi khi mất đi cơ hội tiếp cận các tác phẩm có giá trị bởi công sức lao động sáng tạo đã không được tôn trọng, bảo vệ theo các quy định của pháp luật.

Do đó, vấn đề bảo hộ quyền tác giả trước những xâm phạm nói chung và cụ thể hơn, bảo hộ quyền tác giả trước những xâm phạm từ internet chính là việc bảo vệ các quyền cơ bản của con người, đặc biệt đối với các quyền về kinh tế và văn hóa.

Cần nhắc những giá trị của bảo hộ quyền tác giả cũng như tính phức tạp từ thực tiễn xâm phạm bản quyền tác giả từ internet trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Nhận thức rằng mức độ nghiêm trọng của vấn đề không chỉ là câu hỏi dành cho các nhà quản lý mà chính là sự xâm phạm đến các quyền cơ bản của con người đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Do đó tôi lựa chọn đề tài “**Bảo hộ quyền tác giả trước những xâm phạm từ internet trên thế giới và Việt Nam: Phân tích dưới góc độ quyền con người**” cho việc bảo vệ luận văn tốt nghiệp chuyên ngành thạc sĩ pháp luật về quyền con người.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Luận văn xác định hai mục tiêu cơ bản: Thứ nhất, phân tích các quy định về bảo hộ quyền tác giả với những chuẩn mực pháp luật nhân quyền quốc

tế. Thứ hai, đưa ra giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet tại Việt Nam dựa trên những kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu.

Cụ thể là:

- *Thứ nhất*, luận văn tiến hành nghiên cứu, phân tích một số quy phạm pháp lý cụ thể về pháp luật bảo hộ quyền tác giả trên thông qua các quy định pháp luật quốc tế bảo đảm các quyền con người về kinh tế và văn hóa. Từ đó so sánh mức độ tương thích giữa pháp luật thực định của quốc gia với các tiêu chuẩn bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trước những xâm phạm trên internet.

- *Thứ hai*, trên cơ sở phân tích các công cụ pháp lý, thực tiễn xâm phạm quyền tác giả qua internet tại Việt Nam và kinh nghiệm vào vệ quyền tại một số quốc gia trên thế giới để đưa ra kiến nghị giải pháp nâng cao khả năng bảo vệ, thúc đẩy quyền.

### **3. Tính mới và những đóng góp của đề tài**

Luận văn nghiên cứu về vấn đề bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet với tư cách là một trong các quyền con người về kinh tế và văn hóa đã được ghi nhận trong pháp luật nhân quyền quốc tế. Từ đó, làm rõ vai trò của chủ thể có nghĩa vụ chính trong việc bảo đảm các quyền con người là nhà nước trong vấn đề bảo hộ quyền tác giả trước những xâm phạm từ internet.

Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng và thực hiện pháp luật liên quan đến bảo hộ quyền tác giả trên internet nói riêng và quyền con người nói chung. Ngoài ra, luận văn còn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Luận văn được tiến hành dựa trên nhóm Quyền tác giả và quyền liên quan; nhóm quyền con người cơ bản về kinh tế và văn hóa được ghi nhận theo luật nhân quyền quốc tế và Các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan từ internet.

#### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Luận văn này giới hạn nghiên cứu trong phạm vi bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trước những xâm phạm từ internet.

### **5. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Vấn đề Bảo hộ quyền tác giả trước những xâm phạm từ internet có thể coi là điểm xung đột giữa hai lĩnh vực còn mới mẻ đối với Việt Nam nên việc nghiên cứu nhằm giải quyết vấn đề vẫn chưa có những dấu ấn rõ rệt. Điềm qua một số công trình nghiên cứu trong nước cho thấy, hầu hết các nghiên cứu về bảo hộ quyền tác giả trên internet mới chỉ được thực hiện nghiên cứu dưới góc độ chuyên ngành luật dân sự chủ yếu tại Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật – ĐHQG Hà Nội hay dưới góc độ nghiên cứu khoa học quản lý với các công trình nghiên cứu bảo vệ tại Khoa Khoa học quản lý trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn – ĐHQG Hà Nội. Một số nghiên cứu tiêu biểu có thể kể đến như:

(1). Hoàng Thị Diệu Thương, *Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm âm nhạc trên internet tại Việt Nam*, bảo vệ tốt nghiệp cử nhân năm 2009 ngành Khoa học quản lý.

(2). Cao Ngọc Tâm, *Những khó khăn của Trung tâm bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC) trong môi trường kỹ thuật số*, bảo vệ tốt nghiệp cử nhân năm 2011 ngành Khoa học quản lý.

(3). Quản Tuấn An, *Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, luận văn thạc sĩ luật học – chuyên ngành luật dân sự tại Đại học Luật Hà Nội, năm 2009.

(4). Lê Hải, *Nguyên nhân vi phạm quyền tác giả trong môi trường internet*, bảo vệ tốt nghiệp cử nhân năm 2012 tại Khoa Luật – ĐHQG Hà Nội chuyên ngành luật dân sự.

Xét thấy phạm vi nghiên cứu của luận văn không chỉ giới hạn trong phạm vi pháp luật bảo hộ quyền tác giả mà chủ yếu phân tích dưới góc độ bảo đảm quyền con người về kinh tế và văn hóa với tư cách là một quyền phổ quát có giá trị quốc tế. Do vậy trước khi đi sâu nghiên cứu, cần phải xem xét một số công trình nghiên cứu từ một số quốc gia trên thế giới với nội dung gần với chủ đề của luận văn. Trong đó có thể kể đến các công trình nghiên cứu như:

(1). Công trình nghiên cứu của S.G. Hombal và K.N. Prasad với tiêu đề: *“Bảo vệ bản quyền kỹ thuật số: Những vấn đề trong môi trường thư viện kỹ thuật số”*

(2). Công trình nghiên cứu của Christoph Beat Graber với tiêu đề: *“Quyền tác giả và khả năng tiếp cận – Một quan điểm về quyền con người”*

(3). Báo cáo của nhóm chuyên gia Hội đồng châu Âu về Quyền con người trong xã hội thông tin mang tên: *“Quyền tác giả và quyền con người”*

(4). Báo cáo của Trung tâm nghiên cứu chính sách châu Âu tại Bỉ với tiêu đề: *“Quyền tác giả trong thị trường kỹ thuật số chung châu Âu”*

(5). Công trình nghiên cứu của Cục công nghiệp và thương mại Hồng Kông về *“Bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số”*

(6). Công trình nghiên cứu của Tiến sĩ Mihály Ficsor, báo cáo tại Hội nghị quốc tế về quyền tác giả và quyền con người trong thời đại thông tin: Xung đột hay hài hòa cùng tồn tại? với tiêu đề: *“Cân bằng quyền tác giả với tư cách một quyền con người với các quyền con người khác”*

(7). Công trình nghiên cứu của Primavera De Filippi, *“Quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số: Từ sở hữu trí tuệ đến tài sản vô hình”*

(8). Công trình nghiên cứu: “*Quyền con người và bản quyền: Giới thiệu về Luật tự nhiên và đối chiếu với Luật bản quyền của Hoa Kỳ*” của tác giả Orit Fischman Afori

(9). Nghiên cứu của Lea Shaver và Caterina Sganga: “*Quyền được tham gia vào đời sống văn hóa: Về quyền tác giả và quyền con người*”

## **6. Nội dung, địa điểm và phương pháp nghiên cứu**

### **6.1. Nội dung nghiên cứu**

Pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tại một số quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp và Việt Nam trong mối tương quan với luật nhân quyền quốc tế.

### **6.2. Phương pháp nghiên cứu**

Cơ sở phương pháp luận của đề tài là chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác – Lênin. Cùng với việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội nói chung bao gồm phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp từ góc độ lý luận về quyền con người nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Luận văn có kết cấu gồm 03 chương:

Chương 1. Quyền tác giả, quyền liên quan trong lý thuyết về quyền con người

Chương 2. Thực trạng bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trước những xâm phạm trên internet ở Việt Nam

Chương 3. Kinh nghiệm xử lý xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên internet tại một số quốc gia và giải pháp thúc đẩy bảo vệ quyền ở Việt Nam

## Chương 1

# QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN TRONG LÝ THUYẾT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Cần phải nhấn mạnh rằng, việc nhìn nhận quyền tác giả, quyền liên quan dưới góc độ một quyền con người cơ bản có một sự khác biệt lớn so với các quan điểm mang tính chất pháp luật dân sự chuyên ngành. Bởi lẽ, việc ghi nhận một quyền con người bất kỳ luôn có tính chất định hướng và bao quát trong khi các chuyên ngành pháp luật mới chính là nơi thể hiện rõ nhất phạm vi ghi nhận, bảo đảm và bảo vệ, thúc đẩy quyền tùy theo điều kiện cụ thể của từng quốc gia. Mặt khác, nói đến nguồn gốc của sự ghi nhận các quyền con người nói chung là do ảnh hưởng từ học thuyết về quyền tự nhiên, trong đó quyền của con người đối với lợi ích từ việc bảo vệ các quyền lợi về vật chất và tinh thần là kết quả từ các sản phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật là nói đến việc bảo vệ mối liên hệ cá nhân giữa tác giả và sáng kiến của họ và giữa con người, cộng đồng, hoặc các nhóm khác với các di sản văn hoá tập thể của họ, cũng như các lợi ích vật chất cơ bản mà cần thiết cho phép tác giả có được mức sống thích đáng. Trong khi đó, bản chất của pháp luật chuyên ngành bảo hộ quyền tác giả là bắt nguồn từ những đảm bảo về lợi ích kinh tế. Hơn nữa, *“phạm vi của việc bảo vệ các nhu cầu vật chất và tinh thần của tác giả được quy định trong Điều 15 (1,c), không nhất thiết phải trùng với những quy định về quyền sở hữu trí tuệ trong pháp luật quốc gia hay các quốc tế”* [11, tr. 172-173].

Vấn đề đặt ra là quyền tác giả, quyền liên quan có phải là những quyền tự nhiên vốn có của con người, phục vụ cho chính nhu cầu sống, tồn tại và phát triển của con người hay chỉ là một sản phẩm phái sinh, tức là một quyền pháp lý được sinh ra trên cơ sở những quyền con người vốn có khác? Chương 1

của luận văn mang tên “quyền tác giả, quyền liên quan trong lý thuyết về quyền con người” sẽ nhằm trả lời cho vấn đề này.

Mục đích của luận văn, do đó cũng hướng đến việc làm rõ quyền tác giả, quyền liên quan là những quyền con người và việc bảo vệ những quyền này là đòi hỏi mang tính tất yếu, tự nhiên trong tiến trình phát triển chung của xã hội loài người, đặc biệt là tầm quan trọng của việc bảo hộ quyền trong thời đại phát triển mạnh mẽ của internet hiện nay. Đồng thời làm rõ những giới hạn của việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet nhằm đạt được sự cân bằng trong mối tương quan với các quyền con người khác, đặc biệt là các quyền về phát triển con người.

### **1.1 Tư tưởng về quyền tác giả, quyền liên quan với tư cách một quyền tự nhiên của con người**

Lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết quyền con người nói chung đã được ghi nhận từ thời cổ đại với những tên tuổi không thể bị lãng quên như các bậc hiền triết Aristotle (384 – 322 TCN), Zeno (xứ Xiti, 333 – 264 TCN), Socrates (469 – 339), gần hơn có Thomas Hobbes (1588 – 1679), John Locke (1632 – 1704), Thomas Paine (1731 – 1809)... Mặc dù họ, những bậc hiền triết vĩ đại, có thể có những quan điểm, luận thuyết khác nhau và theo những trường phái khác nhau (trường phái tự nhiên hay pháp lý) về vấn đề quyền con người, song tựu chung, họ đã cho thế hệ của chúng ta và những thế hệ mai sau những giá trị vô giá, là những giá trị cốt lõi giúp cho khoa học về quyền con người ngày càng được củng cố, trong đó bao gồm hệ lý luận về quyền tác giả, quyền liên quan.

#### ***1.1.1 Tư tưởng về quyền đối với tài sản trí tuệ thời cổ - trung đại ở phương Tây và phương Đông***

Những khái niệm cơ bản về tài sản trí tuệ đã được đưa ra từ rất sớm vào “*khoảng thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên bởi nhà triết học Aristotle*” [38, tr.3]. Và ngay “*từ thời kỳ cổ đại của các đế chế Hy Lạp và Rome, người ta đã cho rằng việc sao chép (plagiarism) là một hành động đê hèn và bị lên án rộng rãi*” [67, tr.11]. Ở Hy Lạp cổ đại, người ta có thể xác định ít nhất là ý tưởng về một cơ chế dựa trên sự khuyến khích trong đó một nhà phát minh tiềm năng được khuyến khích việc tiết lộ một cái gì đó mới và hữu ích cho xã hội. Sự khuyến khích có thể mang hình thức của một phần thưởng giải thưởng hoặc độc quyền trong đóng góp của nhà phát minh. Một trong những dạng thức sớm nhất của cơ chế dựa trên khuyến khích có thể được tìm thấy ở lãnh địa Sybaris, một thuộc địa Hy Lạp ở miền nam Italy đã tồn tại từ năm 720-510 trước Công nguyên. Được biết đến với lối sống xa hoa, Sybarites được cho là đã ban hành một luật mà theo đó tạo độc quyền cho những người đã tạo ra một số thú vui ẩm thực như nhà sử học Phylarcus, nhà văn Hy Lạp Athenaeus nói:

nếu có bánh kẹo hoặc phát minh ra bất kỳ món ăn đặc biệt và tuyệt vời, không có nghệ sĩ khác được phép thực hiện điều này trong một năm; người đã phát minh ra nó đã được hưởng tất cả những lợi nhuận có được từ việc sản xuất của nó cho thời gian đó nhằm khuyến khích những người khác có thể làm ra những thành quả lao động xuất sắc như vậy ....[40, tr.5]

Tuy nhiên cần khẳng định rằng ở thời kỳ cổ đại, khoa học pháp lý nói riêng vẫn còn nằm trong khôi tri thức triết học và “*triết học về sở hữu trí tuệ đa số bắt nguồn từ triết học về quyền sở hữu*” [16, tr.15]. Trong đó, các lý thuyết về quyền đối với tài sản trí tuệ còn mơ hồ, chưa được định hình và có thể được ẩn trong lý thuyết về quyền tài sản chung. Trong khi người thầy của Aristotle là Platon tin rằng “*việc tư hữu tài sản chỉ nhằm giúp cho việc phân chia (các tài sản trong xã hội), là nguyên nhân của sự chia rẽ*” [53] thì Aristotle lập luận “*chỉ có tư hữu tài sản mới là sự công bằng dành cho những kết quả của lao động của*



*cá nhân*” [53]. Bởi lẽ ông cho rằng “*sự xuất sắc không bao giờ là một tai nạn mà nó luôn luôn là kết quả của sự kiên định, nỗ lực chân thành và hành động một cách khôn ngoan. Nó thể hiện sự lựa chọn khôn ngoan trong số nhiều lựa chọn thay thế*” [42]. Điều đó có nghĩa là những sản phẩm của sự nỗ lực không mệt mỏi như vậy ở mỗi cá nhân cần được đánh giá cao để thúc đẩy trí tuệ, sự sáng tạo của cả cộng đồng. Ông cũng cho rằng sở hữu tư nhân sẽ góp phần thúc đẩy đạo đức cũng như tính thận trọng và trách nhiệm của con người với lý giải rằng “*khi mỗi người đều có những sự quan tâm khác nhau thì con người sẽ không bị xung đột (về lợi ích) với những người khác và sẽ được tiến bộ hơn bởi lẽ mỗi người đều được tham dự vào công việc kinh doanh của riêng mình*” [42]. Thật vậy, con người với bản năng tự nhiên là tự yêu quý bản thân mình, họ sẵn sàng cống hiến, lao động để bản thân có được cuộc sống tốt đẹp hơn. Song hành với quá trình đó, con người cũng có nhu cầu san sẻ những điều tốt đẹp tới cộng đồng. Điều đó chỉ có thể thực hiện được khi họ có tài sản riêng, là thứ tài sản chỉ mình họ có quyền năng định đoạt. Bởi lẽ như Aristotote đã lập luận về quyền sở hữu trong cuốn chính trị luận rằng: “*một người không thể được coi là hào phóng nếu như họ cho đi thứ tài sản không thuộc sở hữu của mình*” [12, tr. 70 – 71].

Cùng với quan điểm về sở hữu tư nhân, Aristotote cũng đề cập đến các yếu tố về tài sản trí tuệ và coi đó là sự thể hiện cho đặc trưng của một con người tự do. Trong cuốn “*Chính trị luận*” (the Politics) của mình, ông đã lấy sản phẩm âm nhạc làm ví dụ minh họa cho những tài sản cá nhân mang tính trí tuệ, coi đó là kết quả của một sự tìm tòi, khám phá thể hiện trí tuệ của cá nhân. Aristotote cho rằng “*người ta tìm thấy âm nhạc từ những cung bậc của sự hứng thú mang tính trí tuệ, thứ mà họ tin rằng sẽ giúp tạo nên sự khác biệt cho một con người tự do*” [46, tr. 296].

Một vài thế kỷ sau sự tàn phá của lãnh địa Sybaris, Aristotote đã đề cập đến các khái niệm về độc quyền cho những cá nhân phát hiện ra một cái gì đó “*tốt*” cho nhà nước. Cụ thể, Aristotote đề cập đến vị kiến trúc sư Hippodamus của

xứ Miletus, là người đã xây dựng thành phố Pericles đương thời. Ông là người đề xuất rằng một đạo luật được ban hành “*để có hiệu lực rằng tất cả những ai đã khám phá ra những thuận lợi cho đất nước sẽ nhận được danh hiệu*” [40, tr.6]. Hay nói cách khác là đạo luật đó cho phép ghi nhận danh hiệu dành cho những người nào có công khám phá ra những điều “tốt” cho đất nước.

Điều đó cho thấy trong tư tưởng của Aristotle, con người không chỉ được đặc trưng bởi những tài sản hữu hình bên ngoài (thuộc về sở hữu của chính người đó) mà còn có thể trở nên khác biệt với những cá thể khác trong cộng đồng chính nhờ vào sự khác biệt trong cách mà người đó sử dụng trí tuệ của mình để tạo ra một sản phẩm được người khác có thể nhận biết được (ví dụ như tác phẩm âm nhạc). Từ những sản phẩm sáng tạo của cá nhân như vậy, tổng hợp các sản phẩm trí tuệ của mỗi người trong cộng đồng sẽ giúp hình thành nên một đặc trưng cho cả cộng đồng đó mà ngày nay chúng ta thường gọi tên bằng khái niệm “văn hóa” vốn được định nghĩa khá trừu tượng. Nhưng khi nhìn lại vào cách hiểu của Aristotle, chúng ta có thể dễ dàng hình dung được câu trả lời bởi sự đơn giản mà không hề kém đi giá trị triết lý. Ông cho rằng “*văn hóa không nhằm một mục đích nào khác ngoài phục vụ cho chính nó, và tư tưởng về văn hóa chính là dựa trên hàm ý về việc sử dụng trí tuệ*” [46, tr.296].

Như vậy, có thể thấy trong tư tưởng của Aristotle, tài sản trí tuệ của mỗi con người tự do, cũng giống như những loại tài sản khác, cần phải thuộc về sở hữu tư của chính con người đó bởi họ, bằng việc sử dụng trí lực của mình đã góp phần tạo nên những tài sản có ích cho cộng đồng. Đây có thể coi là những tư tưởng tiền đề cho các học thuyết về quyền tài sản sau này.

Tuy không có sự thể hiện rõ ràng như triết học phương Tây, triết học phương Đông cũng mang những giá trị nhất định về quyền con người, trong đó có những tư tưởng về quyền tài sản, quyền sở hữu từ trong tư tưởng của những trường phái lớn mà tiêu biểu trong đó là hệ tư tưởng Nho giáo. Trước khi nói đến tư tưởng về quyền tác giả ở Trung Hoa cổ đại, cần xuất phát từ thực tiễn

rằng ý thức về quyền tác giả của người Trung Hoa thời kỳ này còn rất mờ nhạt, người ta thậm chí còn khuyến khích việc sao chép các tác phẩm thơ, họa và “*coi sự lan truyền đó giống như một phương cách khiến họ trở nên được biết đến rộng rãi hơn. Mỗi tác phẩm thơ, họa (bức vẽ) đều là sự độc đáo duy nhất, một sự sáng tạo hiếm có và biểu thị sự khác biệt đặc trưng của tác giả đó*” [43, tr.11]. Tuy nhiên, bên cạnh những hành động mang tính chất nghệ thuật được mong muốn phổ biến rộng rãi như vậy thì một khía cạnh khác lại cho thấy, xã hội Trung Hoa rất coi trọng yếu tố bản quyền, đặc biệt về mặt kỹ thuật, công nghệ. Lẽ dĩ nhiên thuật ngữ “bản quyền” chưa được sử dụng ở thời kỳ đó, mà chỉ đơn thuần được hiểu là quyền sở hữu đối với một kỹ nghệ nhất định. Những kỹ nghệ đó thường chỉ được truyền lại qua phương thức trực tiếp, đời sau kế tiếp đời trước và dần tạo dựng được “thương hiệu” riêng. Ví dụ điển hình cho thấy sự tồn tại thực tế của yếu tố tác quyền có thể thấy thông qua những công thức nấu ăn, công thức pha chế thuốc, những bài võ thuật... Và như một lẽ tất yếu, hiện thực xã hội sẽ được phản ánh vào trong hệ tư tưởng của những học giả, những nhà triết học có chức năng xây dựng, củng cố nền tảng kiến thức, văn hóa cho xã hội. Trong đó, một vài học giả đã có những tư tưởng đột phá về giá trị, lợi ích của yếu tố quyền sở hữu hoặc cao hơn là độc quyền (Proprietary). Như Mạnh Tử từng nói “*một người thợ mộc hay một người làm xe ngựa có thể nói cho người khác bí quyết những không thể làm cho anh ta có kỹ năng được*” [12, tr.104]. Điều đó cho thấy tư tưởng về giá trị của người chủ sở hữu “tài sản trí tuệ” không đơn thuần nằm ở những giá trị bất động (bí quyết) mà rộng hơn là cả kỹ năng sử dụng tài sản đó thì chỉ người chủ sở hữu mới nắm được.

“*Nhìn từ góc độ quản lý nhà nước, ngay từ thời nhà Đường (618 – 906) đã có những quan điểm của nhà cầm quyền về tài sản trí tuệ cũng tương đối đồng nhất với hệ thống luật Anglo – American*” [68, tr.538]. Mục đích của mỗi quan tâm sớm như vậy từ phía chính quyền được coi là “*nhằm duy trì sự ổn định của thị trường và trật tự xã hội*” [44, tr.570] như đã được tác giả William

P. Alford đề cập trong cuốn “To Steal a Book is an Elegant Offense: Intellectual Property Law in Chinese Civilization”, tạm dịch là “Để trộm cắp một cuốn sách là một hành vi phạm tội trang nhã: Luật sở hữu trí tuệ trong nền văn minh Trung Hoa”. Xa hơn nữa, Jonathan Ocko còn cho rằng “*mục đích của việc bảo hộ đó còn lớn hơn những ý thức thông thường về quyền tài sản trí tuệ mà còn nhằm phổ biến rộng rãi những kiến thức chuyên môn đầy đủ như đối với những người sở hữu hoặc làm chủ các văn bản tôn giáo, những thầy địa lý (thầy phong thủy), thầy bói*” [44, tr.571] cũng thể hiện tính sở hữu đối với những công trình của họ như bản chép tay, song vẫn đưa ra phổ biến trong công chúng.

Qua đó có thể thấy, tư tưởng, ý thức về quyền sở hữu trí tuệ của không chỉ giới học giả mà ngay cả các chính quyền nhà nước ở thời kỳ này đã có được một nền tảng nhất định. Tuy có được mức độ tương đồng trong tư tưởng giữa phương Đông và phương Tây song cần phải khẳng định rằng những tư tưởng về đề cao quyền sở hữu tài sản trí tuệ xuất hiện ở phương Tây là sớm hơn và rõ ràng hơn trong những diễn đạt của họ, trong khi những giá trị này ở phương Đông mà điển hình là Trung Quốc thì cần đánh giá những hành động của cổ nhân để xem xét tư tưởng của họ.

Nếu như các nhà nước Đông Á không có những sự thay đổi đột biến về chính thể nhà nước và xã hội ở thời kỳ trung, cận đại thì những sự thay đổi, trước hết trong xã hội phương Tây đã trở thành nền tảng cho những ghi nhận rõ nét hơn về quyền đối với tài sản trí tuệ trong pháp luật mà những dấu vết của nó thể hiện trong những đặc quyền của hoàng gia thời kỳ trung đại ở châu Âu.

Trong thời kỳ này, tự do của con người bị hạn chế gần như tuyệt đối và khắc nghiệt bởi sự cấu kết giữa vương quyền của chế độ phong kiến và thần quyền của nhà thờ Thiên chúa giáo nhằm duy trì ách cai trị chuyên chế, độc quyền. Tuy nhiên, chính trong hoàn cảnh khắc nghiệt đó đã xuất hiện những tư tưởng khai sáng về quyền con người mà dẫn đến việc ban hành các văn kiện pháp lý nổi tiếng nhất của nhân loại, là nền tảng cho sự phát triển về sau này của

hệ thống pháp luật về quyền con người trên thế giới. Điển hình trong số các văn kiện đó là Đại Hiến chương Magna Carta do vua John của nước Anh ban hành năm 1215. Trong Hiến chương đã khẳng định một số quyền con người, cụ thể như: quyền sở hữu, thừa kế tài sản; quyền tự do buôn bán và không bị đánh thuế quá mức; quyền của các phụ nữ góa chồng được quyết định tái hôn hay không; quyền được xét xử đúng đắn và được bình đẳng trước pháp luật....

Cùng với những thay đổi mạnh mẽ trong phân hóa xã hội, “*các nhà nước tây Âu đã rất chú trọng đến việc thúc đẩy những phát minh về công nghệ trong phạm vi lãnh thổ quốc gia hoặc nhập khẩu từ bên ngoài, từ đó dẫn đến việc cấp độc quyền, đặc quyền cho các hiệp hội thương nhân hoặc những thợ thủ công*” [32, tr.233].

Người ta ghi nhận rằng những người ở nước cộng hòa Vơ-ni-đơ (thuộc nước Ý ngày nay) đã đặt ra luật về sáng chế đầu tiên vào năm 1474 (the 1474 Act) và “*mô hình ấy đã được lan rộng tới nhiều quốc gia khác ở châu Âu trong vòng 100 năm sau đó*” [66, tr.7]. Phải khẳng định ngay rằng nguồn gốc của sự ra đời luật về sáng chế ở Vơ-ni-đơ bắt nguồn từ quyền về kinh tế mà cụ thể là quyền kinh doanh. Khi đó, rất nhiều những sản phẩm ở Vơ-ni-đơ, đặc biệt là những sản phẩm nghệ thuật và công nghệ, chỉ có thể được sản xuất và bán bởi những phường hội của nghệ nhân và thương gia và bằng sáng chế được coi là “*sự loại trừ tính độc quyền của những phường hội này. Nó cho phép những người không phải là thành viên của các phường hội, đặc biệt là người nước ngoài có thể buôn bán các sản phẩm và những phương pháp thực hành ở bên ngoài phạm vi tỉnh nơi hội phường có độc quyền*” [63, tr.1268 – 1269]. Qua đó cho thấy sơ khởi của pháp luật về quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ nói chung là nhằm mở rộng quyền kinh doanh của công chúng, nhằm thoát khỏi vị thế độc quyền buôn bán của các hội phường.

Mặc dù ở thời kỳ này, những khái niệm về quyền kinh tế, hay quyền con người còn chưa được định hình, song về bản chất, đây chính là sự ghi nhận

đối với quyền tự do kinh doanh của con người. Sự độc quyền trong buôn bán hàng hóa, sản phẩm là đi ngược lại với việc mưu cầu lợi ích cho con người, làm giảm đi khả năng tiếp cận hàng hóa, sản phẩm của công chúng trong khi lại giữ cho một bộ phận người có được những đặc ân thể hiện sự bất bình đẳng trong xã hội. Đây cũng chính là nền tảng xuyên suốt trong hệ tư tưởng về tính tự nhiên của các quyền con người mà theo đó, mọi cá nhân trong cộng đồng đều có sự bình đẳng ngang nhau về cơ hội và khả năng tiếp cận, thực hiện quyền. Sẽ thực sự bất công nếu như một nhóm người nào đó ngay từ khi sinh ra đã có được những đặc ân dựa trên sự tước đoạt những quyền cơ bản của những công dân bình thường khác. Do đó, sự hình thành của luật về sáng chế của người Vơ-ni-đơ được coi là dấu mốc quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống luật về quyền sở hữu trí tuệ trong tương lai và cũng là sự thể hiện rõ ràng của mối liên hệ tự nhiên giữa quyền sở hữu tài sản trí tuệ với quyền con người cơ bản. Sự ra đời của đạo luật 1474 không chỉ có tác động lớn đối với các hoạt động sáng tạo, kinh doanh ở Vơ-ni-đơ mà còn lan truyền tới nhiều quốc gia khác mà *“có thể khẳng định rằng còn có nhiều dấu vết cho thấy pháp luật về điều chỉnh các tài sản trí tuệ đối với một hệ thống những đặc quyền của hoàng gia đã được thiết lập và vận hành ở châu Âu trong suốt thời kỳ Trung đại”* [66, tr.7].

Một dấu mốc quan trọng khác trong lịch sử phát triển của loài người thời kỳ này là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật trong thời kỳ Khai sáng ở châu Âu. Trong đó, sự ra đời của công nghệ in ấn đã giúp cho các tác phẩm văn học, khoa học, nghệ thuật bắt đầu được đưa vào giao lưu thương mại và dần trở thành một loại hàng hóa quan trọng đối với nhu cầu phát triển của con người. Một số chủ xưởng in và nhà đầu tư đã bắt đầu tiến hành việc thuê các tác giả viết sách, truyện... để in ấn phát hành và đương nhiên họ phải trả cho tác giả một chi phí nhất định. Tuy nhiên, khi đó sản phẩm của họ lại dễ dàng bị sao chép bởi các nhà in nhỏ hoặc không phải là chủ đầu tư dẫn đến thiệt hại đáng kể về nguồn thu nhập và tính cạnh tranh trên thị trường. Từ đó dần xuất hiện nhu

cầu bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật cũng như các quyền liên quan. Một trong những dấu ấn quan trọng của khoa học pháp lý về bảo hộ quyền tác giả thời kỳ này là sự ra đời của Quy chế nữ hoàng Anne (the Statute of Anne) vào năm 1710 tại Anh quốc. Theo đó, tác giả có độc quyền xuất bản tác phẩm trong vòng 14 năm kể từ ngày tác phẩm đó được tạo ra; độc quyền này có thể được chuyển giao cho các nhà xuất bản và có thể được gia hạn thêm 14 năm khi tác giả còn sống. Giá trị quan trọng của Quy chế nữ hoàng Anne không những là “*đã hợp nhất được rất nhiều khuôn khổ pháp lý tồn tại trước đó*” [48, tr.1438] mà còn thể hiện được vị thế trung tâm của tác giả mà theo đó họ chính là những chủ sở hữu quyền đầu tiên.

Như vậy, có thể khẳng định rằng khoa học pháp lý về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong thời kỳ cổ - trung đại là kết quả của nhu cầu bảo hộ về lợi ích kinh tế thông qua việc thương mại hóa các công trình sáng tạo văn học, khoa học và nghệ thuật.

### ***1.1.2 Tư tưởng về quyền đối với tài sản trí tuệ thời hiện đại trong hệ tư tưởng về các quyền con người.***

Thời kỳ này là thời gian đánh dấu sự ra đời của những học thuyết, tư tưởng lớn về quyền con người với các tên tuổi như Thomas Hobbes, John Locke, Montesquieu, Jean Jacques Rousseau,... Những nhu cầu của con người giai đoạn này tăng lên cùng với sự tích lũy ngày càng nhiều về tài sản là hệ quả của những thành tựu, những chuyển biến mạnh mẽ về khoa học và công nghệ. Các học thuyết về quyền tác giả cũng bắt đầu có ảnh hưởng ngày càng lớn và nổi bật “*có bốn học thuyết biện giải cho việc bảo hộ tác quyền*” [50, tr.2 – 3].

*Đầu tiên là lý thuyết khuyến khích, ưu đãi* (còn gọi là thuyết động lực) vốn coi kinh tế là thành phần quan trọng để khuyến khích các tác giả để

đầu tư thời gian, công sức, kỹ năng và các nguồn lực trong quá trình sáng tạo. Bằng cách cấp độc quyền hạn chế để ngăn chặn người khác thụ hưởng miễn phí trên những nỗ lực sáng tạo, bảo vệ bản quyền tác giả cho phép để hồi phục đầu tư của họ. “*Tuy nhiên, không phải ai cũng cần khuyến khích kinh tế để sáng tạo. Cha mẹ không cần phải có những khuyến khích kinh tế để chụp những bức ảnh của con cái của họ, mặc dù những bức ảnh chụp có đủ điều kiện để bảo vệ quyền tác giả*” [50, tr.2 – 3]. Tương tự như vậy, chúng ta không cần khuyến khích kinh tế để thể hiện khả năng sáng tạo của bản thân trong khi viết thư hoặc làm quà tặng cho bạn bè. Thật vậy, nhiều họa sĩ và nhà điêu khắc tạo ra tác phẩm nghệ thuật mà không cần suy nghĩ về phần thưởng tiềm năng của họ trong hệ thống quyền tác giả. Vô số người cũng tham gia vào nỗ lực sáng tạo, giúp đặt nền tảng của nền văn hóa của chúng tôi, ngay cả trước khi bản quyền xuất hiện. Điều đó thể hiện nhu cầu sáng tạo của con người là một bản chất hoàn toàn tự nhiên, không hoàn toàn phụ thuộc vào những ghi nhận hay những phần thưởng mà xã hội dành cho sản phẩm được tạo ra.

Thuyết thứ hai, *lý thuyết triển vọng*, cung cấp biện minh cho việc bảo vệ quyền tác giả trong trường hợp những phần thưởng kinh tế không chắc chắn và không thể biết, đồng thời việc đầu tư của người sáng tạo rất tốn kém và mang tính rủi ro cao. Không giống như lý thuyết động lực, lý thuyết triển vọng thừa nhận rằng người sáng tạo trí tuệ có thể không có khả năng tiên đoán về những lợi ích thương mại của sáng tạo của họ trong tương lai. Thay vào đó, những người sáng tạo đưa ra một phạm vi được xác định bởi những sáng tạo của họ mà không phụ thuộc vào giá trị thương mại tức thời, cũng giống như thợ mỏ đưa ra yêu cầu của mình về một vùng đất đai mà không biết chính xác bao nhiêu vàng hoặc bạc mà họ có thể tìm thấy. Ví dụ, một tiểu thuyết gia viết trong những năm 1950 có thể không có khả năng dự đoán



những lợi ích thương mại bắt nguồn từ sách điện tử, do sách điện tử không tồn tại vào thời điểm đó. Tương tự như vậy, một nhà sản xuất phim đã tạo ra một hình ảnh chuyển động trong những năm 1970 có thể không thể lường trước được khả năng tái phát hành phim trong đĩa kỹ thuật số đa năng (DVD), vì loại đĩa đó cũng không tồn tại ở thời điểm trước phim được tạo ra. Tuy nhiên, luật bản quyền cho phép tác giả để nắm bắt lợi ích tài chính trong tất cả các công trình bất kể các tác giả biết về những lợi ích trước khi họ tạo ra các công trình.

Lý thuyết thứ ba là *thuyết quyền tự nhiên*, trong đó có hai luận thuyết chính. Đầu tiên là dựa theo “Khảo luận thứ hai về Chính quyền” của John Locke (Second Treatise of Government), coi sở hữu trí tuệ là “thành quả lao động” của người sáng tạo. Theo lý thuyết về lao động của Locke, người sáng tạo có quyền cố hữu để gặt hái những thành quả của sáng tạo của họ và có được phần thưởng cho những đóng góp của họ cho xã hội. “*Quan điểm thứ hai được xây dựng trên Lý thuyết tài sản của G.W.F. Hegel, trong đó xem xét sáng tạo trí tuệ một phần mở rộng của tính cách của người sáng tạo*” [50, tr.2 – 3]. Theo lý thuyết nhân vị của Hegel, người sáng tạo có quyền cố hữu để bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm của mình cũng giống như họ có quyền bảo vệ tính cách riêng của họ. Như Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa nói tại Điều 27: “*mọi người đều có quyền được hưởng lợi từ sự bảo vệ của cả hai “lợi ích tinh thần và vật chất” là kết quả của những sáng tạo khoa học, văn học, hoặc nghệ thuật của mình*” [59, Điều 27].

Lý thuyết thứ tư là các *lý thuyết phát triển*. Theo lý thuyết này, bản quyền là một chất xúc tác cho phát triển kinh tế và hiện đại hóa, và việc bảo vệ bản quyền được thừa nhận giúp gia tăng những sản phẩm nghệ thuật và

văn học, tạo ra doanh thu thuế, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, tạo việc làm mới và thúc đẩy tác giả bản địa.

Những tư tưởng học thuyết nêu trên dù dưới góc độ quyền tự nhiên hay góc độ kinh tế, phát triển cũng đều thể hiện được bản chất tự nhiên của sự sáng tạo, quyền được sáng tạo và nhu cầu phải được bảo vệ quyền, được thụ hưởng những thành quả từ sự sáng tạo của con người. Các học thuyết đã trở thành nền tảng thúc đẩy sự pháp điển hóa các quyền con người thể hiện qua hàng loạt các văn kiện nổi tiếng thế giới như Bộ luật về quyền của nước Anh (1689), Tuyên ngôn về các quyền của con người và của công dân của nước Pháp (1789), Tuyên ngôn độc lập (1776) và Bộ luật về các quyền (1789) của nước Mỹ...

Trong mối tương quan với hệ thống các quyền con người, mối tương quan giữa quyền tác giả, quyền liên quan với quyền con người có thể được giải thích theo ba quan điểm khác nhau. Đó là: *“(1) quyền sở hữu trí tuệ chỉ là quyền pháp lý đơn thuần, không liên quan đến quyền con người, (2) quyền sở hữu trí tuệ là quyền con người; và (3) quyền sở hữu trí tuệ (ít nhất là một số khía cạnh của quyền này) mâu thuẫn với quyền con người”* [22].

Đối với quan điểm thứ nhất có thể khẳng định không có sự độc lập hoàn toàn của quyền sở hữu trí tuệ trong mối liên hệ với các quyền con người phổ quát khác đã được ghi nhận bởi luật nhân quyền quốc tế. Hơn nữa, trong tuyên bố năm 1986 của các quốc gia thành viên của Liên minh Berne về bảo vệ tác phẩm văn học và nghệ thuật đã chính thức khẳng định quyền tác giả được xác lập trên cơ sở quyền con người và công lý.

Đối với quan điểm thứ hai và thứ ba, tác giả cho rằng nên hợp nhất để diễn đạt lại thành “quyền sở hữu trí tuệ là một quyền con người song có những yếu tố xung đột với các quyền con người khác”. Điều đó vừa đảm bảo sự ghi nhận mang tính tự nhiên của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đồng

thời khẳng định đặc trưng cơ bản của các quyền con người là tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau (interrelated interdependent), không thể tách rời và có tác động qua lại với nhau trong quá trình thực hiện quyền. Sự vi phạm một quyền sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo đảm các quyền khác, và ngược lại, tiến bộ trong việc bảo đảm một quyền sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp tác động tích cực đến việc bảo đảm các quyền khác.

Rõ ràng đã có một sự ảnh hưởng rất lớn từ những tư tưởng về quyền con người trong giai đoạn này đối với sự ra đời cũng như nội dung của những văn kiện pháp lý về quyền con người, đặc biệt là ở Anh, Pháp và Hoa Kỳ với những Bộ luật về quyền hay các bản Tuyên ngôn. Trong đó đều khẳng định rằng “... mọi người sinh ra đều bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền đó có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” [56, đoạn 2]. Hay như ở Điều 1 bản Tuyên ngôn về các quyền của con người và của công dân ở nước Pháp cũng nêu “Người ta sinh ra và sống tự do và bình đẳng về các quyền ...” [55, Điều 1]. Nếu như bản Tuyên ngôn độc lập 1776 của nước Mỹ thành công trong việc đưa ra những nguyên tắc, ý tưởng về quyền thì ở Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền 1789 đã xác định một loạt các quyền cơ bản của con người như quyền tự do và bình đẳng, quyền sở hữu, được bảo đảm an ninh và chống áp bức, quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền không bị bắt giữ trái phép, quyền được coi là vô tội cho đến khi bị tuyên bố phạm tội, quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, quyền tự do ngôn luận, quyền tham gia ý kiến vào công việc nhà nước..., đồng thời đề cập đến những biện pháp cụ thể nhằm bảo đảm thực hiện các quyền này. Nhưng đáng chú ý hơn là, “chỉ trong vòng 35 năm (từ 1795 đến 1830), hơn 70 bản hiến pháp mang dấu ấn của những luận điểm trong bản Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền 1789 đã được thông qua ở Châu Âu” [6, tr.11].

Điều đó chứng tỏ những tư tưởng về quyền con người đã không chỉ là sản phẩm của trí tuệ ở riêng một quốc gia, lãnh thổ nào mà đó dường như là giá trị cốt yếu, là mục đích tư tưởng mà mọi dân tộc, mọi quốc gia đều hướng tới. Do đó, việc ghi nhận, tán thành và thúc đẩy những quyền con người trở nên mạnh mẽ và luôn có sức sống. Đặc biệt là dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789 đã góp phần làm sống lại học thuyết quyền tự nhiên nhằm chống lại sự kìm kẹp hà khắc của chế độ chuyên chế đương thời.

Qua đó cho thấy rằng sự ra đời của các văn kiện pháp lý về quyền con người nói chung thời kỳ này không chỉ dưới ảnh hưởng của những tư tưởng, triết lý của giới triết gia, học giả mà còn bị ảnh hưởng bởi chính thực tiễn phát triển sôi động và mạnh mẽ của đời sống khoa học công nghệ. Không nằm ngoài vòng vận động chung đó, các giá trị về quyền tác giả, quyền đối với tài sản trí tuệ cũng có những dấu hiệu khởi sắc.

## **1.2 Khái niệm quyền tác giả, quyền liên quan trong các văn kiện quốc tế về quyền con người**

Lịch sử phát triển của pháp luật quốc tế về quyền con người nói chung đặc biệt bước sang một thời kỳ mới với sự ra đời của tổ chức Liên hợp quốc và đây chính là cơ quan đầu mối xây dựng những văn kiện đầu tiên về quyền con người mang tính chất toàn cầu. Trong số các văn kiện quan trọng đó phải kể đến Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người (UDHR), Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (ICESCR). Những văn kiện này được xem là Bộ luật nhân quyền quốc tế với những giá trị cốt lõi nhất, ghi nhận những quyền con người cơ bản nhất mà bất cứ ai khi sinh ra đều phải được tôn trọng, bảo vệ và hỗ trợ phát triển. Trong số các quyền cơ bản đó, quyền đối

với tài sản trí tuệ cũng được ghi nhận một cách riêng biệt, rõ ràng và tương đối độc lập so với các quyền con người khác.

### ***1.2.1 Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền (UDHR) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR)***

Những chuyên gia luật pháp quốc tế hàng đầu thuộc ban soạn thảo UDHR và ICESCR cuối cùng đã có thể đi đến thống nhất với nhau để công nhận rằng những đòi hỏi đối với tài sản trí tuệ của những tác giả, nhà phát minh, nhà sáng chế là một quyền con người. Và kết quả là UDHR đã ghi nhận quyền đối với tài sản trí tuệ ở Điều 27, cùng với đó là Điều 15 (1) (c) tại ICESCR với nội dung tương tự nhau và đều khẳng định rằng: *“Mọi người đều được bảo hộ các quyền lợi về tinh thần và vật chất phát sinh từ bất kỳ sáng tạo khoa học, văn học nghệ thuật nào của mình”* [58, Điều 15 (1) (c)]

*“Điều 27 đã trải qua nhiều sự thay đổi trong suốt quá trình soạn thảo; thay đổi lớn nhất là việc thêm vào đoạn 2 về các quyền của tác giả”* [11, tr.573]. Theo như lời thuật lại của Johannes Morsink như sau:

Khi biên soạn nội dung Điều 27 của UDHR đã không có nhiều tranh cãi liên quan đến việc công nhận quyền của mỗi người được tham gia vào đời sống văn hóa (như ghi nhận ở đoạn 1 của Điều 27), song đã có nhiều những ý kiến trái chiều về việc có hay không nên coi quyền tác giả là một quyền con người cơ bản, cốt yếu để đưa vào văn kiện vô cùng quan trọng này hay không [66, tr.10].

Qua đó cho thấy đến thời điểm đó vẫn còn nhiều mâu thuẫn trong quan điểm của các chuyên gia đối với việc ghi nhận quyền tác giả như một quyền con người cơ bản. Tuy nhiên, đã có một yếu tố rất quan trọng góp phần tác động đến kết cục của việc ghi nhận quyền tác giả như ở Điều 27 của UDHR mặc dù yếu tố đó đã không đến từ chính những cuộc thảo luận. Đó là bởi bản

Tuyên ngôn châu Mỹ về các quyền và nghĩa vụ của con người đã được ban hành vào đầu năm 1948 mà tại Điều 13 của Tuyên bố đã khẳng định rằng:

Mọi người có quyền tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, tham gia vào nghệ thuật và những lợi ích xuất phát từ tiến bộ của trí tuệ, đặc biệt là những khám phá về khoa học. Người đó cũng có quyền được bảo hộ những lợi ích về tinh thần và vật chất là kết quả của những sáng tạo của mình hoặc bất kỳ công trình văn học, khoa học, nghệ thuật nào mà người đó là tác giả. [54, Điều 13]

Nhờ có tác động của bản Tuyên bố này, cùng với sự ủng hộ tích cực của những thành viên ban soạn thảo UDHR là đại diện đến từ Pháp, Me-xi-co, Cu-ba, đã giúp đạt được sự đồng thuận và thông qua của Ủy ban đối với nội dung về bảo hộ quyền tác giả như một quyền con người cơ bản. Mặc dù trong khi tranh luận, vẫn có nhiều quan điểm cho rằng việc bảo hộ quyền tác giả đã được ghi nhận ở Điều 17 của bản dự thảo mà theo đó, chỉ những quyền đối với tài sản vật chất mới được bảo hộ. Nhưng điều rõ ràng là việc bảo hộ các quyền tác giả cần phải được mở rộng ra hơn những gì có thể hiện hữu, như những quyền về tinh thần mà rất khó để định lượng được.

Có một điểm cần lưu ý là bản Tuyên ngôn thế giới về quyền con người không phải là một văn kiện có tính chất ràng buộc về mặt pháp lý, nên việc giám sát thực thi quyền này phải được viện dẫn bởi Điều 15 (1) (c) của ICESCR là một công ước quốc tế có ràng buộc đối với các thành viên tham gia. Mặc dù quy định tại Điều 15 (1) (c) này, cũng giống như hầu hết các quy định khác của ICESCR, không có hiệu lực trực tiếp song các quốc gia thành viên, theo quy định tại Điều 2 của Công ước này, phải có nghĩa vụ “*cam kết tự mình và thông qua sự hợp tác giúp đỡ quốc tế để thực thi các biện pháp thích hợp, kể cả những biện pháp lập pháp, kinh tế và kỹ thuật, và sử dụng tới mức tối đa các nguồn tài nguyên sẵn có của mình nhằm bảo đảm ngày càng đầy đủ các quyền được công nhận trong Công ước này*” [58, Điều 2].

Bên cạnh những nỗ lực của các chuyên gia nhằm đưa quyền tác giả được ghi nhận và bảo vệ như một quyền con người cơ bản trong các văn kiện toàn cầu về quyền con người như đã nêu trên (UDHR và ICESCR), ở mỗi khu vực, các tổ chức liên minh cũng đã đưa ra quan điểm riêng của họ về vấn đề quyền con người nói chung, trong đó có những sự ghi nhận nhất định đối với việc bảo hộ quyền tác giả.

Có một điểm quan trọng ở đây là về việc sử dụng thuật ngữ *quyền tác giả* (author's right) hoặc *bản quyền* (copyright). Các nước sử dụng thuật ngữ “bản quyền” hầu hết ảnh hưởng từ Luật bản quyền của Anh với Quy chế Anne năm 1710, nên chú trọng đến quyền tài sản của chủ sở hữu nhằm chống lại những xâm phạm gây thiệt hại cho lợi ích kinh tế của chủ sở hữu. Điều 1 Đạo luật về Bản quyền, Kiểu dáng và Sáng chế của Anh năm 1988 cũng khẳng định “*Bản quyền là một quyền tài sản*” [30, Điều 1]. Do đó, “*thiên về bảo vệ quyền của chủ sở hữu tác phẩm hơn là quyền của người thực sự sáng tạo ra tác phẩm*” [67, tr.24]. Trong khi việc sử dụng thuật ngữ “quyền tác giả” ở các quốc gia theo hệ thống luật châu Âu lục địa đã đẩy sự chú trọng đến quyền nhân thân của tác giả là người sáng tạo ra tác phẩm. Mà khi nguyên tắc này được triệt để áp dụng thì “*chủ thể quyền chỉ có thể là cá nhân hoặc những con người tự nhiên. Pháp nhân không có khả năng tạo ra tác phẩm mà chỉ có thể được hưởng quyền theo các hợp đồng (ví dụ: hợp đồng thuê sáng tác)*” [67, tr.24].

Như đã dẫn nội dung Điều 27 (2) của UDHR và Điều 15 (1) (c) ở trên ta thấy rằng các nhà soạn thảo đã không sử dụng thuật ngữ “bản quyền” – copyright mà là sẽ bảo hộ đối với những lợi ích về tinh thần và vật chất là kết quả của những sáng tạo của mình hoặc bất kỳ công trình văn học, khoa học, nghệ thuật nào mà người đó là tác giả. Qua đó cho thấy sự nhấn mạnh đến vai trò của một con người cụ thể là tác giả của một công trình văn học, khoa học, nghệ thuật nào đó sẽ được bảo hộ các quyền liên quan chứ không nhấn mạnh

đến yếu tố bảo hộ cho chính công trình văn học, khoa học, nghệ thuật được tạo ra.

### ***1.2.2 Những khái niệm cơ bản theo luật nhân quyền quốc tế***

Một lần nữa cần phải nhấn mạnh về sự khác biệt trong cách nhìn nhận quyền tác giả dưới góc độ một quyền con người cơ bản đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người cũng như tại Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa so với cách nhìn nhận từ góc độ pháp luật chuyên ngành về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Theo giải thích tại Bình luận chung số 17 của Ủy ban giám sát việc thực hiện Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, các khái niệm cơ bản thuộc phạm trù quyền tác giả cần được hiểu như sau:

“Tác giả”: Ủy ban cho rằng chỉ có “tác giả” – tức là người sáng tạo ra các sản phẩm khoa học, văn học hoặc nghệ thuật, cụ thể như các nhà văn, các nghệ sĩ, dù là nam hay nữ, cá nhân hoặc một nhóm cá nhân, mới là đối tượng hưởng lợi từ việc bảo vệ Điều 15(1) (c). Theo đó, các từ “mỗi người”, “người đó” và “tác giả” cho thấy các nhà soạn thảo Công ước dường như mặc định rằng “các tác giả của các sản phẩm khoa học, văn học hoặc nghệ thuật là những cá nhân mà thôi, tức là vào thời gian soạn thảo Công ước, khái niệm về “tác giả” chưa ghi nhận bao gồm một nhóm cá nhân” [10, tr.175]. Quan điểm này có sự tương đồng với hệ tư tưởng về quyền tác giả theo hệ thống luật châu Âu lục địa (Civil law) vốn nhấn mạnh bảo hộ các quyền của tác giả (author’s rights) chứ không đặt nặng yếu tố bản quyền (copyright) như trong hệ thống luật Anh – Mỹ (Common law).

Mặc dù từ ngữ của Điều 15(1) (c) nói chung đề cập đến chủ thể sáng tạo riêng biệt (của “mỗi người”, “người đó” và “tác giả”) nhưng trong những hoàn cảnh nhất định, các nhóm cá nhân hoặc cộng đồng cũng có quyền được



hưởng lợi từ việc bảo vệ những lợi ích vật chất và tinh thần là kết quả từ các sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật của một người.

“Mọi sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật”: Ủy ban cho rằng khái niệm về “mọi sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật” được đề cập ở Điều 15(1) (c) là việc đề cập đến những sáng tạo của trí tuệ con người bao gồm các nhóm là “*những sản phẩm khoa học*” [6, tr.176], như các ấn phẩm khoa học hay sự cải tiến mang tính khoa học, kể cả tri thức, những cách tân và thói quen của các cộng đồng địa phương hay bản xứ, và “*những sản phẩm văn học và nghệ thuật*” [10, tr.176], ví dụ như các tác phẩm thơ, tiểu thuyết, hội họa, điêu khắc, âm nhạc, các tác phẩm sân khấu và phim ảnh, biểu diễn và chuyện truyền khẩu...

“Hưởng lợi từ việc bảo vệ”: Sự công nhận tại Điều 15 (1) (c) mà theo đó quyền của tác giả được hưởng lợi từ việc bảo vệ những lợi ích vật chất hay tinh thần là kết quả từ các sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật của mình mà không đưa kèm theo quy định cụ thể các phương thức bảo vệ có thể được xem là một quy định mở. Theo đó sẽ giúp nâng cao khả năng áp dụng của các quốc gia thành viên cho phù hợp với thực tế của mỗi nước để có thể đạt được hiệu quả bảo vệ cao nhất. Bởi lẽ, để quy định này không trở nên vô nghĩa, việc bảo vệ cần phải có hiệu quả để bảo đảm cho các tác giả được hưởng lợi ích vật chất hay tinh thần từ các sản phẩm của mình. Tuy nhiên, việc bảo vệ theo Điều 15 (1) (c) không cần phản ánh mức độ và biện pháp bảo vệ theo chế độ bản quyền, sáng chế và sở hữu trí tuệ khác, miễn là nó đảm bảo cho tác giả được hưởng lợi ích vật chất và tinh thần từ các sản phẩm của mình.

Bằng việc công nhận quyền của mọi người được hưởng lợi từ việc bảo vệ những lợi ích vật chất và tinh thần là kết quả từ các sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật của mình, Ủy ban cho rằng Điều 15(1) (c) không hề hàm ý cản trở các quốc gia thành viên thông qua các chuẩn mực bảo vệ cao hơn so với các chuẩn mực trong các điều ước quốc tế có liên quan, song việc quy định

những chuẩn mực này không được hạn chế một cách vô lý việc người khác được hưởng các quyền đã được ghi nhận theo Công ước.

“Các lợi ích tinh thần”: Sự cần thiết của việc bảo vệ các lợi ích tinh thần của tác giả là một trong những quan tâm chính của những người soạn thảo Điều 27 (2) Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người, trong đó nêu rằng: *“Tác giả của tất cả các công trình khoa học, văn học, nghệ thuật và sáng chế, ngoài việc được hưởng thù lao còn được hưởng quyền lợi về tinh thần xuất phát từ công trình của mình, ngay cả sau khi công trình đó đã trở thành tài sản chung của nhân loại”* [59, Điều 27 (2)]. Mục đích của các nhà soạn thảo Công ước là nhằm xác định tính chất cá nhân thực chất trong mọi sáng tạo của con người và bảo đảm sự liên kết bền vững giữa những chủ thể sáng tạo và sự sáng tạo của họ.

Từ những tài liệu về quá trình soạn thảo Điều 27 (2) Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người và Điều 15(1) (c) của Công ước ICESCR, Ủy ban cho rằng những lợi ích tinh thần nêu ở Điều 15(1) (c) bao gồm quyền của tác giả được công nhận là chủ thể sáng tạo ra sản phẩm khoa học, văn hoá và nghệ thuật được chống lại sự xuyên tạc, cắt xén, sửa đổi hoặc những hành động vi phạm khác liên quan đến các sản phẩm đó mà làm tổn hại đến danh dự hay uy tín của mình.

Ủy ban nhấn mạnh tầm quan trọng của việc công nhận giá trị của các sản phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật như là *“sự thể hiện dấu ấn cá nhân của người sáng tạo ra những sản phẩm đó, và ghi nhận rằng việc bảo vệ những lợi ích tinh thần đã được thực hiện ở hầu hết các quốc gia bất kể theo hệ thống pháp luật nào, cho dù với mức độ khác nhau”* [10, tr.176].

“Các lợi ích vật chất”: Việc bảo vệ các lợi ích vật chất của tác giả ở Điều 15(1) (c), phản ánh sự liên hệ chặt chẽ của quy định này với quyền sở hữu trí tuệ được công nhận tại Điều 17 của Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người và các văn kiện nhân quyền khu vực, cũng như *“quyền của người lao*

*động được hưởng thù lao tương ứng*” [59, Điều 7(a)]. Không giống như các quyền con người khác, các lợi ích vật chất của tác giả không có sự liên hệ trực tiếp với cá nhân người sáng tạo, nhưng góp phần vào việc hưởng “*quyền có mức sống tương xứng*” [59, Điều 11, đoạn 1].

Thuật ngữ bảo vệ các lợi ích vật chất theo Điều 15(1) (c) không được mở rộng đến toàn bộ tuổi đời của tác giả. Mục đích của việc cho phép tác giả được hưởng mức sống thích đáng có thể còn “*đạt được thông qua việc thanh toán một lần hoặc dành cho tác giả trong một thời gian trong đó giới hạn quyền đặc biệt được khai thác sản phẩm khoa học, văn hoá hay nghệ thuật của mình*” [10, tr.177]. Cách giải thích như vậy của Ủy ban có thể rất gần gũi với các quan điểm về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo pháp luật chuyên ngành về sở hữu trí tuệ. Điều đó càng thể hiện rằng bất kỳ quyền con người nào cũng không nằm riêng biệt, không hoàn toàn độc lập mà luôn nằm trong một khối phức hợp với các quyền khác và có thể trong các lĩnh vực pháp luật khác nhau mà không chỉ giới hạn trong pháp luật về quyền con người nói riêng.

“Là kết quả từ...”: Ở đây nhằm nhấn mạnh đến ý nghĩa mối liên hệ trực tiếp giữa sản phẩm thực tế và sự sáng tạo của tác giả. Có nghĩa là tác giả “*chỉ được hưởng sự bảo vệ đối với những lợi ích vật chất hay tinh thần được tạo ra trực tiếp từ các sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật của mình*” [10, tr.180].

### ***1.2.3 Sự khác nhau giữa khái niệm “quyền” và “bảo hộ quyền”***

Trước tiên, cần phải phân biệt rõ sự khác nhau giữa hai khái niệm “quyền” và “bảo hộ quyền”.

Xét theo khía cạnh pháp lý tự nhiên, khái niệm “quyền” được hiểu là “*khả năng của một người được có hoặc được làm một việc gì*” [49]. Điều đó có nghĩa “quyền” của một cá nhân, một chủ thể nhất định được hình thành một cách tự nhiên cùng với sự xuất hiện của chủ thể đó mà không nhờ vào bất kỳ sự

ban phát nào. Ví dụ, mỗi con người sinh ra đều có quyền được sống. Thậm chí ở nhiều quốc gia hiện nay vẫn đấu tranh để đòi hỏi sự công nhận của xã hội đối với những con người chắc chắn sẽ tồn tại trong tương lai gần như bào thai.

Đối với khái niệm “bảo hộ quyền” thường được hiểu là nghĩa vụ của một chủ thể nhất định nhằm đưa ra tất cả các biện pháp có thể để đảm bảo rằng các “quyền” được ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và thực thi đầy đủ. Chiếu theo pháp luật quốc tế về quyền con người, nghĩa vụ này thuộc về các nhà nước là những chủ thể có nghĩa vụ hàng đầu. Theo đó, các nhà nước phải dựa trên cơ sở điều kiện hiện tại của quốc gia mình để tiến hành đảm bảo các quyền con người ở mức cao nhất có thể. Không những vậy, các nhà nước còn phải không ngừng cải thiện các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất, các điều kiện về kinh tế, xã hội, văn hóa để từng bước nâng cao khả năng thực thi quyền.

Về cơ bản, “quyền” của mỗi cá nhân được chia thành hai nhóm cơ bản là “quyền nhân thân” – gắn với mỗi cá nhân và không thể chuyển giao được cho người khác trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ví dụ quyền đối với họ tên, quyền đối với hình ảnh cá nhân, quyền về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm... Nhóm thứ hai hẹp hơn là các quyền về tài sản, mà đặc trưng nhất là quyền sở hữu đối với tài sản. Các chế định bảo hộ đối với tư hữu tài sản đã được đề ra và ngày càng được hoàn thiện cùng với tiến trình phát triển của loài người, tạo lập nền tảng vững chắc cho sự sinh sôi của tài sản thông qua việc khai thác tài sản của các cá nhân.

### **1.3 Nội dung bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trước những xâm phạm trên internet**

Việc bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật và các quyền liên quan trên internet đã được quy định tại hai công ước của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) về quyền tác giả (WCT), về bản ghi âm và buổi biểu diễn (WPPT) năm 1996. Hai Công ước này đã được thảo ra với sự

đồng ý của hơn 100 quốc gia là thành viên của WIPO và được cập nhật thực tế dựa trên các công ước quốc tế về bản quyền tồn tại như Công ước Berne và Công ước Rome. Mặc dù hai công ước này ra đời là nhằm đáp ứng nhu cầu bảo hộ các quyền trên trước bối cảnh phát triển mạnh mẽ của internet, song không phải toàn bộ các quyền được ghi nhận ở hai công ước này đều có thể bị xâm phạm trên internet, ví dụ như quyền cho thuê thương mại đối với buổi biểu diễn hoặc bản ghi âm đã được định hình. Do đó, luận văn sẽ chỉ xem xét đến những quyền có thể bị xâm phạm trên internet.

### ***1.3.1 Nội dung bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật trên internet***

Việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và quyền liên quan trên internet đã được đề cập đến trong hai Công ước về Internet của tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO là WCT và WPPT vào năm 1996. Theo đó, tác giả được bảo hộ các quyền sau:

- *Quyền phân phối tác phẩm tới công chúng thông qua bán hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu* [61, Điều 6 (1)]. Đây là quyền tuyệt đối của tác giả song rất dễ bị xâm phạm nếu tác giả hoặc pháp luật không có những hành động bảo vệ quyền, đặc biệt là trong môi trường internet hiện đại.

- *Quyền truyền đạt tới công chúng thông qua các phương tiện hữu tuyến hoặc vô tuyến* [61, Điều 8]. Đây là một hình thức giúp cho tác phẩm được công chúng biết đến nhanh chóng và đảm bảo chất lượng của các bản sao so với bản gốc song lại rất dễ dàng bị xâm phạm trên môi trường internet qua các hành vi sao chép bất hợp pháp hoặc cắt ghép làm sai lệch nội dung của tác phẩm.

### ***1.3.2 Nội dung bảo hộ quyền liên quan trên internet***

Người biểu diễn được bảo hộ các quyền gồm:

- *Được công nhận là người biểu diễn* [62, Điều 5 (1)];

- *Quyền về kinh tế đối với những buổi biểu diễn chưa được định hình* [62, Điều 6]. Theo đó, họ có quyền được phát sóng hoặc truyền đạt tới công chúng những buổi biểu diễn chưa được định hình trừ trường hợp chính buổi biểu diễn đó đã là một chương trình phát sóng và có quyền được định hình buổi biểu diễn chưa được định hình. Qua đó có thể thấy rằng, WPPT quy định rõ ràng hơn và áp dụng riêng trong môi trường kỹ thuật số đối với quyền biểu diễn trước công chúng của một tác phẩm;

- Quyền sao chép tác phẩm được thể hiện trong Điều 7, WPPT như sau: “*Người biểu diễn được độc quyền cho phép sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp buổi biểu diễn của mình đã được định hình trong bản ghi âm dưới bất kỳ hình thức hoặc cách thức nào*” [62, Điều 7].

Quyền sao chép được thể hiện đầy đủ hơn về hình thức bao gồm cả sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp và dưới bất kỳ hình thức hoặc cách thức nào. WPPT 1996 đã quy định một cách rõ ràng và chi tiết hơn đối với quyền sao chép;

- Quyền phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm được thể hiện trong Điều 8 (1), WPPT về quyền phân phối tác phẩm:

(1) *Người biểu diễn được hưởng độc quyền cho phép cung cấp cho công chúng bản gốc hoặc bản sao buổi biểu diễn của mình đã được định hình trong bản ghi âm thông qua việc bán hoặc hình thức chuyển nhượng quyền sở hữu khác* [62, Điều 8(1)].

Bên cạnh đó, WPPT còn quy định về hình thức phân phối tác phẩm qua việc bán hoặc các hình thức chuyển nhượng khác. Điều này chưa được nêu trong Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005;

- *Quyền truyền đạt tới công chúng buổi biểu diễn đã được định hình dưới dạng ghi âm thông qua phương tiện hữu tuyến hoặc vô tuyến* [62, Điều 10].

Người biểu diễn sẽ được hưởng quyền độc quyền cho phép cung cấp tới công chúng các buổi biểu diễn của mình đã được định hình trong bản ghi âm

*“bằng các phương tiện hữu tuyến hoặc vô tuyến, theo cách thức mà Bên ký kết trong xã hội có thể tiếp cận chúng từ một địa điểm và vào thời gian do cá nhân họ lựa chọn” [62, Điều 10].*

Bên cạnh quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm cũng được bảo hộ các quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm: Quyền được sao chép [62, Điều 11], quyền được phân phối [62, Điều 12] và quyền truyền đạt tới công chúng thông qua phương tiện hữu tuyến hoặc vô tuyến [62, Điều 14].

Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 quy định về quyền này cũng khá rõ ràng và đầy đủ, cũng bao gồm truyền đạt tác phẩm tới công chúng thông qua các phương tiện hữu tuyến và vô tuyến. Thêm vào đó là truyền đạt thông qua mạng thông tin điện tử hay bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác.

Dưới góc độ luật nhân quyền quốc tế, quyền tài sản là một đối tượng được bảo hộ. Cũng giống như tinh thần của pháp luật về sở hữu trí tuệ là nhằm mục tiêu giới hạn quyền tác giả trong mối cân bằng với các quyền của các chủ thể quyền khác, nhận thức chung cho rằng cần phải có một khung thời gian nhất định cho việc bảo hộ các quyền tài sản mà ngoài khung thời gian đó thì các quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả hoặc các quyền liên quan không còn được bảo hộ nữa. Khi đó, công trình khoa học, văn học hay nghệ thuật sẽ trở thành tài sản chung của nhân loại mà bất cứ ai đều có quyền khai thác giá trị, công dụng của nó để phục vụ cho nhu cầu về quyền phát triển của xã hội. Có như vậy mới đảm bảo được tính kế thừa liên tục của các thành quả mà xã hội loài người tạo ra và duy trì đến các thế hệ sau.

Điểm khác biệt nổi bật nhất giữa hai cách tiếp cận từ pháp luật về nhân quyền quốc tế và pháp luật sở hữu trí tuệ ở chỗ, xét dưới góc độ pháp luật nhân quyền quốc tế là tính không thể chuyển nhượng quyền, kể cả những quyền tài sản. Trong khi đó theo các quy định của pháp luật dân sự chuyên ngành sở hữu trí tuệ, sở hữu của tác giả đối với các quyền tài sản có thể được chuyển giao thông qua các hình thức hợp đồng hoặc thừa kế. Điều này được lý giải bởi khi

tiếp cận quyền từ góc độ pháp luật về quyền con người thì cần đặc biệt lưu ý tính chất đặc trưng của quyền là gắn với cá nhân con người cụ thể mà không thể được chuyển nhượng cho bất kỳ chủ thể nào khác người đã sáng tạo. Từ đó dẫn tới phạm vi điều chỉnh của pháp luật có khác nhau mà theo luật nhân quyền quốc tế chỉ có giữa hai chủ thể là chủ thể quyền và chủ thể có nghĩa vụ. Trong khi phạm vi điều chỉnh của pháp luật sở hữu trí tuệ bao gồm cả bên thứ ba nhận chuyển giao quyền từ tác giả. Từ đó dễ thấy rằng, đối với những xâm phạm quyền tác giả trên internet, cần xác định rõ ràng chủ thể là chủ sở hữu quyền phải là cá nhân mới được bảo vệ theo luật nhân quyền quốc tế.

#### **1.4 Giới hạn quyền tác giả vì lợi ích phát triển cộng đồng**

Như đã trình bày ở trên, việc bảo vệ quyền tác giả là một nhu cầu mang tính tự nhiên và không thể phủ nhận. Tuy nhiên, không thể tuyệt đối hóa việc bảo vệ quyền tác giả mà bỏ qua yếu tố cân bằng trong phát triển xã hội. Bởi lẽ nếu tuyệt đối hóa bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan sẽ dẫn đến độc quyền – là mối đe dọa nghiêm trọng đối với tiến trình phát triển chung của xã hội loài người.

##### ***1.4.1 Giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan dưới góc độ luật nhân quyền quốc tế***

Ngay trong Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền 1948, Điều 27 (1) đã khẳng định: “*Mọi người có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, được thưởng thức nghệ thuật và chia sẻ những tiến bộ khoa học cũng như những lợi ích xuất phát từ những tiến bộ khoa học*”. [59, Điều 27 (1)]

Nhận thức được điều đó, pháp luật về quyền con người trên thế giới nói chung đều ghi nhận “*quyền được bảo vệ các lợi ích vật chất và tinh thần là kết quả từ những sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật của một người là có giới hạn và phải cân bằng với các quyền khác được ghi nhận trong công*



*ước*” [10, tr.179 – 180]. Điều đó có nghĩa là quyền của tác giả được hưởng sự bảo vệ những lợi ích về vật chất và tinh thần (là kết quả từ các sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật của người đó) không thể được đặt biệt lập với các quyền con người khác được công ước ghi nhận. Các quốc gia được yêu cầu vừa phải đảm bảo nghĩa vụ theo Điều 15 (1) (c), đồng thời cũng phải thúc đẩy bảo vệ các quyền khác nhằm tạo sự cân bằng giữa các quyền, phù hợp với tình hình thực tế của quốc gia. Để tạo được sự cân bằng, các lợi ích cá nhân của tác giả không nên được ưu tiên quá mức mà *“cần có sự cân nhắc thích đáng đến các lợi ích của công chúng trong việc tiếp cận rộng rãi đối với các sản phẩm trí tuệ”* [29, đoạn 17]. Hay nói cách khác, các quốc gia thành viên cần đảm bảo có các khuôn khổ pháp lý hay các cơ chế khác nhằm bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của một người mà không tạo nên trở ngại đối với họ trong việc hưởng thụ các quyền có liên quan như *“quyền về lương thực, sức khỏe và giáo dục, được tham gia đời sống văn hoá, được hưởng các lợi ích về sự tiến bộ và ứng dụng của khoa học và bất cứ quyền nào khác được ghi nhận trong Công ước”* [10, tr.184]. Chẳng hạn như việc các quốc gia thực hiện bảo hộ bản quyền của tác giả đối với một sản phẩm mới về khoa học y tế, nhưng việc bảo hộ đó phải được đặt trong mối cân bằng với quyền được tiếp cận y tế thích đáng, quyền về sức khỏe (right to health) của cộng đồng, đặc biệt là quyền được sống trong trường hợp sản phẩm y tế là một phương thuốc đặc trị bệnh hiểm nghèo mà trước đó chưa có phương pháp cứu chữa hiệu quả. Hoặc một ví dụ khác về bảo hộ đối với thành tựu khoa học về lương thực, thực phẩm, như giúp gia tăng sản lượng lương thực nhanh chóng mà không tiêu tốn nhiều chi phí cũng cần phải được xem xét cân bằng với việc đảm bảo thực thi các quyền con người khác như quyền đối với lương thực (right to food) của cộng đồng.

Tuy nhiên, cũng cần phải nhấn mạnh rằng, việc đặt ra những giới hạn về các quyền được bảo vệ theo Điều 15 (1,c) phải được quy định bởi pháp luật một cách rõ ràng, phải phù hợp với tính chất của các quyền này và phải nhằm

mục tiêu hợp pháp. Thêm vào đó, điều kiện đối với những giới hạn đặt ra là phải thực sự cần thiết cho việc thúc đẩy phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ như đã nêu ở Điều 4 của Công ước. Việc đặt ra những giới hạn trong những hoàn cảnh nhất định có thể đòi hỏi có những biện pháp có tính chất bồi hoàn thích đáng cho việc sử dụng các sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật vì lợi ích công cộng.

Trong bối cảnh hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật ngày càng được mở rộng, việc giới hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan cũng có những giá trị nhất định. Theo tinh thần của Điều 56 Hiến chương Liên hợp quốc cũng như các khác của pháp luật quốc tế nói chung và pháp luật quốc tế về quyền con người nói riêng, các quốc gia thành viên cần công nhận vai trò đặc biệt của sự hợp tác quốc tế để đạt được những thành tựu về các quyền đã được ghi nhận và cần tuân thủ cam kết của quốc gia về việc tham gia và thực hiện các hành động riêng biệt vì mục đích đạt được lợi ích chung cho tất cả các dân tộc. *“Do có sự khác nhau về trình độ phát triển của các quốc gia thành viên, một điều thiết yếu là cần phải tạo thuận lợi và thúc đẩy sự hợp tác phát triển, chuyển giao công nghệ, và hợp tác về văn hoá và khoa học”* [10, tr.185].

#### ***1.4.2 Bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet và sự cân bằng cần thiết với các quyền con người khác***

Sự ra đời và phát triển của internet rõ ràng là một bước tiến thần kỳ trong tiến trình phát triển của loài người, giúp thu hẹp những giới hạn giao tiếp giữa con người với nhau bởi các chướng ngại về thời gian và không gian. Thực tế không thể phủ nhận rằng internet đã đóng góp rất lớn cho việc phổ biến và tiếp cận thông tin của ngày càng nhiều người, cùng với đó là quyền được tiếp cận những thành tựu của tiến bộ khoa học kỹ thuật vốn vẫn là một nhu cầu thường trực của đa số nhân loại, đặc biệt đối với những quốc gia nghèo, chậm

phát triển hoặc đang phát triển mà Việt Nam là một trong số đó. Như vậy để thấy rằng, việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet cũng phải tính đến yếu tố cân bằng với nhu cầu về quyền tiếp cận thông tin hay quyền được thụ hưởng những thành quả từ tiến bộ của khoa học kỹ thuật, và các quyền khác như quyền tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ y tế, quyền đối với lương thực...

Sự ra đời và phổ biến internet là một thành tựu to lớn của khoa học kỹ thuật hiện đại và lẽ đương nhiên là mọi người đều có quyền được tiếp cận, sử dụng và phổ biến internet đến với cộng đồng rộng lớn hơn. Cùng với đó là những nội dung được chia sẻ trên internet cũng ngày càng đa dạng và cần cho con người để có thể tiếp cận khối tri thức rộng lớn của nhân loại, mở rộng tri thức của bản thân và góp phần truyền đạt tri thức đến cộng đồng. Những quyền con người đã được luật nhân quyền quốc tế có liên quan như quyền được thụ hưởng những thành tựu của tiến bộ khoa học kỹ thuật theo Điều 27 (1) Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người và Điều 15 (1) (b) ICESCR, quyền về giáo dục, quyền tham gia tự do vào đời sống văn hóa của cộng đồng hay quyền phát triển... Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa những quyền này càng chứng tỏ một trong những đặc trưng cơ bản trong pháp luật về quyền con người là những quyền tự do cơ bản của con người có tính chất không thể phân chia.

Việc hưởng lợi từ các tiến bộ khoa học và ứng dụng của tiến bộ khoa học rõ ràng có sự liên quan mật thiết đến hầu hết các quyền con người khác, đặc biệt là các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Các tiến bộ khoa học và ứng dụng của tiến bộ khoa học có thể thúc đẩy các yếu tố về tiêu chuẩn vật chất trong việc thụ hưởng quyền có mức sống thích đáng (bao gồm quyền có lương thực thích đáng, nhà ở thích đáng, nước và vệ sinh, vv...), quyền được hưởng tiêu chuẩn cao nhất có thể đạt được về sức khỏe, quyền hưởng điều kiện việc làm công bằng và thuận lợi, quyền về giáo dục, quyền tham gia vào đời sống văn hóa. Các ứng dụng của tiến bộ khoa học cũng góp phần đưa ra những biện

pháp hiệu quả trong việc thực thi ngày càng đầy đủ các quyền được công nhận trong Công ước, cũng như xác minh việc vi phạm và các biện pháp khắc phục [13, tr. 194 – 195].

Theo như bản dự thảo ban đầu của UDHR về nội dung của Điều 27, Ủy ban nói rằng mọi cá nhân đều có quyền tham gia đời sống văn hóa của xã hội, thưởng thức nghệ thuật và chia sẻ những ích lợi của khoa học. Dưới ảnh hưởng của đoàn đại biểu Chilê, họ nhấn mạnh phát minh khoa học phải để cho mọi người cùng sử dụng, Ban Biên tập đã thay thế cụm từ “những ích lợi của khoa học” thành “những sản phẩm có nguồn gốc từ những phát minh khoa học”. Tuy nhiên nội dung sau đây mới được Ủy ban Nhân quyền thông qua và được trình lên Ủy ban thứ ba của Đại hội đồng: “Mọi người đều có quyền tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, thưởng thức nghệ thuật và chia sẻ tiến bộ khoa học”. Đề xuất này được Ủy ban thứ ba thảo luận kỹ lưỡng và sau đó quyết định thêm “một cách tự do” vào trước từ “tham gia”. Quyết định này xuất phát từ đề xuất của đoàn đại biểu Peru, họ cho rằng con người ai cũng có quyền tham gia vào đời sống văn hóa một cách hoàn toàn tự do, mà nếu không có tự do thì chẳng có gì xứng đáng là con người cả. Ngoài ra, việc thừa nhận quyền tự do suy nghĩ sáng tạo có vẻ như khá phù hợp, để có thể bảo vệ nó khỏi những áp lực nguy hiểm xuất hiện quá thường xuyên trong lịch sử cận đại.

Mặt khác, đề xuất sửa đổi sau đây của đại biểu Liên Xô bị khước từ:

Sự phát triển của khoa học phải phục vụ mục tiêu tiến bộ và dân chủ, sự nghiệp hòa bình và hợp tác quốc tế..... Cụm từ “và những lợi ích của nó” được thêm vào cuối đoạn 1 để nhấn mạnh rằng việc thụ hưởng khoa học một cách bị động, chứ không chỉ là hoạt động khoa học chủ động, cũng cần được bảo vệ. Lý do đưa ra là kể cả

khi mọi người không đóng vai trò như nhau trong tiến bộ khoa học thì họ hiển nhiên vẫn có thể hưởng thụ lợi ích của nó [11, tr.575 – 576].

Cùng với đó, tại phiên làm việc thứ 20 của Hội đồng nhân quyền (HRC) ngày 29 tháng 6 năm 2012 cũng đã đi đến kết luận rằng “*cần phải thúc đẩy internet trở thành một công cụ quan trọng hỗ trợ cho việc phát triển và thực hành các quyền con người*” [33]. Điều đó càng cho thấy vai trò quan trọng cũng như tiềm năng của internet trong việc hỗ trợ thúc đẩy bảo vệ các quyền con người là rất lớn.

Như vậy, quyền con người về thụ hưởng những thành tựu của tiến bộ khoa học kỹ thuật cũng như một loạt quyền khác là cơ sở pháp lý và cũng là cơ sở tự nhiên để đặt ra những giới hạn đối với việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan cho các chủ thể quyền.

### **1.5 Quan điểm bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan trên internet nhìn từ pháp luật một số quốc gia tiêu biểu**

Theo một báo cáo tổng kết gửi tới Nghị viện chung châu Âu vào năm 2010, “*Internet đã và đang ngày càng được mở rộng và trở thành một thách thức lớn đối với việc thực thi các quyền về tài sản trí tuệ*” [34, tr.4]. Việc chia sẻ những tài liệu có nội dung được bảo vệ bản quyền có ở hầu như khắp mọi nơi. Một phần lý do là các công cụ pháp lý đã không thể theo kịp được với thực trạng của vấn nạn này và có rất nhiều trang điện tử nằm trong chuỗi phân tán các tác phẩm được bảo vệ mà không có sự đồng ý của tác giả công trình đó.

Một báo cáo khác của Ủy ban thường trực về quyền tác giả, quyền liên quan (SCCR) của WIPO cho thấy rằng “*sự ra đời của internet là một nguyên nhân quan trọng khiến cộng đồng cần phải quan tâm hơn nữa đến việc phát triển pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan*” [69].

### 1.5.1 Hoa Kỳ

Quốc gia này tuy không có lịch sử lâu đời bằng các quốc gia khác ở châu Âu hay châu Á, song quan điểm về quyền tác giả cũng đã xuất hiện sớm và được coi là mang tính chất truyền thống theo khía cạnh là một sự thể hiện của “tự do trí tuệ” (intellectual freedom), mà một trong những tuyên bố nổi tiếng nhất thể hiện cho quan điểm đó chính là từ Tòa án tối cao Liên bang Hoa Kỳ trong vụ việc *Harper & Row* vào năm 1985:

...sẽ không bao giờ được quên một điều rằng những nhà soạn thảo Hiến pháp đã trù định để bản quyền là một động lực của tự do biểu đạt. Bằng cách thiết lập nên một quyền thị trường dành cho việc biểu đạt của một người nào đó, bản quyền sẽ cung cấp những khích lệ về mặt kinh tế để tạo ra và phổ biến những ý tưởng [28, tr.1].

Xét về khía cạnh pháp lý, căn cứ chủ yếu để bảo vệ bản quyền ở Hoa Kỳ nằm ở bản Hiến pháp của nước này mà theo đó bảo vệ bản quyền là để thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học và nghệ thuật hữu dụng. Cùng với sự phát triển bùng nổ của internet, nền công nghiệp bản quyền của nước này đã công bố cho thấy nạn sao chép bất hợp pháp đã làm tiêu tốn hàng tỷ đô la Mỹ lợi tức trong khi vẫn còn tồn tại nguy cơ bị mất hàng trăm ngàn việc làm trên toàn thế giới. “Chỉ tính riêng trong năm 2002, nhà nước Hoa Kỳ ước tính đã bị mất 10 tỷ đô la Mỹ bởi nạn sao chép bất hợp pháp từ bên ngoài lãnh thổ, đó là con số ước tính chưa kể đến những thiệt hại trong lãnh thổ Hoa Kỳ thông qua Internet” [50, tr.1].

Ban đầu, Hoa Kỳ mới chỉ quan tâm đến việc sử dụng luật bản quyền để bảo vệ các chương trình máy tính. Tuy nhiên, “khi internet đã phát triển ngày càng sâu rộng hơn thì những vấn đề về tài sản trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số trở thành mối quan tâm hàng đầu của nền kinh doanh nước này” [50, tr.3]. Năm 1995, chính quyền của Tổng thống Clinton đã phải ban hành Sách trắng về

Thực thi nhiệm vụ cơ sở hạ tầng thông tin (Information Infrastructure Task Force White Paper).

Trải qua quá trình xét xử về thực tiễn các tranh chấp, xử lý các hành vi xâm phạm quyền, Tòa án Hoa Kỳ đã phát triển những quy tắc khác nhau trong mối liên hệ với trách nhiệm pháp lý thứ cấp (secondary liability) đối với các hành vi xâm phạm bản quyền bao gồm: xâm phạm một phần (contributory infringement), xâm phạm gián tiếp (vicarious infringement) và trách nhiệm pháp lý đối với hành vi giới thiệu sự xâm phạm cho bên đối tác thứ ba.

Đã có nhiều vụ việc được đưa đến tòa án mà ở đó những nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến (Online Services Providers – OSPs) phải chịu trách nhiệm về hành vi xâm phạm thứ cấp. *“Chẳng hạn như việc nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến giới thiệu cho khách hàng của mình về một phần mềm miễn phí với mục đích thúc đẩy việc sử dụng đó để xâm phạm bản quyền”* [45, tr.13].

Xét về khía cạnh pháp lý thực định, pháp luật Hoa Kỳ cung cấp cho các chủ thể sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan một số công cụ nhằm thực thi và bảo vệ quyền của chính họ nhằm chống lại những hành vi xâm phạm trên internet. Các công cụ đó có thể được chia thành ba phần nằm trong Đạo luật số 17 của Hoa Kỳ về Quyền tác giả mà sau này được sửa đổi trở thành Đạo luật về bản quyền trong kỷ nguyên kỹ thuật số (the Digital Millennium Copyrights Act – DMCA) được ban hành vào ngày 24 tháng 10 năm 1998 cũng là một cơ sở quan trọng trong hàng lang pháp lý bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trước những hành vi xâm phạm đến từ môi trường kỹ thuật số nói chung, trong đó bao gồm cả thông qua internet. Đạo luật DMCA ra đời cũng là nhằm thúc đẩy việc thực thi hai Hiệp ước về internet của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO. Theo đó, công cụ thứ nhất là sự bảo hộ về mặt pháp lý đối với các biện pháp bảo hộ công nghệ (TPMs) và thông tin quản lý các quyền (RMI) về nghĩa vụ trong việc đưa lên và tải xuống các dữ liệu có nội dung được bảo hộ quyền tác giả. Nhóm công cụ thứ hai là định ra những chế tài đối với các hành vi xâm

phạm bản quyền. Nhóm công cụ thứ ba là hệ thống thông báo và ngăn chặn thực hiện bởi các nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP).

### ***1.5.2 Khối Cộng đồng chung châu Âu (EU)***

Năm 2009, Hội đồng châu Âu đã công bố bản báo cáo về “Mối quan hệ giữa quyền tác giả và quyền con người”, trong đó khẳng định: “*Việc bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan là yếu tố quan trọng giúp đẩy mạnh các sáng tạo văn học, âm nhạc và nghệ thuật, làm phong phú thêm di sản văn hóa quốc gia cũng như phổ biến các sản phẩm của văn hóa và thông tin đến với công chúng*” [32].

Trước đó, bản Hiến chương về các quyền cơ bản của cộng đồng châu Âu ra đời vào năm 2007 cũng khẳng định “*mọi người có quyền được bảo hộ về tài sản trí tuệ*” [27, Điều 17 (2)].

Từ đầu thế kỷ 21, trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ truyền tải thông tin, năm 2001, Nghị viện chung của cộng đồng châu Âu đã thông qua một Chỉ thị về bản quyền số 2001/29/EC (Directive 2001/29/EC) với mục tiêu làm hài hòa một số khía cạnh của quyền tác giả và quyền liên quan trong bối cảnh xã hội thông tin ngày càng mở rộng. Chỉ thị này đã cụ thể hóa một số quy định tại các hiệp ước của WIPO bao gồm các vấn đề về quyền tác giả có liên quan đến quyền về sao chép, quyền phổ biến, phân phối ra công cộng cũng như các quy định cấm, gỡ bỏ các biện pháp công nghệ. Một mục tiêu khác của Chỉ thị này là góp phần giảm bớt những khoảng cách pháp lý giữa các quốc gia thành viên của khối này bởi lẽ “*các nội dung của Chỉ thị cần phải được các quốc gia thành viên tiến hành nội luật hóa một cách phù hợp theo điều kiện của từng nước*” [35].

Ở Pháp, những thách thức của công nghệ mới đặt ra cho các nhà lập pháp yêu cầu phải hoàn thiện pháp luật liên quan đến lĩnh vực này. Luật số 2006-961 ngày 1/8/2006 (còn gọi là Luật DADVSI) là luật chuyển hoá Chỉ thị



số 2001/29/EC ngày 22/5/2001 của Liên minh châu Âu vào trong hệ thống pháp luật của Pháp. Đạo luật này được ban hành trong bối cảnh các nhà sản xuất đĩa phản ứng mạnh mẽ trước tình trạng xâm phạm quyền tác giả trên mạng và sự thiếu vắng các phương tiện để đấu tranh chống lại hiện tượng này. Để đáp ứng yêu cầu của các nhà khai thác thị trường đĩa, Luật DADVSI đã đưa vào Bộ luật sở hữu trí tuệ một chương mới quy định các biện pháp kỹ thuật về bảo vệ thông tin cũng như các quy định về việc phòng ngừa hành vi tải dữ liệu trái pháp luật. Theo đó, các chủ thể có thể áp dụng các biện pháp dân sự như yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hay trách nhiệm thông báo về nguy cơ của việc tải dữ liệu của người truy cập internet hoặc có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với hình phạt lên đến 3 năm tù và 300.000 Euro tiền phạt.

### ***1.5.3 Nhật Bản***

Hệ thống luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Nhật Bản nói chung chịu ảnh hưởng từ không chỉ riêng một hệ thống pháp luật (Common law hay Civil law) thể hiện qua việc ghi nhận cả các khái niệm về bản quyền (Copyright), và các quyền của tác giả (Author's rights) như quyền về nhân thân (Moral right)... Các nội dung của Hiệp ước WIPO đã được Nhật Bản chuyển hóa vào Luật bản quyền sửa đổi năm 1999 và Luật chống cạnh tranh không lành mạnh. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò của các biện pháp công nghệ nhằm thực hiện kiểm soát việc sao chép, truy nhập đối với những dữ liệu có nội dung được bảo hộ bản quyền. Ngày 30/07/2007, Đạo luật về phòng chống sao chép phim bất hợp pháp bắt đầu có hiệu lực tại Nhật Bản, theo đó cấm việc sao chép bất hợp pháp âm thanh và hình ảnh của các tác phẩm điện ảnh “*trong vòng 08 tháng kể từ khi tác phẩm điện ảnh đó được trình chiếu tại các rạp chiếu phim. Hình phạt đối với các hành vi vi phạm có thể là phạt tù đến 10 năm hoặc phạt tiền tới 10 triệu yên Nhật hoặc cả hai*” [26].

#### ***1.5.4 Anh quốc***

Như đã biết rằng nước Anh là nơi sản sinh ra bản Đại hiến chương Magna Charta (1215), mang những giá trị cốt lõi về đảm bảo các quyền cơ bản của con người trong sự giới hạn nhất định các quyền lực của nhà nước, tiền thối thúc đẩy ghi nhận ngày càng nhiều những quyền con người cơ bản khác của mọi tầng lớp công dân trong xã hội mà quyền về tự do sáng tạo, được bảo hộ thành quả sáng tạo là một trong số đó. Kế thừa những giá trị đó, pháp luật nước Anh hiện đại vẫn thể hiện việc bảo hộ dựa trên sự tiếp cận từ các quyền con người. Theo Đạo luật CDPA 1988, người nào có hành vi xâm phạm bản quyền có thể phải chịu trách nhiệm hình sự với “*số tiền phạt đến 50.000 Bảng Anh*” [30, Điều 107 (4)], hoặc “*bị phạt tù đến 10 năm*” [30, Điều 107 (4) (b)].

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Như vậy, cách tiếp cận về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo pháp luật về quyền con người có những khác biệt cơ bản đối với cách tiếp cận pháp luật chuyên ngành về quyền sở hữu trí tuệ. Tuyên ngôn Nhân quyền công bố hai quyền cơ bản tại Điều 27 (2). Điều 27 trong nhiều thập kỷ đã bị lãng quên đằng sau nhiều quyền con người khác, bất chấp tình trạng hiệu lực và tầm quan trọng của Tuyên ngôn. Mặc dù bản Tuyên ngôn có thể không mang ý nghĩa ràng buộc pháp lý đối với các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc song nó vẫn chức năng ít nhất là một nguồn chính cho những cảm hứng lập pháp và có ảnh hưởng đến pháp luật quốc gia thông qua cách giải thích về quyền mà Bình luận chung số 17 của Ủy ban công ước ICESCR là một ví dụ điển hình. Cùng với đó, sự phát triển mạnh mẽ của internet đã khiến cho nhu cầu bảo vệ các quyền con người nói chung khỏi nguy cơ bị xâm phạm trên internet đã và đang ngày càng được cộng đồng quốc tế chú trọng hơn, thể hiện rõ ràng ở các văn kiện mang tính chất quốc tế (như của Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc) hay ở tầm khu vực (như khối Cộng đồng chung châu Âu)... Từ đó cho thấy, việc tiếp cận và bảo vệ, thúc đẩy các quyền con người nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan trên internet nói riêng đang là một xu hướng mới trong tiến trình phát triển của pháp luật về quyền con người trên thế giới. Việt Nam, với tư cách một thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người cũng không thể nằm ngoài xu hướng vận động chung mà theo đó, cần phải chú trọng đến khả năng bảo vệ, thúc đẩy các quyền con người, trong đó có quyền tác giả, quyền liên quan trên các phương tiện kỹ thuật số và internet là một bộ phận kỹ thuật số quan trọng.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN TRƯỚC NHỮNG XÂM PHẠM TRÊN INTERNET Ở VIỆT NAM

Tốc độ phát triển nhanh chóng của internet tại Việt Nam không chỉ đem lại những hiệu quả tích cực đối với tiến bộ chung của xã hội mà cũng đặt ra nhiều thách thức lớn trên nhiều phương diện, trong đó có sự ảnh hưởng không nhỏ đối với khả năng bảo vệ, thúc đẩy các quyền nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng. Nội dung chương 2 của luận văn sẽ tiến hành phân tích hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet, đồng thời phân tích thực trạng bảo hộ, thực thi những quyền này để có được đánh giá tổng quan nhất.

#### **2.1 Các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và quyền liên quan trên internet**

##### ***2.1.1 Khái quát về hệ thống pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet***

Xét một cách tổng quát từ khía cạnh pháp luật chuyên ngành, hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền tác giả của Việt Nam đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chuẩn bảo hộ so với pháp luật quốc tế về quyền tác giả với hệ thống khá đầy đủ các văn kiện pháp lý từ luật đến hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành và xử lý các hành vi xâm phạm quyền.

*Giai đoạn trước năm 1995*, pháp luật về bảo vệ quyền tác giả nói chung còn rất hạn chế. Năm 1986 là thời điểm đầu tiên ghi nhận sự xuất hiện của một văn bản pháp lý riêng biệt về quyền tác giả, Nghị định số 142/HĐBT, mở đầu cho quá trình đổi mới tư duy về quyền tác giả ở nước ta. Cùng với đó là các văn bản hướng dẫn như Thông tư số 04-VH/TT của Bộ Văn hóa ngày 7/1/1987; Thông tư số 63-VH/TT ngày 16-7-1988; Thông tư liên Bộ số 1314-

TTLB/XD-VH ngày 23 tháng 7 năm 1991 đã góp phần xây dựng nền tảng cho hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan sau này.

*Giai đoạn 1995 – 2005*, với yêu cầu của quá trình mở cửa thị trường kinh tế, nhiều văn bản pháp luật khác về quyền tác giả dần được ban hành tạo nên một hành lang pháp lý cho việc bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan mà một trong số đó là Pháp lệnh về quyền tác giả được Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa IX thông qua ngày 02 tháng 12 năm 1994. Pháp lệnh này, cùng với những quy định về quyền tác giả theo Bộ luật dân sự 1995 được coi là văn kiện nền tảng để sau đó tiếp tục cho ban hành các văn bản như Nghị định số 76/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật dân sự; Thông tư số 05/1998/TT-BVHTT của Bộ Văn hóa – Thông tin ngày 12 tháng 9 năm 1998; Thông tư số 27/2001/TT-BVHTT ngày 10 tháng 5 năm 2001. Đây là giai đoạn mà các quan hệ sở hữu trí tuệ nói chung đã được pháp luật Việt Nam đề cập khá đầy đủ trên tinh thần mở rộng hợp tác, hội nhập kinh tế toàn cầu nên đã thể hiện được tính tương thích với các công ước quốc tế có liên quan.

*Giai đoạn sau 2005 đến nay*, nhằm đáp ứng nhu cầu mới của thực tiễn đòi hỏi cần thay thế các quy định trong Bộ luật dân sự 1995, vào năm 2005 đã ban hành Bộ luật dân sự 2005 với những sửa đổi cho phù hợp với điều kiện phát triển mới của đất nước. Cùng với đó sự thay đổi đó là sự ra đời của Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung trong đó quyền tác giả được quy định tại phần thứ 2; về quyền tác giả và quyền liên quan và phần thứ 5 về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Xét khái quát, Luật sở hữu trí tuệ 2005 có một số điểm mới liên quan đến bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan như:

*Thứ nhất*, đây là lần đầu tiên cụm từ “quyền liên quan” đến quyền tác giả được quy định trong luật thay thế cho quy định tại Bộ luật dân sự về “quyền,

nghĩa vụ của người biểu diễn, của tổ chức sản xuất băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình, tổ chức phát thanh, truyền hình”. Theo đó, nội hàm khái niệm “quyền liên quan” bao gồm “cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, cuộc phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa”.

*Thứ hai*, Luật sở hữu trí tuệ 2005 đã khắc phục hạn chế của Bộ luật dân sự 1995 và 2005 bằng việc quy định cụ thể các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Việc quy định không rõ ràng về hành vi vi phạm quyền tác giả gây khó khăn cho các cơ quan có thẩm quyền. Có những hành vi xâm phạm quyền tác giả một cách rõ ràng, nhưng cũng có những hành vi phải phân tích, xem xét kỹ lưỡng mới kết luận được có phải hành vi vi phạm hay không. Cho nên, dẫn đến hai hệ quả là: bỏ sót người vi phạm hoặc xử lý người không vi phạm. Do đó, sự ra đời của Luật Sở hữu trí tuệ đã tạo căn cứ quan trọng làm cơ sở cho việc bảo vệ quyền trước các hành vi xâm phạm cụ thể.

Trên đây là hai điểm mới quan trọng của Luật sở hữu trí tuệ 2005 liên quan đến bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam. Bên cạnh Luật sở hữu trí tuệ 2005 cũng phải kể đến các văn bản hướng dẫn như Nghị định của Chính phủ số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về quyền tác giả và quyền liên quan; Nghị định của Chính phủ số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong đó áp dụng cho cả quyền tác giả. Cùng với đó là pháp luật về xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung trong đó có quyền tác giả, quyền liên quan theo Nghị định số 47/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 quy định việc xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.

Trải qua một thời gian thực hiện, Luật sở hữu trí tuệ 2005 đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2009 với hai điểm mới liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan. *Thứ nhất* là sự thay đổi về thời gian bảo hộ từ 50 năm lên 75 năm đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, sân khấu, mỹ thuật ứng dụng, tác

phẩm khuyết danh [21, Điều 27]. Thứ hai, quy định về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt hành chính tại Khoản 1 Điều 211 được bổ sung hành vi “*xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu*” [21, Điều 211], đồng thời bỏ quy định về hành vi không chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mặc dù đã được chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hành vi đó. Với quy định mới này, chỉ cần một tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, gây thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu đã có thể bị xử phạt hành chính mà không cần chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải có bất kỳ khuyến cáo nào từ chủ thể quyền.

Liên quan đến hành vi vi phạm quyền tác giả trên môi trường internet, chúng ta chưa có quy định cụ thể trong luật cũng như văn bản hướng dẫn thi hành để xác định hành vi xâm phạm. Song vẫn có thể tìm được một số quy định nằm rải rác ở các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Chẳng hạn như các hành vi chia sẻ dữ liệu qua mạng internet có thể bị xử lý về một trong các hành vi được quy định tại khoản 8 Điều 28 Luật sở hữu trí tuệ: “*sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả không trả tiền nhuận bút thù lao hay các quyền lợi vật chất khác*” [21, Điều 28 (8)] hoặc hành vi được quy định tại khoản 10 Điều 28: “. . . nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả” [21, Điều 28 (10)]. Bên cạnh đó, khoản 3, khoản 8 Điều 35 Luật Sở hữu trí tuệ quy định về các hành vi xâm phạm quyền liên quan như:

Công bố, sản xuất và phân phối cuộc biểu diễn đã được định hình, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không được phép của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng; Phát sóng, phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng cuộc biểu diễn, bản sao cuộc biểu diễn đã được định hình hoặc bản ghi âm, ghi hình khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý

quyền dưới hình thức điện tử đã bị dỡ bỏ hoặc đã bị thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền liên quan. [21, Điều 35].

Bên cạnh các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ, chúng ta cũng có các quy định điều chỉnh vấn đề liên quan đến việc quản lý và sử dụng thông tin trên internet để hỗ trợ cho việc xử lý các hành vi xâm phạm như Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ internet mà ở khoản 1 Điều 6 của Nghị định đã nêu rõ: “*Thông tin đưa vào lưu trữ, truyền đi và nhận đến trên Internet phải tuân thủ các qui định tương ứng của Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên Internet*” [2, Điều 6 (1)]

Tiếp đó là Nghị định số 97/2008/NĐ-CP, của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet, thay thế cho Nghị định số 55/2001/NĐ-CP, theo đó tại khoản 1 Điều 19 quy định:

Nguyên tắc quản lý, cung cấp và sử dụng thông tin điện tử

1. Việc thiết lập trang thông tin điện tử, việc cung cấp, truyền đưa, lưu trữ, sử dụng thông tin điện tử trên Internet phải tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về báo chí, pháp luật về xuất bản, pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, **pháp luật về bản quyền**, pháp luật về quảng cáo và các quy định quản lý thông tin điện tử trên Internet [3, Điều 19 (1)].

Cùng với những quy định nêu trên, ngày 29/08/2011, Cục Xuất bản – Bộ TT&TT đã có công văn số 2627/CXB-QLXB về việc xuất bản trên mạng thông tin máy tính (mạng internet) gửi đến các Nhà xuất bản, theo đó yêu cầu:

các nhà xuất bản thực hiện nghiêm túc việc xuất bản và phát hành xuất bản phẩm trên mạng internet theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26



tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật xuất bản [5].

Theo đó, việc phát hành tác phẩm, tài liệu đã được xuất bản và đang lưu hành hợp pháp tại Việt Nam trên mạng internet phải do nhà xuất bản, cơ sở phát hành xuất bản phẩm thực hiện theo quy định sau:

- a) Phải được sự đồng ý bằng văn bản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- b) Trước khi phát hành xuất bản phẩm trên mạng internet, nhà xuất bản, cơ sở phát hành xuất bản phẩm phải báo cáo bằng văn bản với Cục Xuất bản về tên xuất bản phẩm, tác giả, địa chỉ website và ngày đăng tải.

Trường hợp phát hiện xuất bản phẩm phát hành trên mạng internet vi phạm các quy định của Luật Xuất bản thì Cục Xuất bản có văn bản yêu cầu nhà xuất bản, cơ sở phát hành đình chỉ phát hành xuất bản phẩm đó. [4, Điều 2]

Mặc dù đã có hành lang pháp lý đầy đủ để bảo vệ bản quyền, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, cùng với việc phát triển rất nhanh của Internet, các quy định của luật sở hữu trí tuệ hiện nay còn chưa quy định đầy đủ và có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ quyền. Do đó, ngày 19 tháng 06 năm 2012, Bộ Thông tin truyền thông cùng Bộ Văn hóa thể thao du lịch đã ban hành Thông tư liên tịch số 07/2012 quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông. Theo đó, cho phép các nhà cung cấp dịch vụ trung gian có quyền:

1. Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát, xử lý các thông tin được đưa vào, lưu trữ, truyền đi trên mạng Internet, mạng viễn thông nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan.
2. Đơn phương từ chối cung cấp dịch vụ trái với quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan. [1]

Cùng với đó là quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tại khoản 5 Điều 5 của Thông tư 07 như sau:

Chịu trách nhiệm trực tiếp bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan trong các trường hợp sau:

- a) Là nguồn khởi đầu đăng tải, truyền đưa hoặc cung cấp nội dung thông tin số qua mạng viễn thông và Internet mà không được phép của chủ thể quyền;
- b) Sửa chữa, cắt xén, sao chép nội dung thông tin số dưới bất kỳ hình thức nào mà không được phép của chủ thể quyền;
- c) Cố tình huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu hoá các biện pháp kỹ thuật do chủ thể quyền thực hiện để bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan;
- d) Hoạt động như nguồn phân phối thứ cấp các nội dung thông tin số do vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan mà có [1, Điều 5 (5)].

Những quy định nêu trên cùng với các nguyên tắc chung của pháp luật sở hữu trí tuệ chính là các cơ sở pháp lý để xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả trong môi trường internet trong đó có “*hành vi tải dữ liệu từ mạng internet một cách trái phép*” [23].

Trên đây là một số văn bản pháp lý chuyên ngành trong hệ thống pháp luật Việt Nam góp phần vào công tác bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trước những xâm phạm trên internet. Cùng với đó, không thể không nhắc đến vai trò lớn của các công ước quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng mà Việt Nam đã trở thành thành viên như:

**- Các Điều ước đa phương:**

- Công ước Berne bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật: Có hiệu lực tại Việt Nam từ 26/10/2004

- Công ước Geneva về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống việc sao chép không được phép bản ghi âm của họ: Có hiệu lực tại Việt Nam từ 06/7/2005
- Công ước Brussel liên quan đến việc phân phối tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh: Có hiệu lực tại Việt Nam từ 12/1/2006
- Công ước Rome bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng: Có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 1 tháng 3 năm 2007)

**- Các Hiệp định song phương về quyền tác giả:**

- Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về thiết lập quan hệ quyền tác giả, có hiệu lực từ ngày 26/12/1997.
- Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Liên bang Thụy Sĩ về Bảo hộ sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, có hiệu lực từ ngày 08/06/2000.
- Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về Quan hệ thương mại, có hiệu lực từ ngày 10/12/2001.

Hai công ước về bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trong kỹ thuật số đã đưa ra một số quy định mới về bảo hộ quyền tác giả liên quan đến “chương trình nghị sự kỹ thuật số”. Đó là việc thừa nhận “*quyền phân phối bản sao đối với tất cả các loại hình tác phẩm*” [61, Điều 6]. Qua đó có thể thấy trước sự ảnh hưởng của internet, việc mở rộng phạm vi các đối tượng được điều chỉnh bởi Công ước Berne là vô cùng cần thiết, điều đó đã được thể hiện ở Công ước WCT. Tuy nhiên Việt Nam chưa tham gia hai công ước này trong khi trước đó ở Công ước Berne bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật chỉ ghi nhận bảo hộ đối với tác phẩm điện ảnh.

Đối với Công ước WPPT, mức độ bảo hộ đưa ra có thể đánh giá là tương đồng với mức độ bảo hộ theo Công ước Rome và Hiệp định TRIPs. Điểm khác biệt ở đây là WPPT không mở rộng quyền của tổ chức phát sóng cũng như các quyền của người biểu diễn mà chỉ điều chỉnh đến sự tôn trọng hình ảnh của người biểu diễn và định hình của biểu diễn bản ghi âm.

Việc nội luật hóa các công ước quốc tế cũng được bảo đảm tốt ở Việt Nam, một ví dụ điển hình là:

việc chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan – theo thông lệ quốc tế, cụ thể là công ước Berne quyền tác giả và quyền liên quan là quyền tự động sản sinh không cần qua bất kỳ một thủ tục công nhận nào. Việc quy định cho đăng ký chứng nhận quyền tác giả, quyền liên quan là một quy định không phổ biến trên thế giới. Đây cần xem như một sự quan tâm nâng cao ý thức bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trong tình hình nhận thức của các cá nhân, tổ chức trong xã hội về sở hữu trí tuệ chưa cao. Việc khuyến khích thực hiện đăng ký và cấp chứng nhận quyền tác giả và quyền liên quan, trong một chừng mực nào đó, là tạo một phản xạ nhất định để tăng cường ý thức về tầm quan trọng của tài sản trí tuệ [25].

Như vậy, hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung đã tạo được một nền tảng pháp lý khá đầy đủ cho việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trước những xâm phạm trên internet. Tuy nhiên, cần phải nhắc lại rằng đó mới chỉ là những ghi nhận pháp lý chuyên ngành sở hữu trí tuệ trong khi cần phải có một góc tiếp cận khác ở góc độ pháp lý về quyền con người.

Có thể thấy rằng khái niệm pháp lý về quyền con người còn khá mới ở Việt Nam với sự xuất hiện chính thức lần đầu tiên cụm từ “quyền con người” trong bản Hiến pháp năm 1992. Tuy nhiên, bản Hiến pháp 1992 vẫn chưa tách biệt giữa hai khái niệm “quyền con người” (human right) và “quyền công dân” (citizen right). Ngay cả đến bản Hiến pháp mới được thông qua vào năm 2013,

đường như nội hàm của hai khái niệm quyền con người và quyền công dân vẫn chưa được làm rõ, mặc dù đã thấy được sự ưu tiên của các nhà lập pháp trong động thái đưa chương về quyền con người, quyền công dân lên vị trí chương thứ hai thay vì ở chương thứ 5 như bản Hiến pháp 1992 (và cả bản sửa đổi năm 2001). Qua đó cho thấy rằng quan điểm lập pháp tại Việt Nam vẫn cho rằng quyền con người, mà biểu hiện cụ thể của nó là các quyền về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội vẫn chỉ được thể hiện qua các quyền công dân như Điều 50 Hiến pháp 1992 đã khẳng định. Bởi lẽ, ở Hiến pháp 2013, mặc dù tên chương 2 là Chương về Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân song chưa có một sự phân định thứ tự ưu tiên các quyền con người phổ quát với các quyền công dân mà có sự xen lẫn, trong đó nhiều quy định về quyền, nghĩa vụ của công dân được đẩy lên trước những ghi nhận về quyền con người.

Tuy vậy, nhìn ở khía cạnh tích cực, từ bản Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), với tư cách bản Hiến văn đầu tiên ghi nhận khái niệm về “quyền con người” đã khẳng định ở Điều 60 rằng: *“Công dân có quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt động văn hoá khác. Nhà nước bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp”*. [19, Điều 60]

Ở các bản Hiến pháp trước đó bao gồm Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, quyền được tự do nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học nghệ thuật của công dân cũng đã được ghi nhận ở Điều 34 Hiến pháp 1959, Điều 43 và Điều 72 Hiến pháp 1980. Đặc biệt tại Điều 72 Hiến pháp 1980 là sự xuất hiện lần đầu tiên của việc ghi nhận sự bảo hộ đối với quyền tác giả. Đây có thể coi là nền móng cho sự ghi nhận và mở rộng hơn nữa việc bảo hộ quyền tác giả về sau.

Cho đến bản Hiến pháp 2013, việc ghi nhận quyền này của nhân dân đã được tiệm cận với quy định của luật nhân quyền quốc tế khi khẳng định tại Điều 40 rằng: *“Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo*

văn học, nghệ thuật và thụ hưởng những lợi ích từ các hoạt động đó” [20, Điều 40].

Như vậy có thể thấy việc ghi nhận quyền sáng tác và được thụ hưởng những lợi ích từ hoạt động sáng tác của “mọi người” như quy định nêu trên gần như là giống với quy định tại Điều 27 (2) Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người cũng như Điều 15 (1) (c) Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Điểm rất mới ở Điều 40 nêu trên chính là ở việc sử dụng thuật ngữ “mọi người” thay vì thuật ngữ “công dân” như trong các bản Hiến pháp trước đó. Từ đó mở rộng hơn các nhóm đối tượng của quyền không chỉ còn giới hạn là công dân của Việt Nam mà là tất cả mọi người, bao gồm cả người nước ngoài sinh sống và làm việc, tham gia hoạt động sáng tạo tại Việt Nam, những người không có quốc tịch hoặc những nhóm đối tượng khác. Có thể nhận định đây là bước khởi đầu quan trọng đánh dấu sự chuyển biến rõ rệt trong tư duy lập pháp ở Việt Nam, tạo dựng tiền đề xác lập, ghi nhận các quyền cụ thể dưới ánh sáng của học thuyết quyền tự nhiên.

Cụ thể hơn, xét về những thuật ngữ được sử dụng trong pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan để thấy được mức độ tương đồng so với quan điểm được ghi nhận trong pháp luật quốc tế về quyền con người.

*Thứ nhất*, về khái niệm quyền tác giả. Ở khoản 2 Điều 4 Luật sở hữu trí tuệ 2005 quy định “*quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu*” [21, Điều 4]. Cùng với đó là quy định về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả tại các điều 13, 36, 37, 38, 39 cho thấy chủ sở hữu quyền tác giả không chỉ là cá nhân mà còn là pháp nhân. Qua đó cho thấy việc ghi nhận theo Luật sở hữu trí tuệ 2005 là phù hợp và mở rộng hơn so với ghi nhận ban đầu theo Điều 27 (2) UDHR và Điều 15 (1) (c) ICESCR vốn chỉ quan niệm chủ thể là tác giả chỉ có thể là một cá nhân. Sự mở rộng này đương nhiên không phải ngẫu nhiên mà là kết quả từ sự tiếp nhận khoa học pháp lý chuyên ngành sở hữu trí tuệ trên thế giới khi tiến hành xây dựng luật. Nên

tảng cơ bản của sự ghi nhận đó vẫn là Điều 60 Hiến pháp 1992 (khi Luật sở hữu trí tuệ ra đời vào năm 2005) và đến nay là Điều 40 Hiến pháp 2013 tiếp tục giữ vai trò cơ sở pháp lý tự nhiên cho bảo hộ quyền sáng tạo của tác giả cũng như các quyền liên quan khác.

*Thứ hai*, về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với những lợi ích có được từ hoạt động sáng tạo. Điều 40 Hiến pháp 2013 quy định mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng những lợi ích từ các hoạt động đó. Từ quy định này có thể diễn giải khả năng thụ hưởng những lợi ích từ các hoạt động sáng tạo, theo pháp luật Việt Nam bao gồm các những lợi ích trực tiếp và gián tiếp. Trong khi đó, Điều 15 (1) (c) ICESCR và cả Điều 27 (2) UDHR đều chỉ ghi nhận tác giả có quyền được thụ hưởng những lợi ích là kết quả từ những sáng tạo của mình, có nghĩa rằng đó phải là những lợi ích mang tính trực tiếp. Tất nhiên, theo Bình luận chung số 17 của Ủy ban Công ước ICESCR, Điều 15(1) (c) không hề hàm ý cản trở các quốc gia thành viên thông qua các chuẩn mực bảo vệ cao hơn so với các chuẩn mực trong các điều ước quốc tế có liên quan.

### ***2.1.2 Nội dung bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet***

Theo quy định của pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ, cụ thể là tại các điều 18, 19 và 20 Luật sở hữu trí tuệ 2005, những quyền dưới đây của tác giả sẽ được bảo hộ kể cả trong môi trường internet:

- Đứng tên trên tác phẩm, đặt tên tác phẩm, công bố tác phẩm, bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm;
- Làm tác phẩm tái sinh;
- Sao chép tác phẩm;
- Phân phối bản gốc hoặc bản sao của tác phẩm;
- Truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng thông tin điện tử;

- Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

Qua đó có thể thấy, các hành vi sau đây sẽ bị xem là xâm phạm **quyền tác giả**, đặc biệt là trên môi trường internet:

- Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học;

- Mạo danh tác giả;

- Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả;

- Công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó;

- Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả;

- Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ về các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao. Tuy nhiên, việc chứng minh một ai đó đã vi phạm khoản 1 Điều 25 là rất khó, chẳng hạn như quy định tại điểm a về trường hợp tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân. Không dễ dàng để có thể kiểm soát được số lượng ấn bản mà một người tiến hành sao chép và càng khó để xác định mục đích thực tế của việc sử dụng là gì. Điều này càng khó khăn hơn khi người vi phạm thực hiện qua internet;

- Làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ;

- Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ;



- Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả;

- Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả;

- Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả;

- Cố ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình;

- Cố ý xoá, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm;

- Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình;

- Làm và bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo;

- Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bản sao tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

Từ quy định về bảo hộ **quyền liên quan** theo các điều 29, 30 và 31 Luật sở hữu trí tuệ 2005, có thể xem các hành vi sau đây bị xem là xâm phạm quyền liên quan trên internet:

- Chiếm đoạt quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng;

- Mạo danh người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng;

- Công bố, sản xuất và phân phối cuộc biểu diễn đã được định hình, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không được phép của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng;

- Sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc dưới bất kỳ hình thức nào đối với cuộc biểu diễn gây phương hại đến danh dự và uy tín của người biểu diễn;
- Sao chép, trích ghép đối với cuộc biểu diễn đã được định hình, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không được phép của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng;
- Dỡ bỏ hoặc thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử mà không được phép của chủ sở hữu quyền liên quan;
- Cố ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền liên quan thực hiện để bảo vệ quyền liên quan của mình;
- Phát sóng, phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng cuộc biểu diễn, bản sao cuộc biểu diễn đã được định hình hoặc bản ghi âm, ghi hình khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử đã bị dỡ bỏ hoặc đã bị thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền liên quan;
- Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó giải mã trái phép một tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá;
- Cố ý thu hoặc tiếp tục phân phối một tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá khi tín hiệu đã được giải mã mà không được phép của người phân phối hợp pháp.

Trên đây là một số dạng hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên internet dựa trên phân tích theo quy định của pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ. Để ngăn chặn và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật nêu trên, tùy theo tính chất của vụ việc và yêu cầu của các bên liên quan mà có thể sử dụng các biện pháp hành chính, dân sự hoặc hình sự.

Về các chế tài dân sự, Toà án có thể áp dụng một hoặc nhiều hoặc tất cả các biện pháp dân sự đồng thời trong quá trình giải quyết một vụ việc liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ

2005 để xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng bao gồm:

- Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm: nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm tiếp tục xảy ra và hạn chế tối đa những thiệt hại do hành vi gây ra;

- Buộc xin lỗi, cải chính công khai: nhằm mục đích bảo vệ quyền nhân thân của tác giả quy về bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm và khôi phục danh dự, uy tín cho tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả;

- Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự: chủ yếu áp dụng đối với các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các hợp đồng, giao dịch dân sự về quyền tác giả, quyền liên quan;

- Buộc bồi thường thiệt hại: việc áp dụng biện pháp này đòi hỏi phải có thiệt hại thực tế xảy ra;

- Buộc tiêu huỷ hoặc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Biện pháp này có thể được áp dụng mà không phụ thuộc vào việc chủ thể quyền có yêu cầu hay không có yêu cầu.

Về các chế tài xử lý hành chính, điểm khác biệt giữa biện pháp xử phạt hành chính với hai biện pháp dân sự và hình sự là ngay cả khi chủ thể bị xâm phạm không yêu cầu áp dụng các cơ quan có thẩm quyền vẫn có thể tiến hành xử lý vụ việc. Biện pháp này có thể được thực hiện một cách nhanh chóng song có hạn chế là có nhiều chủ thể khác nhau (Ủy ban nhân dân các cấp; thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hải quan; Quản lý thị trường; Công an nhân dân; Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển) được phân chia thẩm quyền xử lý nên dễ gây khó khăn trong việc xác định thẩm quyền của cơ quan xử lý.

Bên cạnh những chế tài về hành chính và dân sự, các hành vi xâm phạm quyền tác giả cũng bị xử lý bởi các chế tài hình sự theo quy định tại Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi năm 2009). Cần phải nói thêm rằng trong Bộ luật hình sự năm 1999 mới có các chế tài đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan mới được bổ sung tại lần sửa đổi Bộ luật này vào năm 2009 ở Điều 170a như sau:

1. Người nào không được phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan mà thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại, thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng hoặc cải tạo không giam giữ đến hai năm:

- a) Sao chép tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình;
- b) Phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao bản ghi âm, bản sao bản ghi hình.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ bốn trăm triệu đồng đến một tỷ đồng hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội nhiều lần.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ hai mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. [18, Điều 170a]

Không chỉ có những chế tài trực tiếp đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, một số tội phạm sử dụng internet nhằm xâm phạm các quyền con người, quyền công dân được pháp luật bảo hộ (trong đó có quyền tác giả,

quyền liên quan) cũng được quy định tại các điều khác trong Bộ luật hình sự Việt Nam như ở Điều 226 Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2009:

Điều 226. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet những thông tin trái với quy định của pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 88 và Điều 253 của Bộ luật này;

b) Mua bán, trao đổi, tặng cho, sửa chữa, thay đổi hoặc công khai hóa những thông tin riêng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trên mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet mà không được phép của chủ sở hữu thông tin đó;

c) Hành vi khác sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet [18, Điều 226].

Hai quy định trên đều mới được bổ sung trong lần sửa đổi, bổ sung năm 2009, có thể thấy sự tương đồng giữa quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 170a với quy định tại Điều 226 của Bộ luật hình sự ở chỗ việc vi phạm khoản 1 Điều 170a có thể được thực hiện trên môi trường mạng internet thông qua các dạng hành vi được quy định tại Điều 226. Do đó khi xác định tội danh cần lưu ý để không viện dẫn nhầm lẫn giữa tội phạm thực hiện qua mạng internet (theo Điều 226) với hành vi xâm phạm không qua internet (như theo khoản 1 Điều 170a). Điểm khác biệt cần xác định rõ là về quy mô của hành vi xâm phạm có ở quy mô thương mại hay không.

### ***2.1.3 Giới hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet***

Do nhu cầu đối với sự cân bằng dành cho tất cả những người được thụ hưởng các quyền, trong đó không chỉ có quyền của tác giả, quyền liên quan mà còn những quyền khác như được tiếp cận thông tin, quyền thụ hưởng những thành tựu của tiến bộ khoa học, kỹ thuật nên cần thiết phải có sự giới hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan. Đặc biệt trong môi trường internet vốn là một phương thức hỗ trợ tiếp cận thông tin, tiến bộ khoa học kỹ thuật một cách nhanh chóng.

Vấn đề giới hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan cũng được nêu ra trong nội dung chương trình nghị sự kỹ thuật số của WIPO và đã ghi nhận quyền được sao chép trong môi trường kỹ thuật số nói chung. Theo đó chấp thuận quyền sao chép nêu tại Điều 9 Công ước Berne và các ngoại lệ được phép, sẽ được áp dụng một cách toàn diện trong môi trường kỹ thuật số, đặc biệt đối với việc sử dụng các tác phẩm dưới hình thức kỹ thuật số. Điều này được hiểu là việc lưu trữ tác phẩm được bảo hộ dưới hình thức kỹ thuật số trong môi trường lưu trữ điện tử là sự sao chép theo ý nghĩa của Điều 9 Công ước Berne. Điều kiện áp dụng quyền sao chép được nêu tại đây là việc sao chép đó không được ảnh hưởng đến sự khai thác bình thường của tác phẩm và các đối tượng của quyền liên quan, đồng thời không được xâm phạm bất hợp pháp tới quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền.

Tại Việt Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 25, Luật sở hữu trí tuệ 2005, những trường hợp sau đây sẽ là không phải hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan:

1. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:
  - a) Tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân;

- b) Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình;
- c) Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu;
- d) Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại;
- đ) Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu;
- e) Biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền cổ động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào;
- g) Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy;
- h) Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó;
- i) Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;
- k) Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng [21, Điều 25 (1)].

Hoặc những trường hợp theo quy định tại Điều 26 Luật Sở hữu trí tuệ cũng sẽ không phải là hành vi xâm phạm quyền nếu như có trả tiền nhuận bút, thù lao.

Các quy định giới hạn quyền tác giả nêu trên nhằm đảm bảo quyền của những chủ thể ngoài tác giả có thể được tiếp cận và sử dụng hợp lý những sản phẩm trí tuệ. Điều đó thể hiện tính tương thích với các quy định của pháp luật về quyền con người quốc tế. Tuy nhiên, những giới hạn được cho phép cũng

cần phải nằm trong một khuôn khổ được cho phép để đảm bảo hạn chế tối đa khả năng xảy ra xung đột khi thực thi các quyền. Cụ thể là tại khoản 2 của Điều 25 Luật sở hữu trí tuệ cũng yêu cầu “*Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều này không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm*” [21, Điều 25 (2)]. Đồng thời cũng có sự giới hạn về những đối tượng được đưa ra tại khoản 3 của Điều 25 bao gồm tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình, chương trình máy tính. Hay nói cách khác, những hành vi vi phạm khoản 2 và khoản 3 của Điều 25, mặc dù có thể nằm trong phạm vi điều chỉnh của khoản 1 nhưng vẫn bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Đối với việc giới hạn các quyền liên quan, đã được quy định tại khoản 1 Điều 32 như sau:

1. Các trường hợp sử dụng quyền liên quan không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:
  - a) TỰ sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học của cá nhân;
  - b) TỰ sao chép một bản nhằm mục đích giảng dạy, trừ trường hợp cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã được công bố để giảng dạy;
  - c) Trích dẫn hợp lý nhằm mục đích cung cấp thông tin;
  - d) Tổ chức phát sóng tự làm bản sao tạm thời để phát sóng khi được hưởng quyền phát sóng. [21, Điều 32 (1)]

Tương tự đối với trường hợp giới hạn bảo hộ quyền tác giả, việc thực hiện khoản 1 Điều 32 nêu trên phải đảm bảo được yêu cầu “*không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và không gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng*” [21, Điều 32].



## **2.2 Thực trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên internet tại Việt Nam.**

Cùng với quá trình cải cách mở cửa nền kinh tế, internet cũng bắt đầu bùng nổ ở Việt Nam và đem lại nhiều lợi ích rất thiết thực cho người dân. Tuy nhiên, trong số nhiều mặt trái của internet chúng ta thấy được những thách thức lớn đối với việc bảo vệ quyền tác giả khỏi những hành vi xâm phạm từ môi trường không biên giới này. Điều dễ thấy là internet giúp cho việc tiếp cận thông tin trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết, tất cả đều linh hoạt và tùy thuộc vào sự chủ động của chính người dùng trong khi điều thuận lợi là mọi người hầu như có thể kết nối internet từ bất kỳ nơi nào có kết nối phù hợp, không giới hạn đó là miền núi, hải đảo hay nông thôn, thành thị. Việc truy cập internet với giá thành rẻ cũng là một yếu tố thúc đẩy sự gia tăng lượng người sử dụng các dịch vụ trên internet. Cùng với đó là việc truy cập giờ đây cũng không chỉ giới hạn bằng các công cụ xa xỉ như máy vi tính mà có thể chỉ bằng một chiếc điện thoại di động, máy nghe nhạc có hỗ trợ kết nối không dây...

Nếu như mục đích ban đầu của đa số người dùng internet chỉ là nhằm thỏa mãn nhu cầu khai thác nguồn thông tin vô tận từ thế giới bên ngoài thì càng về sau, nhu cầu của chính họ lại thay đổi dần sang chủ động chia sẻ những giá trị cá nhân của mình tới cộng đồng mạng thông qua internet. Chẳng hạn như việc người dùng có thể tự sản xuất một đoạn clip, hay một phương pháp chế biến món ăn đặc sắc nào đó và thông qua internet, người đó có thể chia sẻ thành quả của mình tới tất cả những bạn bè ở khắp nơi. Đó là một tiện ích của internet mà bất kỳ kho lưu trữ dữ liệu vật chất truyền thống nào cũng không thể thay thế được. Giờ đây, mọi người đều có thể lưu trữ những sản phẩm của họ trên một kho dữ liệu ảo và có thể lấy ra một cách dễ dàng mà không sợ bị lãng quên chỉ cần có kết nối internet. Tuy nhiên, đây chính là khó khăn đối với việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan khi những tài liệu, những sản phẩm trí tuệ được lưu trữ, truyền tải, phổ biến thông qua internet.

Thực tế xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên internet tại Việt Nam chủ yếu dưới các hình thức như sau:

- Hành vi sao chép trái phép

Các đối tượng bị sao chép bất hợp pháp trên mạng Internet thường là các bản tin, bài báo, tranh ảnh đồ họa. Chúng ta có thể dễ dàng đọc được một nhiều bài báo hay các bản tin giống hệt nhau trên các trang thông tin điện tử khác nhau. Điều đáng chú ý là các trang web sao chép các bài báo, bản tin này không hề đề tên tác giả và trích dẫn nguồn. Hoặc việc trích dẫn nguồn được thực hiện tùy tiện, gây khó khăn cho người tiếp nhận trong việc tra cứu nguồn thông tin.

- Hành vi tải lên, chia sẻ qua mạng, tải xuống và phân phối bất hợp pháp các tác phẩm âm nhạc, điện ảnh, phần mềm chương trình máy tính

Đối với các tác phẩm điện ảnh sẽ bị coi là bất hợp pháp khi việc phân phối chúng chưa được sự cho phép của chủ sở hữu tác phẩm hay các bên liên quan khác như nhà phân phối tác phẩm. Tại Việt Nam, tháng 7 năm 2013, Hiệp hội Điện ảnh Mỹ (MPA) đã gửi đơn khiếu nại tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) về hành vi xâm phạm quyền tác giả với sản phẩm điện ảnh của MPA tại 3 trang điện tử bao gồm: phim47.com; v1vn.com; pub.vn. Sau khi Thanh tra Bộ VHTTDL tiến hành việc kiểm tra, phạt vi phạm bản quyền đối với chủ sở hữu ba trang điện tử nêu trên thì ngay lập tức các trang này được đổi tên thành phimhh.com; pubvn.tv; nhằm né tránh việc kiểm tra và tiếp tục thực hiện các hành vi vi phạm bản quyền.

Tiếp đó, vào tháng 4/2014 vừa qua, MPA tiếp tục gửi đơn khiếu nại về hành vi vi phạm bản quyền đối với 3 trang điện tử nêu trên và 9 trang mạng khác tại Việt Nam. Tháng 6 gần đây, TVB Hồng Kông cũng đã gửi đơn khiếu nại tới Bộ VHTTDL về việc một số trang điện tử tại Việt Nam công khai xâm phạm bản quyền bằng việc chiếu các phim của TVB. Thanh tra Bộ VHTTDL cũng đã tiến hành xử phạt 2 trang điện tử, tuy nhiên việc xử phạt hành chính hầu

như không đem lại hiệu quả đáng kể nào. Không chỉ đối với các tác phẩm điện ảnh nước ngoài mà ngay cả với các sản phẩm trong nước, tình trạng xâm phạm bản quyền qua internet cũng diễn biến phức tạp. Điển hình là vụ việc xảy ra cuối năm 2013 đối với bộ phim truyện nhựa “Bụi đời Chợ Lớn”. Đây là tác phẩm điện ảnh đã bị cấm chiếu nhưng bằng cách nào đó bộ phim vẫn bị phát tán trên mạng internet, chỉ vài ngày sau thì đĩa in lậu bán tràn lan. Điều đó cho thấy khả năng xâm phạm quyền tác giả trên internet tại Việt Nam là rất lớn và khó kiểm soát.

Cùng với các tác phẩm điện ảnh, nhiều chương trình truyền hình của các đài truyền hình cũng bị phát tán trên mạng internet một cách nhanh chóng. Nhờ sự phát tán bất hợp pháp đó mà các đơn vị đăng tải thu được lợi nhuận từ các hoạt động của khách hàng, mỗi lượt xem chính là số tiền mà họ kiếm được từ việc thu phí tải về hay quảng cáo. Đặc biệt nhất là việc cuối tháng 12 năm 2008, VTV đã không thể truyền hình trực tiếp đêm chung kết Hoa hậu thế giới vì các trang web vietnamitv.com, vtc.com.vn, PDA.vn, clip.vn đã tự ý thu lại các phần thi Hoa hậu thời trang, Hoa hậu biển từ VTV3 để phát trực tiếp trên trang web của mình. Tổ chức Hoa hậu thế giới cho rằng đây là hành động xâm phạm bản quyền và quyết định ngừng cung cấp sóng cho RAAS, đơn vị cung cấp bản quyền phát sóng cho VTV.

Đối với các tác phẩm âm nhạc, điển hình có thể dẫn ra vụ việc Hiệp hội Công nghiệp Ghi âm Việt Nam gửi công văn tới thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng Cục Bản quyền tác giả để tố cáo việc sau khi Hiệp hội đã cảnh báo, ba website âm nhạc trực tuyến hàng đầu Việt Nam là “*nhaccuatui.com chỉ gỡ bỏ 266 trong số 2.178 bài vi phạm, nhacso.net gỡ bỏ 2.044 trong số 2.066 bài vi phạm, và nhacvui.vn mới chỉ gỡ 10 trong số 1.252 bài vi phạm*” [24]. Theo một thống kê được công bố tại buổi tọa đàm “Nhạc số Việt Nam” được Hiệp hội ghi âm Việt Nam tổ chức vào ngày 15/8/2012 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thì Việt Nam khoảng hơn 20 triệu người

thường xuyên truy cập vào các trang web trực tuyến tải và nghe nhạc. Tuy nhiên, chỉ có 5% trong số đó trả tiền, 85% không trả tiền và 10% là đang lưỡng lự giữa việc trả tiền hay không.

Không chỉ vậy, việc các trang mạng điện tử sao chép nội dung từ các trang mạng điện tử khác với khoảng cách thời gian vô cùng ngắn càng khiến cho công tác xác định nguồn gốc của hành vi xâm phạm trở nên khó khăn hơn.

*- Hành vi sửa chữa, làm sai lệch nội dung, ý nghĩa của tác phẩm văn học*

Năm 2005, bức tranh “Đảng là cuộc sống của tôi” của tác giả Nguyễn Trung Kiên bị phát hiện sao chép và sửa đổi từ bức ảnh “Nụ hôn của gió” là tác phẩm đã từng giành huy chương vàng quốc tế của tác giả Trần Thế Long. “Tháng 4 năm 2006, trường hợp tương tự lại xảy ra với bức tranh cổ động “Tất cả trẻ em nghèo được học” của tác giả Chu Ngọc Thăng và bức ảnh “Lớp học vùng cao” của tác giả Lê Hồng Linh” [15].

Tương tự là trường hợp người sử dụng internet dựa trên những phát ngôn, đoạn hội thoại trong các tác phẩm nổi tiếng để “chế biến” lại thành những phát ngôn, đoạn hội thoại, thậm chí là dưới dạng video, clip tương tự nhưng có ý châm biếm, đả kích một vấn đề cụ thể. Những “tác phẩm phái sinh đó” được phát tán trên các trang mạng, thu hút nhiều lượt xem và đây chính là nguồn thu lớn tiền quảng cáo đi kèm. Xét về bản chất, đó chính là hành vi sao chép, sửa chữa nội dung gốc của tác phẩm. Đây chỉ là một vài ví dụ điển hình được dư luận quan tâm và cũng do các tác giả có sự lên tiếng mạnh mẽ đối với hành vi sao chép ý tưởng tác phẩm. Tuy nhiên, còn rất nhiều trường hợp xâm phạm khác mà tác giả không biết hoặc biết nhưng không có và không biết đến các biện pháp bảo vệ.

## **2.3 Nguyên nhân dẫn tới các xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên internet tại Việt Nam**

### ***2.3.1 Nguyên nhân từ chính sách pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan***

Ngày 22/5/2014, Bộ VHTT&DL tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan. Theo đó, các nhận định đều cho rằng không thể phủ nhận tác dụng của Chỉ thị bởi từ khi Chỉ thị 36 đi vào đời sống, người biểu diễn, nhà sản xuất... về cơ bản đã thực hiện nghĩa vụ xin phép, thanh toán nhuận bút cho chủ sở hữu.

Tuy nhiên, vai trò của Chỉ thị 36 là chưa đủ mạnh để lấp đầy những lỗ hổng trong hệ thống văn bản pháp quy trong lĩnh vực bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đã tạo kẽ hở để các cá nhân, đơn vị lách luật, gây thiệt hại cho chủ sở hữu.

Tại buổi tổng kết do Bộ VHTT&DL tổ chức, đại diện Đài Truyền hình Việt Nam cho biết, bản quyền các chương trình truyền hình đang bị vi phạm nghiêm trọng với nhiều dạng thức. Điển hình là: Tự ý lấy, tiếp phát sóng chương trình VTV nhưng đến phần quảng cáo thì cắt sóng hoặc chèn quảng cáo của mình vào hoặc tự ý chèn quảng cáo trong chương trình mà không xin phép, thỏa thuận; các chương trình đặc sắc (như Táo quân) bị ghi thu, sao chép và phát tràn lan trên internet, thậm chí bị sao in thành băng, đĩa lậu và bán trên thị trường.

Nguyên nhân của tình trạng này một phần được cho là do quy định tại Điều 16 của Quy chế Quản lý hoạt động truyền hình trả tiền cùng với hướng dẫn tại Thông tư 09/2012/TT-BTTTT của Bộ TT&TT cho phép doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền được tự ý tiếp phát các kênh VTV1, VTV2, VTV4, VTV5, VTC1, VTC10, VTC14, VTC16, Vnews, AnninhTV và nhiều

kênh truyền hình địa phương khác mà không cần thỏa thuận về bản quyền bởi đây là các kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia. Tuy nhiên, tất cả các kênh truyền hình nói trên và các kênh khác được liệt kê trong phụ lục kèm Thông tư 09/2012/TT-BTTTT đều có những chương trình truyền hình khác nhau, không thuần túy phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu như các chương trình phim truyện, biểu diễn nghệ thuật... Do đó việc quy định như vậy là không phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan. Hơn nữa sẽ tạo điều kiện cho những doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền có cơ hội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong quá trình tiếp sóng, phát sóng. Một vấn đề cần xem xét khác là mỗi chương trình trên các kênh sóng trên có những chủ sở hữu quyền khác nhau. Chẳng hạn như một số chương trình giải trí truyền hình có thể được nhà đài đã mua hoặc trao đổi bản quyền chương trình với các đối tác trong nước cũng như nước ngoài. Từ đó dẫn đến việc tự ý tiếp phát sóng của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền sẽ khiến các đối tác của đài truyền hình phản ứng và cáo buộc nhà đài vi phạm hợp đồng bản quyền đã ký kết.

Mặt khác, Luật Sở hữu trí tuệ quy định, đưa tin tức thời sự thuần túy không phải trả bản quyền nên nhiều người “*bị nhầm lẫn hoặc cố tình đánh đồng với các tác phẩm báo chí được bảo hộ quyền tác giả để vi phạm bản quyền*” [7].

Hơn nữa, cũng theo quy định của pháp luật, giới hạn sao chép áp dụng cho các đối tượng nghiên cứu và đối tượng giảng dạy là một bản. Thế nhưng, số lượng người nghiên cứu và giảng dạy là rất lớn và đương nhiên cũng không có khả năng giám sát được số lượng ấn bản bị sao chép.

Thêm một lỗi hỏng khác là theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ tại khoản 4 Điều 19, việc sửa chữa, cắt xén hay xuyên tạc các tác phẩm dưới bất cứ hình thức nào gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả đều là hành vi xâm phạm quyền tác giả. Song rất khó để xác định hệ quả thế nào là gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả. Hay nói cách khác cũng “*có những hành vi cắt xén, sửa chữa tác phẩm không ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của tác giả đối với tác phẩm mà có khi còn khiến cho tác phẩm trở nên hay và hấp dẫn hơn*” [9]. Câu hỏi đặt ra là: liệu hành vi đó có hợp pháp hay không? Rõ ràng, rất khó bảo vệ toàn vẹn tác phẩm cũng như quyền tác giả nếu như hành lang pháp lý còn nhiều khoảng trống như vậy.

### ***2.3.2 Nguyên nhân từ cơ chế thực thi bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan***

Bà Trần Thị Trường, Phó Giám đốc Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc phía Bắc, cho biết các đơn vị kinh doanh có đủ “chiêu” lách luật như liên danh, mượn hoặc thuê đơn vị khác làm thủ tục xin cấp giấy phép biểu diễn một lần, thậm chí thành lập nhiều công ty con, công ty ma làm thủ tục xin cấp giấy phép biểu diễn một lần. Có công ty còn lấy lý do chưa thỏa thuận được mức phí tác quyền phải trả để trì hoãn, né tránh việc chi trả bản quyền hay cung cấp sai thông tin địa chỉ trụ sở kinh doanh khiến cơ quan quản lý hoặc tác giả, chủ sở hữu tác phẩm có tìm cũng không ra để đòi tiền bản quyền.

“*Tình trạng này do hiện nay ở hầu hết các địa phương lực lượng thực thi quá thiếu và yếu. Ngay tại Bộ VH TTDL, lãnh đạo Thanh tra Bộ VH TTDL cho biết nhân lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ còn thiếu dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa cao*” [8]. Văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ, nhưng số lượng cán bộ thực thi có am hiểu về quyền tác giả, quyền liên quan chưa nhiều. Điều này dẫn đến công tác bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan còn hạn chế.

Thanh tra ở địa phương lại càng lơ mơ nhận thức về tác quyền và bản quyền hơn.

### ***2.3.3 Nguyên nhân về văn hóa – xã hội Việt Nam.***

Để lý giải được nguyên nhân này cần phải dựa trên những khảo cứu khoa học xã hội chuyên ngành. Có thể khẳng định hai nguyên nhân cơ bản, một là từ phía người sử dụng và hai là từ phía chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

Nhìn từ khía cạnh người sử dụng các sản phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật trái phép, tác giả luận văn này xin đưa ra nhận định của TS. Ngô Tự Lập, giảng viên Khoa Quốc tế trường ĐHQG Hà Nội về vấn đề này như sau:

Mặc dù có nhiều nguyên nhân, nguyên nhân chính của tình trạng đạo văn có ngay trong truyền thống văn hóa, đặc biệt là truyền thống giáo dục áp đặt và giáo điều mà cho đến tận ngày hôm nay chúng ta vẫn chưa cải thiện được bao nhiêu.... trong hàng ngàn năm lịch sử, vấn đề đạo văn rất ít khi được đặt ra ở Việt Nam hay Trung Quốc, mặc dù người ta nhắc đi nhắc lại hàng trăm, thậm chí hàng ngàn lần những ý, những tích, những từ, những tứ của các tác giả tiền bối mà gần như không bao giờ phải nhắc đến tên các vị tiền bối ấy. Điều này không phải ngẫu nhiên... cơ sở của nó là sự thần thánh hoá và tuyệt đối hoá tư tưởng của một hay một số tác giả, biến những tư tưởng ấy thành những chân lý phổ quát. Những tác giả ấy được coi là “Thánh nhân” và vài cuốn sách của họ được coi là những “Kinh điển” mà mọi người đều phải học và làm theo, nhưng không bao giờ có thể học hết. Trí thức ngày xưa không phải là những người sáng tạo, mà là những người biết nhiều chữ, thuộc nhiều sách để lúc nào cũng có thể nói ra những câu na ná những câu của các bậc Thánh hiền. Kinh điển, như vậy, trở thành khuôn vàng thước ngọc đồng thời cũng là giới hạn, hay



nói đúng hơn là nhà tù của trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo, còn giáo dục chỉ còn là một quá trình ám thị để buộc người học phải chấp nhận một cách vô điều kiện những khuôn vàng thước ngọc trong Kinh sách mà thôi [14, tr. 171-172].

Cho đến tận ngày nay, trong tư duy và phương pháp giảng dạy của nền giáo dục Việt Nam còn chưa đem lại hiệu quả như mong đợi bởi lẽ

...vẫn là lối dạy và học mang tính giáo điều và áp đặt. Điều các thầy cô giáo truyền đạt cho học sinh những kiến thức và thông tin cụ thể rồi đòi hỏi các em phải nhớ. Các kỳ thi thường có xu hướng buộc sinh viên chép lại và áp dụng những gì thầy dạy. Những em nào thuộc lòng và chép lại chính xác bài giảng của thầy sẽ được điểm cao..... Những bài viết không hoàn toàn giống với bài giảng của thầy sẽ được điểm thấp hơn. Rõ ràng, về bản chất, lối dạy như vậy chính là *dạy đạo văn*, và việc chấm bài cũng *đề cao trình độ đạo văn*: những bài đạo văn hoàn hảo sẽ được điểm cao nhất. Chính lối dạy này khiến cho các em nhầm tưởng rằng các kiến thức trong sách hay trên mạng đều là vô chủ, hoặc là sở hữu chung, và vì thế ai cũng có thể sử dụng mà không cần phải quan tâm đến tác giả của chúng. [14, tr. 172-173]

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của Internet “*khiến cho việc đạo văn trên mạng có xu hướng gia tăng*”. Bởi lẽ,

So với các hình thức đạo văn khác, đạo văn trên mạng vừa dễ dàng vừa rẻ tiền và cũng ít tốn công sức nhất: người ta chỉ cần đánh tên những tác giả hoặc tài liệu liên quan đến vấn đề cần nghiên cứu, nhấn phím “enter” là tức khắc nhận được vô số văn bản cần thiết. Nếu đăng ký và trả tiền cho một số website, người ta còn có thể tiếp cận hàng trăm ngàn tiểu luận và “công trình nghiên cứu chất lượng cao”. Công việc của các nghiên cứu sinh bây giờ chỉ còn là cắt dán và chắp nối

những đoạn khác nhau để hoàn thành “công trình nghiên cứu” của mình. [14, tr. 173]

Trên đây là một góc nhìn về văn hóa tác động đến xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam, tuy nhiên cũng cần phải nói rõ thêm về những vấn đề được cho là nguyên nhân như TS Ngô Tự Lập đã nêu ở trên.

*Thứ nhất*, về khía cạnh giáo dục, học trò ở mọi cấp học (đặc biệt là các trường công lập) ở Việt Nam đều phải chịu áp lực rất lớn về kết quả học tập mà theo đó, các em cần phải đạt được những điểm số càng cao càng tốt để làm hài lòng thầy cô giáo cũng như các bậc phụ huynh. Áp lực đó đương nhiên ảnh hưởng đến khả năng sáng tạo của các em và cũng gián tiếp đẩy các em đến phương án phải tìm kiếm ý tưởng của người khác thông qua nhiều phương thức. Do đó, với sự phát triển của internet, việc các em thực hiện tìm kiếm những ý tưởng của người khác và biến ý tưởng đó thành sản phẩm của bản thân các em, thể hiện qua các bài kiểm tra sẽ trở nên dễ dàng hơn và gây kích thích hơn so với việc yêu cầu các em tự suy nghĩ và phát triển ý tưởng cá nhân.

*Thứ hai* là về văn hóa sử dụng mạng internet. Điều rõ ràng là các cơ quan hữu quan trong bộ máy nhà nước đã làm tốt vai trò phổ cập (và đến nay vẫn tiếp tục phổ cập) mạng internet đến đông đảo người dân. Qua đó nâng cao cơ hội tiếp cận thông tin, phổ biến thông tin góp phần nâng cao đời sống cũng như khả năng thực thi, đảm bảo các quyền con người khác. Tuy nhiên, lại chưa có một chiến lược hợp lý nhằm thông qua internet để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về văn hóa sử dụng mạng internet. Đây có thể xem là một sự thiếu hụt lớn về chiến lược mà các giải pháp ngăn chặn hoặc xử lý các hành vi xâm phạm quyền trên internet chỉ là cách giải quyết từ ngọn mà không triệt tiêu được gốc rễ của vấn đề cần giải quyết đó là từ nhận thức của người sử dụng.

Ở góc độ thứ hai, cùng với văn hóa sao chép trái phép hình thành từ phía người sử dụng thông tin, công trình khoa học, văn hóa, nghệ thuật còn phải

kể đến nguyên nhân ở chính tâm lý, thái độ của các chủ sở hữu quyền đối với những công trình là tài sản của họ. Có thể nói nhận thức về việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của chính những chủ sở hữu còn hạn chế, chủ quan và thiếu cảnh giác, thường không có hoặc không biết đến các biện pháp phòng ngừa cũng như phải chịu thể bị động trong việc tiến hành các biện pháp bảo vệ tài sản trí tuệ khi bị xâm phạm. Đây không chỉ là một khó khăn đối với chính các chủ sở hữu quyền mà còn là khó khăn cho cả hệ thống thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung bởi lẽ nếu chủ thể sở hữu quyền không nắm được các quyền và phương thức bảo vệ quyền thì cũng rất khó tìm đến các cơ quan bảo vệ quyền trong khi các cơ quan này cũng rất khó khăn trong việc chủ động phát hiện xử lý các hành vi xâm phạm khi không có sự trình báo, yêu cầu của chủ sở hữu quyền theo quy định tại Điều 9 Luật sở hữu trí tuệ 2005 và cụ thể hơn, khoản 1 Điều 198 Luật sở hữu trí tuệ 2005, cung cấp cho chủ sở hữu quyền khả năng tự bảo vệ bằng các biện pháp như:

- a) áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;
- b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;
- c) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- d) Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. [21, Điều 198 (1)]

Như vậy, việc nâng cao nhận thức của cả chủ sở hữu quyền và nhận thức của cộng đồng về việc sử dụng các sản phẩm là thành quả từ lao động trí tuệ cần phải được tăng cường hơn nữa mới có thể hạn chế căn bản các hành vi xâm phạm quyền nói chung và các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên

quan trên internet nói riêng. Hơn nữa, trong hệ thống pháp luật về quyền con người, nghĩa vụ thực hiện các biện pháp nâng cao khả năng thực thi quyền, trong đó có các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng thuộc về nhà nước là chủ yếu. Do đó, nếu tiếp cận quyền từ pháp luật chuyên ngành sở hữu trí tuệ sẽ thấy trách nhiệm đầu tiên và chủ động thuộc về chính chủ thể nắm giữ quyền phải có những biện pháp tự bảo vệ. Tuy nhiên, việc tiếp cận quyền từ pháp luật về quyền con người cho thấy có sự thay đổi lớn trong vai trò của các chủ thể trong việc bảo đảm thực thi quyền mà theo đó, chủ thể là các nhà nước có nghĩa vụ hàng đầu và quan trọng hơn cả.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Có thể thấy pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet, đặc biệt với sự ra đời của Hiến pháp 2013 đã thể hiện sự tương đồng lớn với các ghi nhận của pháp luật quốc tế về quyền con người đối với việc bảo hộ quyền này. Tuy nhiên, với những điều kiện và hoàn cảnh đặc thù cả về thể chế, cơ chế pháp luật, cơ chế thực thi, bảo vệ pháp luật, các yếu tố văn hóa – xã hội, kinh tế khiến cho thực trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam vẫn còn là vấn đề vô cùng nan giải và khó có thể giải quyết dứt điểm trong tương lai gần. Đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay khiến cho việc mở rộng các ứng dụng liên quan đến mạng internet càng gây nhiều khó khăn hơn cho công tác bảo vệ và thúc đẩy khả năng thực thi quyền tác giả, quyền liên quan. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh những biện pháp khắc phục có hiệu quả, nghiên cứu những giải pháp thúc đẩy bảo vệ quyền từ kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Đặc biệt là cần xem xét thay đổi hướng tiếp cận trong công tác giáo dục, phổ biến về quyền và nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ quyền với tư cách là một trong số các quyền con người cơ bản.

### **Chương 3**

## **KINH NGHIỆM XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN TRÊN INTERNET TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY BẢO VỆ QUYỀN Ở VIỆT NAM**

Nhận thức được rằng không chỉ Việt Nam phải đối mặt với những thách thức bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet mà đây là thách thức chung của toàn cầu. Do đó, Việt Nam không đơn độc trong cuộc bảo vệ này và hơn thế là hoàn toàn có thể tiếp cận những kinh nghiệm từ hệ thống bảo vệ, thúc đẩy quyền ở một số quốc gia tiên tiến để vận dụng hợp lý vào bối cảnh của Việt Nam. Mặt khác, các văn kiện pháp luật nhân quyền quốc tế vẫn khẳng định rằng để thúc đẩy khả năng thực thi quyền ở một quốc gia không chỉ cần dựa vào những nỗ lực nội tại của quốc gia đó mà còn cần đến sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế để từng bước nâng cao khả năng tiếp cận và thực thi quyền. Do đó, chương 3 của luận văn sẽ tiến hành xem xét kinh nghiệm bảo vệ, thúc đẩy quyền tác giả, quyền liên quan trên internet của một số quốc gia và đánh giá tính phù hợp của những kinh nghiệm đó với bối cảnh tại Việt Nam. Qua đó rút ra được một số giải pháp cần thiết cho việc thúc đẩy bảo vệ quyền ở Việt Nam.

### **3.1 Kinh nghiệm xử lý xâm phạm bản quyền trên internet của Hoa Kỳ**

Có thể nói Hoa Kỳ là quốc gia có hệ thống các biện pháp xử lý xâm phạm bản quyền qua Internet đầy đủ, toàn diện hàng đầu. Hệ thống các biện pháp dân sự như tự bảo vệ, bảo vệ bằng các cơ chế dân sự, các biện pháp khuyến khích được kết hợp chặt chẽ với nhau với mục tiêu chung là chống lại các hành vi xâm phạm bản quyền qua Internet. Nhắc lại rằng pháp luật Hoa Kỳ trong lĩnh vực bảo vệ sở hữu trí tuệ sử dụng thuật ngữ “bản quyền” (copyright) chứ không sử dụng thuật ngữ “quyền tác giả”.

### ***3.1.1 Tính đa dạng của các biện pháp tự bảo vệ***

Do đặc thù môi trường kinh doanh mang tính cạnh tranh khốc liệt, hơn nữa những sự phát triển hiện tại của thời đại kỹ thuật số khác xa so với hoàn cảnh tại thời điểm ban hành Đạo luật về bản quyền năm 1976 nên chính các doanh nghiệp Hoa Kỳ, qua quá trình hoạt động, là nguồn cung cấp những sáng kiến về khả năng tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chính họ nhằm chống lại xâm phạm bản quyền qua Internet. Các biện pháp tự bảo vệ được dùng chủ yếu là các biện pháp công nghệ (TPMs) vốn được khuyến khích bởi các công ước của WIPO và Đạo luật DMCA của nước này.

- *Các biện pháp công nghệ được sử dụng bao gồm:*

+ *“Khóa các đường dẫn tới các trang âm nhạc trực tuyến có hành vi xâm phạm bản quyền qua Internet” (Site-blocking) [70, tr.8].* Rõ ràng là thật khó để yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến có thể tự giác tôn trọng các vấn đề về bản quyền trong tương quan với khoản lợi nhuận khổng lồ mà họ có thể thu được nếu không phải trả các chi phí về bản quyền. Do đó, việc bỏ ra chi phí ngăn chặn việc truy cập đến các trang mạng dường như là hiệu quả và không chắc đã tốn kém hơn việc đeo đuổi các vụ kiện xâm phạm quyền.

+ *Sử dụng công cụ tìm kiếm*

*“Các công cụ tìm kiếm được các tổ chức bảo vệ quyền tác giả sử dụng để dò tìm các trang mạng cung cấp phim bản quyền bất hợp pháp trên mạng chia sẻ dữ liệu trực tuyến và sau đó gửi cảnh báo liên tục tới người dùng thông qua chính các đường dẫn đó” [31].* Đây là cách mà ngành công nghiệp sản xuất phim của Hoa Kỳ sử dụng để tự bảo vệ mình chống lại các hành vi xâm phạm bản quyền qua Internet.

+ *Yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ mạng cung cấp tốc độ đường truyền thấp*

Biện pháp này được sử dụng để nhằm vào các đối tượng thường xuyên tải phim bất hợp pháp. Với phương pháp này, người dùng Internet không

thể tải các phim có dung lượng lớn và để thỏa mãn nhu cầu của mình họ sẽ lựa chọn tải xuống các bộ phim một cách hợp pháp thông qua trả một mức phí hợp lý.

+ Cung cấp file âm nhạc hoặc những đoạn phim chỉ có một phần giới hạn tác phẩm trên mạng internet. Chẳng hạn như các trích đoạn (trailer) giới thiệu nhằm khuyến khích người dùng mua các bản nhạc cũng như các bộ phim một cách hợp pháp để có chất lượng tốt hơn.

+ Đưa vào các phần mềm các chương trình kiểm tra tính xác thực để ngăn chặn các hành vi sao chép. Biện pháp này đã được công ty Microsoft áp dụng thành công bằng chương trình kiểm tra tính xác thực của hệ điều hành Window - WGA khiến cho quá trình sao chép và phát tán các bản sao sản phẩm của hệ điều hành này trở nên khó khăn hơn.

- *Biện pháp thông tin quản lý quyền (Right Management Information - RMI)*

Biện pháp này được quy định tại đoạn 1202 DMCA và thực hiện bằng cách quản lý thông tin của các địa chỉ IP thực hiện việc tải xuống và chia sẻ dữ liệu bất hợp pháp trên mạng Internet. Ví dụ như:

Tập đoàn Intergrated Information Systems tại Hoa Kỳ đã có thỏa thuận 1 triệu USD với RIAA để theo dõi việc tải xuống, chia sẻ nhạc bất hợp pháp trên mạng. Sau đó, RIAA sẽ ép nhà cung cấp dịch vụ mạng trực tuyến cung cấp tên của khách hàng bị buộc tội là chia sẻ file bất hợp pháp quy mô lớn để có các biện pháp xử phạt cũng như bồi thường thiệt hại [51].

Nhìn chung, các biện pháp tự bảo vệ được các chủ sở hữu bản quyền tại Hoa Kỳ thực hiện hết sức đa dạng. Điều này thể hiện nỗ lực của các chủ sở hữu bản quyền trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình trong môi trường kỹ thuật số phức tạp.

### ***3.1.2 Các chế tài có tính răn đe cao***



Hình phạt đối với xâm phạm bản quyền qua Internet của Hoa Kỳ khá cao với “*mức phạt vi phạm lần đầu tiên có thể lên tới 25.000 đô-la*” [57, đoạn 1201, 1202] hoặc lên tới “*500.000 đô-la và phạt tù đến 5 năm*” [60]. Tòa án không quy định hình thức xử phạt cho bất kỳ loại hình xâm phạm bản quyền qua Internet nhất định nào. Tòa án cũng đưa ra các mức phạt bổ sung rất nặng đối với các đối tượng người dùng Internet có hành vi xâm phạm bản quyền qua Internet. Ví dụ về trường hợp một sinh viên tên “*Joel Tenenbaum đã bị Tòa án Hoa Kỳ tuyên phạt 675.000 đô-la vì tải bất hợp pháp 30 bài hát vào tháng 8 năm 2009 tức là với mỗi bài hát bị tải xuống trái phép phải gánh chịu khoản tiền phạt là 22.500 đô-la*” [65]. Những con số về tiền phạt như vật thể hiện mức độ nghiêm trọng của xâm phạm bản quyền qua Internet và qua đó cũng cho thấy tính răn đe đối với các hành vi tương tự.

### ***3.1.3 Biện pháp giáo dục về nhận thức***

+ Đối tượng học sinh, sinh viên

Theo nghiên cứu của Microsoft, giới trẻ là đối tượng xâm phạm bản quyền chiếm đa số tại Hoa Kỳ và đặc biệt là giới trẻ từ lớp 7 đến lớp 10 có xu hướng tải xuống bất hợp pháp mặc dù chúng biết các quy tắc pháp luật đối với việc tải và chia sẻ dữ liệu trực tuyến. Microsoft cho rằng sự thiếu hiểu biết về luật và những hướng dẫn đối với việc tải xuống từ Internet làm cho giới trẻ nghĩ rằng hình phạt là không cần thiết và hành động tải xuống trái phép không đến nỗi ghê gớm bằng hành động trộm cắp. Ngoài ra, đối với giới trẻ, do không có những khoản chi phí riêng hạn hẹp nên việc tải xuống bất hợp pháp có thể tiết kiệm cho họ một số tiền đáng kể. Chương trình giáo dục của Microsoft tập trung vào việc chuẩn bị cho những học sinh, sinh viên bước vào kỷ nguyên kỹ thuật số, giúp chúng hiểu được một cách đầy đủ việc xâm phạm bản quyền qua Internet ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng như thế nào. Để bổ sung cho chương trình giảng dạy và đề cao việc giáo dục này, Microsoft cũng tạo ra một

trang điện tử có tính tương tác ([http:// www.mybytes.com](http://www.mybytes.com)) để giúp cho giới trẻ có thể tìm hiểu và trao đổi về quyền sở hữu trí tuệ. Một sự kiện khác được Microsoft thực hiện nhằm giáo dục ý thức về xâm phạm bản quyền qua Internet trong năm 2008 là phát động “Ngày chống xâm phạm bản quyền toàn cầu”. Chiến dịch này nhằm thu hút sự chú ý của dư luận tới các nỗ lực chống xâm phạm bản quyền của công ty này. Trong khuôn khổ sự kiện, Microsoft thắt chặt các nỗ lực chống xâm phạm bản quyền tại 49 quốc gia trên thế giới và bắt đầu bằng một vụ kiện bản quyền tại Hoa Kỳ. Ngoài ra, các trường đại học và cao đẳng tại Hoa Kỳ cũng thực hiện các phương thức giáo dục hướng đến đối tượng học sinh, sinh viên. Một cuộc điều tra trên mạng Internet mang tên “The Campus Costs of P2P Compliance” thực hiện bởi Keneth C.Green vào tháng 10 năm 2008 đã đưa ra báo cáo dựa trên điều tra chi phí ngăn chặn chia sẻ dữ liệu bất hợp pháp tại 321 trường Đại học và Cao đẳng tại Hoa Kỳ bao gồm cả chi phí tiền bạc và thời gian. Theo báo cáo này, *“việc giáo dục chống xâm phạm bản quyền qua Internet có thể tiêu tốn đến 500.000 đô-la hàng năm ở một số trường”* [47, tr.9]. Chi phí này bao gồm cả chi phí cài đặt và quản lý các chương trình ngăn chặn dữ liệu P2P và chi phí thời gian cần thiết để thực hiện quản lý thông tin cá nhân người sử dụng.

+ Đối tượng các bậc phụ huynh

Các bậc phụ huynh là những người có ảnh hưởng rất lớn đến hành vi của con cái họ. Vì thế, ngoài những đối tượng thông thường như học sinh, sinh viên, Công ty RIAA của Hoa Kỳ hướng hoạt động giáo dục chủ yếu đến các bậc phụ huynh. *“Một chương trình mang tên “Parental Advisory Label” viết tắt PAL đã được thực hiện bởi các công ty, hãng thu âm tại Hoa Kỳ mà quản lý chương trình chính là RIAA”* [52]

Tóm lại, Hoa Kỳ là một quốc gia rất chú trọng đến vấn đề xâm phạm bản quyền qua Internet với hàng loạt các biện pháp được thực hiện với nỗ lực

chung chống xâm phạm bản quyền. Và thực tế đã đạt được hiệu quả trong công tác bảo vệ chống xâm phạm bản quyền qua Internet tại Hoa Kỳ.

### ***3.1.4 Bài học cho Việt Nam***

*Thứ nhất*, Sự phát triển của công nghệ đã vượt ra khỏi những rào cản về địa lý, lãnh thổ. Do đó, việc học tập kinh nghiệm của Hoa Kỳ trong việc sử dụng các biện pháp can thiệp công nghệ là cần thiết và hữu ích đối với Việt Nam. Nhờ đó, các chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan có thể chủ động hơn trong việc tự bảo vệ tài sản của họ. Rõ ràng là pháp luật Việt Nam đã tạo hành lang cho chủ sở hữu quyền có thể tìm kiếm biện pháp tự bảo vệ song tất cả vẫn chỉ nằm tại các điều luật mà chưa được triển khai phù hợp trên thực tế.

*Thứ hai*, về công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức đối với việc tôn trọng các quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng. Lâu nay Việt Nam vẫn chỉ chú trọng vào việc nâng cao nhận thức cho chính các chủ sở hữu quyền mà chưa đặt trọng tâm việc tuyên truyền vào các nhóm đối tượng có khả năng xâm phạm quyền. Điều đó khiến cho hầu hết người sử dụng internet đều có nhận thức chưa đúng về việc tôn trọng tác quyền dẫn đến việc thực hiện các hành vi xâm phạm một cách tự nhiên và tràn lan khiến các cơ quan chức năng và chủ sở hữu quyền đều khó có biện pháp ngăn chặn. Do đó, cần tích cực chuyển hướng trọng tâm công tác tuyên truyền sang các nhóm đối tượng sử dụng mạng internet thông qua các diễn đàn, các banner quảng cáo chèn trực tiếp trên các trang mạng.

### **3.2 Kinh nghiệm xử lý xâm phạm bản quyền qua internet tại Pháp**

Trong nhiều biện pháp khác nhau ở Pháp có thể kể đến hai Bộ luật Hadopi 1 và Hadopi 2. Bộ Luật Hadopi 1 tuy không được quốc hội Pháp thông qua nhưng nó chính là tiền đề cho Bộ luật Hadopi 2 về sau. “*Cả hai Bộ luật này đều cung cấp giải pháp đối phó từng bước đối với vấn đề xâm phạm bản quyền*”

qua Internet. Theo đó, Hadopi cung cấp các biện pháp ngăn chặn hành vi xâm phạm bản quyền chủ yếu thông qua các biện pháp dân sự” [64, tr.113 - 117]. Bên cạnh đó, hệ thống “trách nhiệm từng phần” (graduated response) hay còn gọi là “quy tắc ba đũa” (the three-strike rule) mà theo đó, “tài khoản của người dùng internet nào có hành vi xâm phạm quyền tác giả trên internet sẽ nhận được một thông báo từ nhà cung cấp dịch vụ internet yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm” [67, tr. 70 – 71].

### **3.2.1 Biện pháp dân sự**

#### *- Mức phạt bồi thường có tính răn đe*

Đối với các vụ việc liên quan đến xâm phạm bản quyền, Tòa án Pháp xử phạt rất mạnh tay để nhằm răn đe và cảnh báo đối với các hành vi xâm phạm bản quyền. Có thể kể đến vụ việc Tòa án Pháp buộc tội Google về việc công bố các cuốn sách của Pháp trên thư viện trực tuyến mà chưa được sự cho phép. Thẩm phán của Pháp tuyên phạt Google với mức bồi thường thiệt hại là “420.000 đô-la cho nhà xuất bản Pháp La Martiniere. Ngoài ra Google được yêu cầu phải trả 10.000 Euro hàng ngày cho đến khi những cuốn sách của Pháp được dỡ xuống từ cơ sở dữ liệu trực tuyến” [39]. Phán quyết này gây ra sự chú ý đối với rất nhiều quốc gia bởi vì các nhà xuất bản và các thư viện ở cả Hoa Kỳ và Châu Âu đều phê bình Google trong việc scan hàng triệu cuốn sách và công bố rộng rãi trên mạng Internet mà không hề được sự cho phép.

#### *- “Trách nhiệm liên đới của cha mẹ” [37, tr.35]*

“Đối với những người có ý cho phép những người khác ăn cắp bản quyền trực tuyến, hình phạt có thể lên tới là 1.500 Euro và chịu sự giám sát sử dụng Internet trong vòng một tháng”[37, tr. 44]. Ví dụ như những đứa trẻ thực hiện hành vi sao chép bất hợp pháp thì các bậc cha mẹ sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới vì đã sao nhãng việc quản lý con cái. Hình phạt liên đới trong trường

hợp này bao gồm mức phạt 1.500 Euro và dịch vụ internet mà gia đình sử dụng có thể bị cắt trong vòng một tháng.

- *Các biện pháp dân sự bổ sung*

+ Biện pháp ngắt đường truyền internet: Đầu tiên, tài khoản người dùng có hành vi xâm phạm bản quyền qua Internet sẽ nhận được thư cảnh báo từ nhà cung cấp dịch vụ mạng bao gồm chi tiết thời gian xâm phạm diễn ra. Sau đó các tài khoản này sẽ chịu sự giám sát của các nhà cung cấp dịch vụ mạng và nhận được lời khuyên để xóa bỏ hoặc dỡ xuống các tác phẩm xâm phạm bản quyền. Sau thời gian bị giám sát khoảng 6 tháng cho đến khi bản sao vi phạm được dỡ bỏ hoàn toàn sẽ có một lá thư xác nhận chi tiết thời gian bản sao xâm phạm được hủy. Nếu bên vi phạm tiếp tục hành vi xâm phạm bản quyền này, tòa án có quyền đưa ra phán quyết cắt dịch vụ internet từ 2 tháng đến 1 năm và bị ghi vào danh sách “Internet Blacklist”.

Biện pháp này được Tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy cho biết là “*sẽ tạo nên khoảnh khắc quyết định cho tương lai của một thế giới Internet văn minh*” [17]. Các công ty net sẽ giám sát những gì khách hàng của họ làm trên mạng, và “*chuyển thông tin về tình trạng trộm cắp bản quyền (nếu có) đến một cơ quan độc lập mới là một ủy ban đặc biệt có nhiệm vụ giám sát các vấn đề về Internet và gìn giữ bản sắc văn hóa trên Internet*” [17].

+ Đánh thuế lên các công ty thực hiện công cụ tìm kiếm:

Cùng với Google, các công cụ tìm kiếm khác của Microsoft, AOL, Yahoo và Facebook cũng sẽ bị áp thuế. Google bị buộc tội làm giảm doanh thu âm nhạc vì mọi người thường bắt đầu tìm kiếm những tác phẩm âm nhạc bất hợp pháp bằng Google. Phán quyết này đã gặp phải sự phản đối quyết liệt từ các nhà cung cấp công cụ tìm kiếm trên Internet. “*Tuy nhiên, nó cũng đem lại một giải pháp hợp lý mà theo đó buộc các nhà cung cấp dịch vụ tìm kiếm phải thiết lập các biện pháp công nghệ để rà soát và ngăn chặn tìm kiếm đối với những nội dung được bảo hộ quyền*” [36].

### **3.2.2 Biện pháp khuyến khích người dùng**

Chính phủ Pháp khuyến khích sự phát triển của những nội dung tải xuống hợp pháp trên mạng Internet cho người sử dụng dễ dàng tiếp cận bằng cách đầu tư thiết lập cổng thông tin trực tuyến cho phép khách hàng có thể tiếp cận một cách hợp pháp đến các tác phẩm bản quyền trên mạng Internet.

### ***3.2.3 Bài học cho Việt Nam***

Bên cạnh những chế tài xử lý được cho là còn nhẹ tay theo pháp luật Việt Nam, chúng ta vẫn còn thiếu các biện pháp hỗ trợ, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả của các biện pháp xử phạt chính. Điều đó dẫn đến thực trạng nhiều doanh nghiệp sẵn sàng nộp các chi phí do xâm phạm bản quyền song vẫn tiếp tục thực hiện các hành vi tương tự do lợi nhuận thu được lớn hơn nhiều so với mức tiền phải nộp phạt. Yêu cầu đặt ra là phải có các chế tài ràng buộc các doanh nghiệp trung gian cung cấp dịch vụ trực tuyến, theo đó đòi hỏi họ phải có các biện pháp ngăn chặn người dùng tiếp cận các nội dung được bảo hộ quyền.

## **3.3 Kinh nghiệm xử lý xâm phạm bản quyền qua internet tại Anh**

### ***3.3.1 Biện pháp dân sự***

+ Mức phạt có tính răn đe cao: Theo một đạo luật tại Anh, những người tải nhạc và phim không có bản quyền sẽ có hình phạt lên đến 50.000 Bảng.

Đạo luật này yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ mạng (ISP) có trách nhiệm lưu lại thông tin về các trang mạng mà khách hàng của họ đã truy cập và những nội dung khách hàng tải về. Trong trường hợp các ISP từ chối hợp tác với chính phủ có thể bị phạt tới 400.000 Bảng. Đây là biện pháp ràng buộc khá chặt chẽ đòi hỏi các nhà cung cấp dịch vụ mạng phải chủ động thực hiện nghĩa vụ thay vì trốn tránh trách nhiệm.

Đôi khi nhà cung cấp dịch vụ mạng còn phải chịu mức phạt thay cho người sử dụng dịch vụ của họ. Tiêu biểu có thể kể đến vụ việc một chủ quán rượu ở Anh đã bị phạt 8.000 Bảng vì khách hàng của ông ta đã sử dụng wifi mở của quán để tải xuống trái phép.

+ Biện pháp xử phạt bổ sung nghiêm khắc

Tháng 11 năm 2009, Chính phủ Anh đã chính thức công bố về việc khóa đường truyền Internet của những người tải game hay dữ liệu trên Internet bất hợp pháp. Đối với những người vi phạm lần đầu, hình phạt sẽ là làm chậm đường truyền và dần tiến tới việc khóa hẳn đường truyền Internet nếu họ tiếp tục vi phạm nhiều lần. Sau mỗi lần vi phạm, người dùng sẽ được gửi một lá thư nhắc nhở, cảnh báo. Nếu có ý thức sửa đổi hành vi, họ có thể đề nghị cung cấp lại tốc độ băng truyền như cũ. Quyết định ngắt đường truyền Internet này không được nhiều người ủng hộ vì bị cho là vi phạm nhân quyền. Tuy nhiên, để giải quyết tình huống này, thông qua tư vấn của Digital Britain, Chính phủ Anh đã ra một quyết định bất thường khi một lần nữa yêu cầu thực hiện các chính sách nghiêm ngặt hơn mà vẫn phù hợp với hiến pháp quốc gia. Đó là những người vi phạm vẫn nhận được các bức thư cảnh báo về hành động của mình, nhưng khác là nếu vẫn tiếp diễn hành vi xâm phạm bản quyền qua Internet họ có thể bị ngăn không cho sử dụng các dịch vụ mạng xã hội trực tuyến và tạm thời vẫn không bị cắt mạng Internet.

### ***3.3.2 Biện pháp giáo dục về nhận thức***

Một loạt các biện pháp giáo dục với rất nhiều hình thức được các nhà làm luật cũng như các cơ quan chức năng liên quan phối hợp với mục tiêu chung là đánh vào ý thức người dùng Internet.

+ Đàm thoại trực tiếp với các cá nhân sử dụng Internet

Bộ trưởng Sở hữu trí tuệ David Lammy đã thực hiện đã thực hiện một cuộc tranh luận trực tuyến với những đối tượng là khách hàng sử dụng Internet

trên những trang mạng nhỏ lẻ để bàn phương hướng giải quyết vấn đề bản quyền trong tương lai.

Biện pháp này giúp cho người sử dụng Internet tiếp cận sâu hơn và có nhận thức đầy đủ hơn trong lĩnh vực xâm phạm bản quyền qua Internet và giúp họ hiểu về những tác hại to lớn của vấn đề này.

+ Giáo dục về tác động tiêu cực của xâm phạm bản quyền qua Internet

Chính phủ Anh thường xuyên làm việc với các nhà cung cấp dịch vụ Internet và các ngành công nghiệp giải trí để giáo dục cho khách hàng rằng việc chia sẻ dữ liệu bất hợp pháp là một hành động phạm pháp và là một sự đe dọa vô cùng lớn đối với ngành công nghiệp giải trí.

### ***3.3.3 Biện pháp khuyến khích hợp lý***

Pháp luật Anh đưa ra rất nhiều biện pháp khuyến khích việc sử dụng hợp pháp các tài nguyên trên mạng Internet. Có thể kể đến như Bộ trưởng Thương mại Anh, Lord Madelson trong chính sách kêu gọi cuộc tiếp cận ba hướng để hạn chế vấn đề chia sẻ dữ liệu bất hợp pháp qua mạng Internet đã kêu gọi sự phối hợp giữa các trung tâm thương mại quyền tác giả với các nhà cung cấp dịch vụ Internet để đưa ra danh mục những sản phẩm trực tuyến với mức giá tốt nhất cho khách hàng. Ông hi vọng với một mức giá hợp lý, người tiêu dùng sẽ không nghĩ đến việc tải xuống trái phép và tự nguyện thực hiện các quy định luật pháp về bản quyền. Ngoài ra, Chính phủ Anh còn khuyến khích chủ sở hữu bản quyền xây dựng một không gian cho người sử dụng để khuyến khích sử dụng hợp lý tác phẩm của mình. Cách này giúp cho người dùng vừa có thể thỏa mãn nhu cầu cá nhân vừa không xâm phạm bản quyền.

Tóm lại, Anh kêu gọi các nhà cung cấp dịch vụ mạng và các ngành công nghiệp giải trí làm việc với chính phủ để chắc chắn rằng các biện pháp bảo vệ chống lại xâm phạm bản quyền qua Internet được phối hợp đồng bộ, cân



bằng về giáo dục và thực thi. Chính phủ cũng hi vọng với những ghi chú cảnh báo hay việc chặn truy cập các trang mạng xã hội đối với các hành vi xâm phạm bản quyền qua Internet sẽ là biện pháp có thể làm giảm đáng kể các hành vi đó. Tuy nhiên, thêm vào đó chính phủ cũng có những biện pháp cưỡng chế thi hành bằng mệnh lệnh như việc yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ mạng có biện pháp công nghệ riêng. Sự kiểm tra tài khoản người dùng có thể là một lựa chọn hợp lý cho những tội phạm xâm phạm bản quyền nghiêm trọng.

### ***3.3.4 Bài học cho Việt Nam***

Có thể nhận thấy sự tương đồng trong các biện pháp được áp dụng ở Anh và Pháp, tuy nhiên bài học từ Anh quốc có thể đến từ phương thức phối hợp ba bên giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà cung cấp dịch vụ mạng và cả các trung tâm đại diện thương mại quyền tác giả. Rõ ràng ở Việt Nam, hoạt động của các trung tâm đại diện quyền tác giả còn khá đơn độc và chưa có quy chế phối hợp với các đầu mối khác một cách hợp lý.

## **3.4. Kinh nghiệm xử lý xâm phạm bản quyền qua internet tại Úc**

### ***3.4.1 Kinh nghiệm hợp tác quốc tế***

Từ thực trạng xâm phạm bản quyền qua Internet nghiêm trọng, các nhà làm luật đã thực hiện sửa đổi luật rất nhiều lần. Và lần sửa đổi gần đây nhất được quốc hội liên bang Úc thông qua vào năm 2006. Luật được sửa đổi theo yêu cầu của Hiệp định thương mại tự do Hoa Kỳ - Úc và được sửa đổi những điều khoản chủ yếu về luật chống vô hiệu hóa các tác phẩm bản quyền trên mạng Internet. Luật sửa đổi tương tự như DMCA của Hoa Kỳ mặc dù các điều khoản không giống hệt nhau. Đây là một động thái tích cực góp phần khuyến khích các tác giả thực hiện các biện pháp tự bảo vệ bằng biện pháp công nghệ. Ngoài ra, luật sửa đổi cũng thêm những điều khoản đối với tội xâm phạm bản

quyền qua Internet như trách nhiệm nặng nề hơn đối với xâm phạm bản quyền và hệ thống cảnh báo xâm phạm bản quyền qua Internet. Mức phạt đối với mỗi xâm phạm bản quyền qua Internet khác nhau tùy theo mức độ xâm phạm, thiệt hại và có thể lên tới 60.500 đô-la đối với các cá nhân xâm phạm và 302.500 đô-la đối với các tổ chức hoặc hình phạt tù 5 năm hoặc cả hai hình phạt một lúc. Ngoài ra, cảnh sát là cơ quan chức năng có thể xử phạt tại chỗ 1.320 đô-la đối với một xâm phạm bản quyền qua Internet được phát hiện. Ví dụ về một trường hợp xử lý xâm phạm bản quyền của một quán cà phê Internet tại Sydney với mức phạt 82.000 đô-la và tịch thu các thiết bị máy tính của quán. Quán cà phê này bị tòa án Úc buộc tội ăn cắp bản quyền các tác phẩm âm nhạc và chương trình truyền hình thậm chí là tải xuống để bán với 60 GB ổ cứng tại máy để khách hàng có thể chuyển tải và mang đi nội dung các tác phẩm bị xâm phạm. Vụ việc này bị liên đoàn phòng chống xâm phạm bản quyền tại Úc (AFACT), Cục điều tra xâm phạm bản quyền âm nhạc tại Úc (MIPI) phối hợp cùng với cảnh sát liên bang Úc (AFP) phát hiện từ ngày 18 tháng 12 năm 2007 tại một quán Internet cà phê tại số 391, phố Pitt, Sydney. AFACT và MIPI đã điều tra và xác nhận rằng quán cà phê này đã thu phí theo giờ đối với những khách hàng xem những bộ phim và nhạc đã được tải xuống bất hợp pháp và lưu trữ tại máy tính của quán và đặc biệt là bán các thiết bị lưu trữ có dung lượng lên tới 60 Gb, tương đương với hơn 40 bộ phim và hàng trăm các file nhạc trong đó có cả những bộ phim và bản nhạc chưa được công bố.

### ***3.4.2. Bài học cho Việt Nam***

Cũng giống nhiều quốc gia khác, Việt Nam tham gia nhiều công ước quốc tế cũng như các hiệp ước song phương trong lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Mặc dù Luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam có quy định việc ưu tiên áp dụng các quy định theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên song trên thực tế hầu như không có sự dẫn chiếu nào thay thế cho các chế định luật

pháp quốc gia. Điều này là một khó khăn trong quá trình xử lý các hành vi xâm phạm mà chủ thể là cá nhân hoặc pháp nhân ở nước ngoài. Do đó, cần xem xét và áp dụng hợp lý các điều ước đa phương và song phương trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay chứ không chỉ đơn thuần sử dụng các quy định của pháp luật quốc gia.

### **3.5. Những giải pháp thúc đẩy bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet ở Việt Nam**

Qua những kinh nghiệm của một số quốc gia nêu trên, có thể tóm lược lại một số bài học đối với Việt Nam trong việc ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên internet như sau:

*Thứ nhất*, về công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức đối với việc tôn trọng các quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng cần tích cực chuyển hướng trọng tâm công tác tuyên truyền sang các nhóm đối tượng sử dụng mạng internet vốn là các nhóm đối tượng có khả năng xâm phạm quyền dễ dàng nhất thông qua các diễn đàn, các banner quảng cáo chèn trực tiếp trên các trang mạng.

*Thứ hai*, về phía các chủ sở hữu quyền cần nhanh chóng tiếp cận các biện pháp tự bảo vệ quyền, đặc biệt là các biện pháp công nghệ vốn có tính hiệu quả cao và chủ động ngăn chặn các hành vi xâm phạm khi được thiết lập. Chẳng hạn như tác giả có thể tự mình hoặc thông qua các doanh nghiệp, tổ chức để xác lập biện pháp thông tin quản lý quyền như kinh nghiệm của Hoa Kỳ; hoặc liên kết trực tiếp với các công ty về công nghệ để tiến hành các biện pháp phòng chống tìm kiếm trái phép liên quan đến tác phẩm của mình.

*Thứ ba*, về hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên internet nói riêng và các quyền sở hữu trí tuệ nói chung cần có những chế tài xử lý mạnh hơn nhằm tạo hiệu quả răn đe cao đối với các hành vi xâm phạm quyền, đặc biệt là có thể nâng cao mức phạt đối với các hành vi xâm phạm cụ

thể. Riêng đối với hành vi xâm phạm qua internet có thể áp dụng các chế tài nghiêm khắc hơn do các chủ thể xâm phạm có cơ hội tiếp cận tốt hơn với khoa học công nghệ, tiếp cận tốt với pháp luật song vẫn thực hiện các hành vi xâm phạm sẽ đem lại sự bất công đối với những chủ thể khác không có cơ hội tiếp cận. Mặc dù một nguyên tắc cơ bản của pháp luật nhân quyền quốc tế là bình đẳng trước pháp luật. Song các giải thích của Ủy ban công ước cũng đã nhấn mạnh rằng việc bình đẳng được đề cập theo các công ước không phải là sự cào bằng các giá trị mà phải dựa trên cơ sở bình đẳng trong khả năng tiếp cận và thực thi quyền. Rõ ràng là những người xâm phạm quyền qua môi trường internet có điều kiện khách quan tốt hơn để tự biết rằng đó là một hành vi vi phạm pháp luật song vẫn cố tình thực hiện để tìm kiếm những lợi ích về vật chất hoặc tinh thần. Do đó, biện pháp nâng cao tính răn đe vừa là biện pháp ngăn chặn, vừa là biện pháp phòng ngừa có hiệu quả.

*Thứ tư*, đối với các cơ quan đại diện quyền tác giả, quyền liên quan cần phải có cơ chế phối hợp chủ động với các cơ quan quản lý nhà nước cũng như với các nhà cung cấp dịch vụ mạng. Với tư cách một đại diện sở hữu quyền, được các tác giả tin tưởng ủy thác một phần trách nhiệm thì những cơ quan này không nên làm việc một cách thụ động, phó mặc cho các hành vi xâm phạm xảy ra và chỉ hành động khi có yêu cầu của các bên liên quan. Cụ thể là các cơ quan này có thể làm việc với các nhà cung cấp dịch vụ mạng để tiến hành các biện pháp ngăn chặn cung cấp sản phẩm sở hữu trí tuệ trên đường truyền hoặc các biện pháp cảnh báo điện tử. Còn trong làm việc với các cơ quan nhà nước thì vai trò của các cơ quan đại diện cũng được thể hiện rõ nét bởi họ thường nắm chắc về các quy định pháp luật hơn so với các tác giả.

*Thứ năm*, Cần có chế tài ràng buộc đối với các nhà cung cấp dịch vụ mạng nhằm đòi hỏi ở các doanh nghiệp này sự tôn trọng cần thiết đối với các nội dung được đăng tải, truyền dẫn và tải xuống thông qua các dịch vụ do chính nhà mạng cung cấp tới người dùng. Rõ ràng là nền kinh tế thị trường ở Việt

Nam dẫn đến tính cạnh tranh khá gay gắt giữa các đơn vị cung cấp đường truyền mạng, từ đó dẫn đến việc nhiều nhà mạng vì muốn thu hút khách hàng mà có những lỏng lẻo trong việc thiết lập và quản lý các đường truyền tới người dùng. Đây là một thực tế cần phải được khắc phục và biện pháp ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các nhà cung cấp mạng là phù hợp.

*Thứ sáu*, về cơ chế thực thi bảo vệ quyền. Đây được coi là một khâu yếu nhất trong hệ thống bảo vệ quyền ở Việt Nam với thực trạng năng lực chuyên môn của cán bộ còn yếu chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Cùng với đó là sự phối hợp thiếu đồng bộ giữa các đơn vị có liên quan. Nhiều trường hợp xảy ra vi phạm có hàng loạt đơn vị cùng tiến hành xác minh, điều tra, xử lý vi phạm song có nhiều trường hợp trách nhiệm lại bị đùn đẩy, trốn tránh trách nhiệm dẫn đến suy giảm lòng tin đối với lực lượng thực thi bảo vệ quyền.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Như vậy, các biện pháp thúc đẩy bảo vệ thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trên internet ở một số quốc gia trên thế giới đã được tiến hành một cách đa dạng giúp Việt Nam có nhiều sự lựa chọn. Cùng với đó, đối chiếu với thực tiễn bối cảnh tại Việt Nam để đưa ra một số giải pháp cho Việt Nam trong việc thúc đẩy bảo vệ và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trong kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ của mạng internet hiện nay. Việc triển khai các giải pháp được nêu trong chương này đối với Việt Nam là không khó khăn song vẫn cần tiến hành từng bước nhằm đạt được hiệu quả cao nhất mà các biện pháp này mang lại. Bên cạnh đó, việc triển khai từng giải pháp cũng cần có lộ trình, thử nghiệm để đánh giá từng giai đoạn cụ thể.

## KẾT LUẬN

Toàn bộ luận văn là quá trình nghiên cứu, phân tích vấn đề bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trước những hành vi xâm phạm trên internet dưới góc độ pháp luật về quyền con người. Trong đó, luận văn cũng đã cung cấp những kiến thức chuyên ngành pháp luật nhân quyền quốc tế đối với việc bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan để đi tới khẳng định rằng Quyền tác giả, quyền liên quan là những quyền con người cơ bản đã được quốc tế thừa nhận, đặc biệt thể hiện rõ ở Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền 1948 và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966 của Liên hợp quốc. Cùng với xu hướng mới của pháp luật quyền con người tăng cường chú trọng đến vai trò và những thách thức đến từ môi trường internet đã góp phần khẳng định việc bảo vệ và thúc đẩy đảm bảo thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trước những xâm phạm trên internet là nhu cầu mang tính tự nhiên, phù hợp với quy luật phát triển của loài người và đặc biệt có ý nghĩa lớn đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Bên cạnh việc phân tích quyền tác giả, quyền liên quan dưới góc độ pháp luật về quyền con người, luận văn đồng thời cung cấp bối cảnh thực trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên internet tại Việt Nam, nghiên cứu giải pháp khắc phục từ một số quốc gia tiêu biểu như Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Úc để từ đó đưa ra những khuyến nghị về các giải pháp có thể áp dụng hiệu quả tại Việt Nam, phù hợp với bối cảnh về kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam.

Kết thúc luận văn này, tác giả còn có nguyện vọng tiếp tục nghiên cứu các quyền con người cụ thể khác về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn nhằm làm rõ hơn nữa tính chất quan trọng của cơ chế tiếp cận các quyền dựa trên pháp luật về quyền con người mang tính chất tự nhiên.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TIẾNG VIỆT

1. Bộ Thông tin và truyền thông – Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch, Thông tư liên tịch số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL ngày 19 tháng 06 năm 2012 quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông, Hà Nội.
2. Chính phủ, Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 về quản lí, cung cấp và sử dụng dịch vụ internet, Hà Nội.
3. Chính phủ, Nghị định số 97/2008/NĐ-CP, ngày 28 tháng 8 năm 2008 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet, Hà Nội.
4. Chính phủ, Nghị định số 11/2009/NĐ-CP, ngày 10/02/2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản, Hà Nội.
5. Cục Xuất bản – Bộ Thông tin và Truyền thông, Công văn số 2627/CXB-QLXB ngày 29/08/2011 về xuất bản trên mạng thông tin máy tính (mạng internet), Hà Nội.
6. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương, *Đặc san tuyên truyền pháp luật*, số 06/2013, Hà Nội.
7. Hồ Hạ (2014), *Lỗ hổng trong bảo hộ quyền tác giả*. Xem tại: <http://ktdt.vn/van-hoa/tin-tuc/2014/05/81024AF2/lo-hong-trong-bao-ho-quyen-tac-gia/> (truy cập 23/06/2014).
8. Nguyệt Hà (2014), *Thực hiện tác quyền: Vẫn còn nhiều khe hở*. Xem tại: <http://baodientu.chinhphu.vn/Van-hoa-The-thao/Thuc-hien-tac-quyen-Van-con-nhieu-khe-ho/200100.vgp> (truy cập 22/06/2014).
9. Trần Văn Hải (2010), *Những bất cập trong quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ việt nam hiện hành về quyền tác giả, quyền liên quan*, Tạp chí Luật học (7) (122) năm 2010, Hà Nội.
10. Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội (2010), *Tập hợp những bình luận/khuyến nghị chung của Ủy ban Công ước Liên hợp quốc, sách tham khảo*, NXB Công an Nhân dân.



11. Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội (2010), *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948: Mục tiêu chung của nhân loại*, NXB Lao động – Xã hội.
12. Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội (2011), *Tư tưởng về Quyền con người, sách chuyên khảo*, NXB Lao động – Xã hội.
13. Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội (2012), *Giới thiệu Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*, NXB Hồng Đức.
14. Ngô Tự Lập (2008), *Nguồn gốc văn hóa của đạo văn*, tập: Ngô Tự Lập, “Gương mặt kẻ khác”, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
15. Phạm Nhật Linh (2010), *Chỉ bị phát hiện “có vấn đề” khi đoạt giải cao?*, Báo Công an nhân dân điện tử, xem tại:  
<http://vnca.cand.com.vn/News/PrintView.aspx?ID=55588> (truy cập 03/07/2014)
16. Lê Nét (2006), *Quyền sở hữu trí tuệ, tài liệu bài giảng*, NXB ĐHQG TPHCM.
17. Minh Nhật (2007), *Pháp luật mới chống xâm phạm bản quyền trên Internet*,  
<http://antg.cand.com.vn/vi-vn/vuan/2008/4/64972.cand> (23/06/2014).
18. Quốc hội, Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Hà Nội.
19. Quốc hội, Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (sửa đổi năm 2001), Hà Nội.
20. Quốc hội, Hiến pháp Việt Nam năm 2013, Hà Nội.
21. Quốc hội, Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009), Hà Nội.
22. Nguyễn Thanh Tú (2011), *Quyền sở hữu trí tuệ và quyền tiếp cận được phẩm, quyền con người*, tạp chí Nghiên cứu lập pháp (17) (202), Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Tuyết (2010), “Chia sẻ dữ liệu trong môi trường Internet và vấn đề liên quan đến quyền tác giả”, *Tạp chí Luật học* (1), Hà Nội.
24. Thông tấn xã Việt Nam - VietnamPlus (2014), Thu-nộp tác quyền: “Việt Nam đi sau nhưng làm ngược với thế giới”,  
<http://www.vietnamplus.vn/thunop-tac-quyen-viet-nam-di-sau-nhung-lam-nguoc-voi-the-gioi/276576.vnp> (truy cập 03/07/2014)

25. Nguyễn Thị Hải Vân (2013), *Quy định về quyền sở hữu trí tuệ: từ Điều 60 Hiến pháp 1992 đến Điều 43 dự thảo Hiến pháp 1992 sửa đổi 2013*, Tạp chí khoa học pháp lí (1), Hà Nội.

26. Yukuo Nagano (2009), *Thực trạng sử dụng và chia sẻ nội dung được bảo hộ bản quyền trên internet: cơ hội và thách thức đối với Nhật Bản*, Hội thảo WIPO khu vực châu Á – Thái Bình Dương về quyền tác giả trong công nghệ thông tin – truyền thông tại Hà Nội, Việt Nam, 29 – 31/7/2009.

## **TIẾNG ANH**

27. Charter European Commission, Charter of Fundamental Rights of the European Union (2007) (2007/C 303/01), Published in the Official Journal of the European Communities.

28. Christoph Beat Graber (2005), *Copyright and Access – a Human Rights Perspective*, University of Lucerne, Faculty of Law,

[http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract\\_id=1617892](http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1617892) (truy cập 28/06/2014)

29. Committee on Economic Social and Cultural Rights (2001), *Statement on Human rights and intellectual property*, (E/C.12/2001/15, 14 December 2001).

30. Copyright, Designs and Patents Act 1988.

31. *Copyright Timeline: A History of Copyright in the United States (2003)*. Xem tại: [http://www.arl.org/focus-areas/copyright-ip/2486-copyright-timeline#.U-xhFKPgy\\_0](http://www.arl.org/focus-areas/copyright-ip/2486-copyright-timeline#.U-xhFKPgy_0) (truy cập 04/07/2014).

32. Council of Europe (2009), *Copyright and Human Rights*, Strasbourg.

33. Craig Allen Nard, Andrew P. Morriss (2006), *Constitutionalizing Patents: From Venice to Philadelphia*, *Review of Law & Economic*, Vol. 2, No. 2, 2006 Case Western Reserve University School of Law.

34. European Commission (2010), *Report from the Commission to the European Parliament, the Council, the European Economic and Social Committee and the Committee of the regions: Application of Directive 2004/48/EC of the European*

*Parliament and the Council of 29 April 2004 on the enforcement of intellectual property rights*, Brussels, 22.12.2010.

35. European Parliament and of the Council (2001), *The Directive 2001/29/EC on the Harmonisation of Certain Aspects of Copyright and Related Rights in the Information Society*.

36. *French solution to illegal download and copyright infringement - tax Google and Yahoo (2010)*, <http://www.zdnet.com/blog/government/french-solution-to-illegal-download-and-copyright-infringement-tax-google-and-yahoo/6738> (truy cập 04/07/2014).

37. Garry Trillet (2012), *Liability and Evidence in Case of Infringement of Copyright on the Internet: A legal comparison between Belgium and France*: [http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract\\_id=2346690](http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2346690) (truy cập 21/6/2014)

38. Geoff Tansey (1999), *Trade, Intellectual Property, Food and Biodiversity: A discussion paper*  
<http://www.sristi.org/material/mdpipr2003/MDPIPR2003CD/M13%20trade%20ip%20food.pdf> (truy cập 30/06/2014).

39. *Google Loses in French Copyright Case*, (2009)  
[http://www.nytimes.com/2009/12/19/technology/companies/19google.html?\\_r=0](http://www.nytimes.com/2009/12/19/technology/companies/19google.html?_r=0)  
(truy cập 03/07/2014)

40. Craig Allen Nard (2013), *The Law of Patents*,  
<http://www.aspenpublishers.com/%5CAspenUI%5CSampleChaptersPDF%5C660.pdf>  
(truy cập 30/06/2014).

41. Human Rights Council (2012), *The promotion, protection and enjoyment of human rights on the Internet*, Twentieth session, 29 June 2012 (A/HRC/20/L.13).

42. Jeremy Waldron (2004), *Property and Ownership*.  
<http://plato.stanford.edu/entries/property/> (truy cập 30/06/2014).

43. Jonathan Ocko (1996), *Copying, Culture, and Control: Chinese Intellectual Property Law in Historical Context*, *Yale Journal of Law & the Humanities*: V ol. 8: Iss. 2, Article 10.

44. Jonathan Ocko (2013), *Copying, Culture, and Control: Chinese Intellectual Property Law in Historical Context*, Yale Journal of Law & the Humanities, V.8.
45. Joseph W P Wong (2007), Copyright Protection in the Digital Environment, [http://www.info.gov.hk/archive/consult/2007/digital\\_copyright\\_e.pdf](http://www.info.gov.hk/archive/consult/2007/digital_copyright_e.pdf) (truy cập 30.6.2014)
46. Benjamin Jowett, *The Politics of Aristotle*, Clarendon Press, Vol II, Part I, 1885
47. Keneth C.Green (2013), *The Campus Costs of P2P Compliance*. [http://www.campuscomputing.net/sites/www.campuscomputing.net/files/Green-P2PCompliance-Oct08\\_6.pdf](http://www.campuscomputing.net/sites/www.campuscomputing.net/files/Green-P2PCompliance-Oct08_6.pdf) (truy cập 30.6.2014)
48. Oren Bracha (2010), *The adventures of the Statute of Anne in the land of unlimited possibilities: the life of a legal transplant*, [http://btlj.org/data/articles/25\\_3/1427-1474%20Bracha%20050911.pdf](http://btlj.org/data/articles/25_3/1427-1474%20Bracha%20050911.pdf) (truy cập 30.6.2014)
49. Oxford Dictionary, <http://www.oxforddictionaries.com/>, (truy cập 22/7/2014)
50. Peter K. Yu (2004), *Digital piracy and the copyright response*, Michigan State University College of Law, <http://www.peteryu.com/piracy.pdf> (truy cập 28/06/2014)
51. RIAA Collects \$1 Million From Company Running Internal Server Offering Thousands Of Songs (2001), [http://www.riaa.com/newsitem.php?news\\_month\\_filter=1&news\\_year\\_filter=&resultpage=85&id=E9996E0C-D33C-CA18-851A-19690EE763FA](http://www.riaa.com/newsitem.php?news_month_filter=1&news_year_filter=&resultpage=85&id=E9996E0C-D33C-CA18-851A-19690EE763FA) (truy cập 05/07/2014).
52. RIAA, Parental Advisory (2006), [http://www.riaa.com/toolsforparents.php?content\\_selector=parental\\_advisory](http://www.riaa.com/toolsforparents.php?content_selector=parental_advisory) (truy cập 06/07/2014).
53. Stewart A. Denenberg (2012), *Intellectual Property: Part One*, [http://www.pressrepublican.com/opinion/columns/article\\_d8287065-81c7-5f5b-b0a2-21932655ac37.html](http://www.pressrepublican.com/opinion/columns/article_d8287065-81c7-5f5b-b0a2-21932655ac37.html) (truy cập 20/06/2014)

54. Ted Sichelman, Sean O'Connor (2012), *Patents as Promoters of Competition: The Guild Origins of Patent Law in the Venetian Republic*, Electronic copy available at: <http://ssrn.com/abstract=2126944> (truy cập 28/06/2014)
55. The Ninth International Conference of American States of the Organization of American States (1948), The American Declaration of the Rights and Duties of Man.
56. The National Assembly of France (1789), The Declaration of Human and Civic Rights.
57. The United Nation of America's Continental Congress (1776), The Declaration of Independence.
58. The United Nation of America (1998), The Digital Millennium Copyrights Act – DMCA.
59. The United Nations (1948), The International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights (ICESCR)
60. The United Nation of America (1934), The United State Communication Act.
61. The United Nations (1948), The Universal Declaration of Human Rights (UDHR)
62. The World Intellectual Property Organization (1996), The WIPO Copyright Treaty
63. The World Intellectual Property Organization (1996), The WIPO Performances and Phonograms Treaty
64. Trisha Meyer (2012), *Graduated Response in France: The clash of copyright and the internet*, Journal of Information Policy, Vrije Universiteit, Brussels, Vol.2 (2012).  
<http://jip.vmhost.psu.edu/ojs/index.php/jip/article/download/71/54> (truy cập 30.6.2014)
65. UNESCO (2001), *Approaching intellectual property as a human right*, V.35, No.3, 2001.
66. UNESCO (2010), *The ABC of copyright*.

67. United States Court of Appeals, No. 12-2146 (2013), Appeal from the United States District Court for the District of Massachusetts.

68. William P. Alford (1995), Book note to steal a book is an elegant offense: *intellectual property law in Chinese civilization*, Harvard Journal of Law & Technology, Volume 8, Number 2, 1995.

<http://jolt.law.harvard.edu/articles/pdf/v08/08HarvJLTech537.pdf> (truy cập 05/07/2014)

69. Winston J. Maxwell (2013), *A Regulatory Framework for Dealing with Online Copyright Infringement (OCI)*.

<http://www.serci.org/2013/maxwell.pdf> (truy cập 05/07/2014)

70. World Intellectual Property Organization (2003), *Current Developments in the Field of Digital Rights Management*, Tenth Session, Geneva, November 3 to 5, 2003 (SCCR/10/2 Rev).